

NHÓM CHỨNG CHỈ CAO SU THUẬN LỢI

SỔ TAY QUẢN LÝ NHÓM



Tháng 1/ 2026

NHÓM CHỨNG CHỈ CAO SU THUẬN LỢI

SỔ TAY QUẢN LÝ NHÓM



Tháng 1/ 2026



MỤC LỤC

I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
1.1. Tên gọi, biểu tượng.....	3
1.2. Tôn chỉ, mục đích.....	3
1.3. Địa vị pháp lý.....	3
1.4. Cơ cấu tổ chức nhóm Chứng chỉ Cao su Thuận Lợi.....	4
1.5. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động	6
1.6. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động.....	6
II. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM.....	6
2.1. Quyền và trách nhiệm của thành viên nhóm chứng chỉ (chủ rừng/vườn).....	6
2.2. Nhiệm vụ của các nhà thầu cung cấp dịch vụ lâm nghiệp (nếu có)	7
2.3. Quyền và trách nhiệm của các đại lý thu gom mủ	8
2.4. Quyền và trách nhiệm của Ban Đại diện nhóm (Chủ thể nhóm)	8
2.5. Ban Đại diện nhóm Chứng chỉ FSC Thuận Lợi.....	10
III. QUY TRÌNH MỞ RỘNG NHÓM CHỨNG CHỈ	11
3.1. Kết nạp thành viên mới/ lô rừng mới.....	11
3.2. Kết nạp Ấp và xã mới	12
IV. QUY TRÌNH GIÁM SÁT NỘI BỘ	13
4.1. Phân cấp giám sát, đánh giá trong tổ chức Nhóm.....	13
4.2. Phương pháp chọn biểu giám sát	15
4.3. Giám sát quản lý nhóm	15
4.4. Xác định các hoạt động cần giám sát đánh giá	15
4.5. Báo cáo kết quả giám sát.....	17
4.6. Họp nhóm thường niên	17
4.7. Yêu cầu cho các hành động khắc phục	18
V. CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÓM.....	18
VI. KẾ HOẠCH TẬP HUẤN, ĐÀO TẠO.....	19
VII. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG THEO PHÂN NHÓM	19
7.1. Qui trình lập kế hoạch quản lý rừng của Nhóm	19
7.2. Cập nhật và sửa đổi kế hoạch quản lý rừng	20
PHỤ LỤC	21
PHỤ LỤC A: CÁC QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH CỦA NHÓM	23
PHỤ LỤC A-1. QUY ĐỊNH KẾT NẠP, MỞ RỘNG THÀNH VIÊN NHÓM CHỨNG CHỈ CAO SU THUẬN LỢI.....	23
PHỤ LỤC A-2: QUY TRÌNH XIN RA KHỎI NHÓM VÀ KHAI TRỪ KHỎI NHÓM.....	25
PHỤ LỤC A-3: QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI.....	27



PHỤ LỤC A-4: QUY TRÌNH CoC CHO THU GOM, VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN MỦ CAO SU	35
PHỤ LỤC A-5: QUY TRÌNH CHUỖI HÀNH TRÌNH SẢN PHẨM GỖ (CoC)	41
PHỤ LỤC A-6: THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN	52
PHỤ LỤC A-7: DANH MỤC KIỂM TRA SỰ TUÂN THỦ FSC	55
PHỤ LỤC A-8: QUY TRÌNH CẤP CHỨNG CHỈ FSC	58
PHỤ LỤC A-9: CÁC ĐỊNH NGHĨA	59
PHỤ LỤC B: CÁC BIỂU MẪU TỔNG HỢP, BÁO CÁO, GIÁM SÁT	61
PHỤ LỤC C: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỪNG	90
QT1. QUY TRÌNH XỬ LÝ THỰC BÌ VÀ TRỒNG RỪNG	91
QT2. QUY TRÌNH CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRỒNG	93
QT3. QUY TRÌNH TRỒNG XEN CÂY NÔNG NGHIỆP	96
QT4. QUY TRÌNH BÓN PHÂN CHO CÂY CAO SU	97
QT5. QUY TRÌNH THU HOẠCH MỦ VÀ CHĂM SÓC VƯỜN CÂY KINH DOANH	100
QT 6. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA TĂNG TRƯỞNG RỪNG	109
QT7. QUY TRÌNH KHAI THÁC TÁC ĐỘNG THẤP (GỖ)	110
QT 8. QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI	114
QT 9. QUY TRÌNH QUẢN LÝ SÂU BỆNH, DỊCH HẠI TỔNG HỢP (IPM)	116
QT10. QUY TRÌNH PHÒNG CHỐNG CHÁY RỪNG	118
QT 11. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI	120
QT 12. QUY TRÌNH VỀ SỬ DỤNG BẢO HỘ LAO ĐỘNG	121
QT 13. SƠ CẤP CỨU KHI XẢY RA TAI NẠN LAO ĐỘNG	125
QT 14. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG THUỐC BVTV	130
QT 15. QUY TRÌNH QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG VEN SUỐI	150
QT16. QUY TRÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG NHÃN MÁC THEO TIÊU CHUẨN FSC-STD-500-01-V2-1	151
QT 17. QUY TRÌNH MỞ ĐƯỜNG KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG	157



I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Nhóm chứng chỉ cao su Thuận Lợi
2. Tên tiếng nước ngoài: Thuan Loi Rubber Certification Groups
3. Tên viết tắt: Thuan Loi-RCG
4. Biểu tượng:



1.2. Tôn chỉ, mục đích

Nhóm chứng chỉ cao su Thuận Lợi (sau đây gọi tắt là Nhóm Thuận Lợi) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của những người trồng rừng và những người hoạt động trong lĩnh vực cao su trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Thành viên Nhóm không phân biệt tuổi tác, dân tộc, tôn giáo, nam, nữ, tự nguyện tham gia vì mục đích trồng rừng có chứng chỉ theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC®.

1.3. Địa vị pháp lý

Ban Đại diện xin cấp và quản lý chứng chỉ FSC®/FM cho các nhóm hộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 456/2024/QĐ-CSTL ngày 01 tháng 6 năm 2024 của Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi. Ban Đại diện Chứng chỉ cao su Thuận Lợi là đầu mối hỗ trợ nhóm chứng chỉ. Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi là đại diện tư cách pháp nhân xin cấp chứng chỉ FSC®/FM cho nhóm.

Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi đại diện cho các thành viên trong nhóm giữ chứng chỉ và quản lý các hoạt động liên quan đến công tác tổ chức quản lý nhóm và quản lý rừng.

Nhóm Chứng chỉ cao su Thuận Lợi thực hiện việc duy trì chứng chỉ trên địa bàn các xã/phường thuộc tỉnh Đồng Nai. Hàng năm tiếp tục mở rộng diện tích, quy mô trên địa bàn còn lại thuộc tỉnh Đồng Nai - có diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy. Dự kiến, trong giai đoạn 2026-2030, nhóm sẽ tăng thêm số lượng thành viên đến khoảng 2.000 – 2.500 hộ gia đình và diện tích rừng khoảng 5.000 - 7.000 ha trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



1.4. Cơ cấu tổ chức nhóm Chứng chỉ Cao su Thuận Lợi

Để phù hợp trong công tác tổ chức quản lý nhóm và triển khai các hoạt động trong quản lý rừng, Nhóm Chứng chỉ cao su Thuận Lợi xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý nhóm bao gồm các cấp:

- **Cấp 1.** = Ban Quản lý Nhóm FSC của Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi
- **Cấp 2.** = Các Đại lý trung gian của Công ty tại các xã
- **Cấp 3.** = Các hộ gia đình thành viên

**Ban Đại diện Nhóm CC Cao su Thuận Lợi****(Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi)**

- Ông Võ Quang Hiếu – Phó tổng giám đốc – Trưởng ban
- Bà Hoàng Thị Ngọc Lan – Trưởng phòng KD – XNK – Phó ban
- Ông Võ Minh Quang – GĐ Nhà máy – Phó ban
- Ông Nguyễn Tấn Thu – Thanh tra giám sát – Thành viên
- Võ Thị Thảo Trang – Phòng KHĐT & TTDN – Thành viên/Mua hàng
- Bà Dương Hồng Huệ – Phòng KHĐT & TTDN – Thành viên/Mua hàng
- Võ Tuấn Hùng – KTPT & KHSX – Thành Viên/Sản xuất
- Ông Phạm Văn Đồng – KTPT & KHSX – Thành Viên/Sản xuất
- Ông Lê Hoài Nam – Kế toán tài chính – Thành viên/ Kế toán
- Bà Phan Thị Thanh Thủy – Hành chính nhân sự – Thành viên/Tài liệu
- Nguyễn Duy Phúc – Quản lý chất lượng – Thành viên/Nhân FSC
- Lê Hà Việt Chương – Quản lý chất lượng – Thành viên/Nhân FSC

**CÁC ĐẠI LÝ THU MUA CỦA CÔNG TY**

- | | |
|---|--|
| 1. Lê Duy Kỳ - Ấp Thuận An, Thuận Thành 1, 2 | 6. Nguyễn Văn Thiện Ấp Tân Phú |
| 2. Nguyễn Thị Thu Trang Ấp Thuận Hòa 1, Thuận Bình | 7. Lê Thành Được Ấp Đồng Búa |
| 3. Chu Thị Thu Ấp Thuận Tân | 8. Lê Thị Kim Yến Ấp Đồng Búa, Bàu Cây Me |
| 4. Nguyễn Minh Tâm Ấp Thuận Tiến | 9. Lê Văn Tín Huyện Ấp Thuận Hải, Bù Xăng |
| 5. Hoàng Thị Quyên, Nhà máy Thuận Dung ấp Thuận Hòa 2 | 10. Tường Thị Kim Nhung, Điểm thu mua Ấp Thuận Phú 1, 2, 3 |



Xã Thuận Lợi
705 hộ
1.847,78 ha

Xã Long Hà
122 hộ
403,27 ha

Xã Nha Bích
25 hộ
276,26 ha

Xã Đắk Ô
5 hộ
206,35 ha

Xã Phước Sơn
5 hộ
167,34 ha

Xã Tân Quan
19 hộ
147,56 ha

Xã Tân Hưng
15 hộ
143,56 ha

Xã Tân Lợi
33 hộ
136,06 ha

Xã Phú Riềng
43 hộ
107,05 ha

Xã Đồng Tâm
38 hộ
91,93 ha

Phường Bình Phước
3 hộ
3,6 ha

Tổng diện tích Cao su của nhóm 3.530,76 (ha)/ Tổng số hộ thành viên 1.013 hộ

Hình 1. Sơ đồ Nhóm Chứng chỉ Cao su Thuận Lợi



1.5. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Nhóm hoạt động trên phạm vi các xã Thuận Lợi, Long Hà, Nha Bích, Đắk Ô, Phước Sơn, Tân Quan, Tân Hưng, Tân Lợi, Phú Riềng, Đồng Tâm và phường Bình Phước thuộc tỉnh Đồng Nai và có thể mở rộng ra các xã lân cận, trong lĩnh vực cao su.

2. Nhóm chịu sự quản lý nhà nước của UBND tỉnh Đồng Nai và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Nhóm theo quy định của pháp luật.

1.6. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ nhóm.

II. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM

2.1. Quyền và trách nhiệm của thành viên nhóm chứng chỉ (chủ rừng/vườn)

Tham gia nhóm chứng chỉ là sự tự nguyện của các chủ rừng, để đảm bảo công tác tổ chức nhóm được ổn định và chặt chẽ, tất cả thành viên nhóm chứng chỉ đều phải có trách nhiệm đối với sự tồn tại và phát triển của nhóm.

- Quyền của thành viên:

- Được lựa chọn mục tiêu kinh doanh vườn/rừng, tham gia đàm phán giá cả khi bán mủ/gỗ;
- Được hưởng lợi toàn bộ sản phẩm từ vườn/rừng, sau khi đã hoàn thành đóng góp các khoản phí theo thỏa thuận giữa thành viên với nhóm (nếu có);
- Được tham gia chia sẻ thông tin trong xây dựng kế hoạch giám sát, giám sát chéo các thành viên khác trong công tác quản lý rừng;

- Trách nhiệm của thành viên:

- Các hoạt động sản xuất nông-lâm nghiệp được thực hiện bởi hộ gia đình thành viên Tuân thủ theo Tiêu chuẩn Quản lý rừng hiện hành và điều lệ thành viên nhóm;
- Cam kết các diện tích rừng của thành viên được đưa vào nhóm, sẽ không được đưa vào một chứng chỉ FSC nào khác;



- Đồng ý cho phép Quản lý nhóm, cơ quan cấp chứng chỉ FSC và ASI được thực hiện công việc kiểm tra và trách nhiệm của họ;
- Đồng ý rằng Quản lý nhóm sẽ thay mặt làm người liên hệ với cơ quan cấp chứng chỉ;
- Thực hiện đúng, đủ các hoạt động trong kế hoạch kinh doanh rừng theo lô;
- Lưu trữ hồ sơ: Sổ đỏ hoặc hợp đồng thuê đất lâm nghiệp hoặc các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất; các chứng từ mua bán cây giống, phân bón, thuốc BVTV.

2.2. Nhiệm vụ của các nhà thầu cung cấp dịch vụ lâm nghiệp (nếu có)

Ngoài việc các thành viên Nhóm thực hiện các hoạt động sản xuất lâm nghiệp trên lô cao su của mình thì có thể có một số hoạt động mà thành viên Nhóm cần nhà thầu dịch vụ lâm nghiệp cung cấp.

Nhằm đảm bảo các nhà thầu cung cấp dịch vụ nắm và thực hiện tốt các quy định của Nhóm để đảm bảo thực hiện tốt các Nguyên tắc và Tiêu chí FSC®, các nhà thầu được khuyến khích tham gia là thành viên Nhóm chứng chỉ rừng. Khi tham gia thực hiện cung cấp các loại dịch vụ lâm nghiệp cho Nhóm, các loại hình dịch vụ của Nhà thầu cung cấp dịch vụ gồm:

- ✓ Sản xuất và/hoặc cung cấp nguồn cây giống đạt tiêu chuẩn theo quy định;
 - ✓ Dịch vụ xử lý thực bì và/hoặc đào hố trồng rừng;
 - ✓ Dịch vụ trồng/chăm sóc cao su;
 - ✓ Thực hiện xen canh cây nông nghiệp/lâm nghiệp trong thời kỳ cây cao su ở gian đoạn kiến thiết cơ bản (từ 5-7 năm, tùy theo cấp đất);
 - ✓ Dịch vụ phun thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ cỏ;
 - ✓ Dịch vụ khai thác và/hoặc vận chuyển mủ cao su;
 - ✓ Dịch vụ khai thác và/hoặc vận chuyển gỗ cao su;
- Nhà thầu cung cấp dịch vụ lâm nghiệp tại các lô rừng của các hộ thành viên phải đảm bảo các hoạt động dịch vụ theo các quy định nội bộ của Nhóm về các hoạt động sản xuất lâm nghiệp nêu trên.
- Nhà thầu cung cấp dịch vụ lâm nghiệp có trách nhiệm đảm bảo thực hiện an toàn lao động và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân của mình theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và theo các Hướng dẫn ILO về an toàn và sức khỏe trong lao động lâm nghiệp theo “ILO code Safety and Health in Forestry Works_1998” và an toàn trong sử dụng hóa chất theo “ILO code Safety in the use of Chemicals at work_1993”.
- Nhà thầu có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ giám sát của Nhóm thực hiện theo nhiệm vụ của mình;
- Nhà thầu có trách nhiệm báo cáo theo định kỳ và đột xuất về các hoạt động của mình khi Ban Đại diện Nhóm có yêu cầu.



2.3. Quyền và trách nhiệm của các đại lý thu gom mủ

- Quyền của các đại lý thu gom:
 - Được tham gia tập huấn về Quản lý rừng bền vững và cách ghi chép hồ sơ đúng quy cách, đảm bảo truy xuất được nguồn gốc mủ có chứng chỉ;
 - Được chi trả tiền công theo khối lượng và chất lượng mủ có chứng chỉ thu gom và vận chuyển về nhà máy theo hợp đồng giữa đại lý và Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi
- Nhiệm vụ của các đại lý thu gom:
 - Lập hồ sơ quản lý thu gom mủ có chứng chỉ của Nhóm viên tại các thôn/xã;
 - Tuyên truyền về hoạt động của Nhóm đến Nhóm viên và cộng đồng, giới thiệu người dân gia nhập Nhóm hoặc đề nghị khai trừ Nhóm viên;
 - Giám sát và giúp đỡ Nhóm viên thực hiện đúng quy trình kỹ thuật đáp ứng các Nguyên tắc và Tiêu chí của FSC;
 - Báo cáo định kỳ theo quý kết quả hoạt động cho Ban quản lý Nhóm
 - Hỗ trợ Trưởng Ban Đại diện Nhóm công tác giám sát, chuẩn bị đánh giá định kỳ và khắc phục các lỗi do tổ chức đánh giá kết luận;
 - Bố trí bãi phân tách vật lý đối với mủ FSC
 - Tuân thủ quy trình và biểu mẫu hồ sơ CoC do Nhóm ban hành.

2.4. Quyền và trách nhiệm của Ban Đại diện nhóm (Chủ thể nhóm)

Ban Đại diện (BDD) Chứng chỉ nhóm là đơn vị đại diện của một đơn vị, tổ chức có tư cách pháp nhân. BDD được các thành viên trong nhóm tin cậy, ủy quyền đứng ra xin cấp chứng chỉ cho nhóm. Hiện tại, Công TNHH Cao su Thuận Lợi là đại diện quản lý nhóm của Nhóm chứng chỉ cao su Thuận Lợi.

- Quyền của BDD nhóm:
 - Tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cấp chứng chỉ và ký hợp đồng đánh giá cấp chứng chỉ ;
 - Giữ bản gốc chứng chỉ của nhóm;
 - Kết nạp thành viên mới (Biểu 1), mở rộng nhóm và khai trừ thành viên ra khỏi nhóm.
- Trách nhiệm BDD nhóm:
 - Cập nhật danh sách thành viên, bản đồ nhóm chứng chỉ theo năm và thảo luận để điều chỉnh kế hoạch quản lý rừng của nhóm phù hợp, ổn định và bền vững;



- Thông báo kế hoạch giám sát nội bộ, kế hoạch đánh giá của Tổ chức cấp chứng chỉ đến các nhóm cấp xã và thông báo kế hoạch khắc phục lỗi sau đánh giá nội bộ và đánh giá của Tổ chức cấp chứng chỉ đến các nhóm cấp xã;
- Tổ chức giám sát nội bộ hàng năm với *biểu theo công thức chọn biểu là $X = 0,6 * \sqrt{y}$ đối với các hộ có lô rừng có diễn ra hoạt động trong nhóm và $X = 0,1 * \sqrt{y}$ đối với các hộ có lô rừng không diễn ra các hoạt động (chăm sóc, lập ô đo đếm trữ lượng...)*;
- Lưu trữ ngân hàng dữ liệu: tài liệu, số liệu của nhóm trên hệ thống máy tính, bản cứng nếu cần;

Trong trường hợp cần phát sinh để sửa đổi Sổ tay hoặc Điều lệ nhóm, Ban Đại diện nhóm sẽ tổ chức một quá trình sửa đổi một cách minh bạch. Các sửa đổi cần được đồng thuận của ít nhất 2/3 số các thành viên của nhóm.

- Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy Nhóm, đề xuất quy chế hoạt động của Ban Đại diện Nhóm;
- Tổ chức triển khai thực hiện các quyết định Nhóm, quy chế Nhóm;
- Quyết định kế hoạch quản lý rừng trung hạn, dài hạn và kế hoạch hoạt động hàng năm của Nhóm;
- Lập Kế hoạch giám sát các hoạt động quản lý rừng của Nhóm viên;
- Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại của Nhóm viên.
- Quản lý quy trình mở rộng Nhóm, quản lý thủ tục xin ra và khai trừ khỏi Nhóm;
- Xây dựng các quy trình, hướng dẫn kỹ thuật và quy định của Nhóm;
- Quản lý nhóm viên chấp hành đầy đủ luật pháp của Việt Nam, các Công ước quốc tế có liên quan đến quản lý rừng và các quy trình, hướng dẫn trong Cẩm nang Quản lý Nhóm và các quy trình kỹ thuật đã được Nhóm thông qua;
- Thực hiện các nhiệm vụ QLR bền vững theo Nguyên tắc & Tiêu chí của FSC®;
- Tổ chức duy trì và phát triển Nhóm và thị trường lâm sản;
- Tổ chức xin cấp và duy trì Chứng chỉ FSC® hàng năm;
- Quản lý chứng nhận chứng chỉ rừng;
- Báo cáo kết quả hoạt động quản lý rừng, kết quả giám sát hàng năm của Nhóm cho các cơ quan chức năng và Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi;
- Lưu giữ toàn bộ hệ thống tài liệu hướng dẫn, hệ thống báo cáo và các ghi chép từ các hoạt động hàng năm như phiếu kiểm tra, giám sát, hóa đơn bán hàng,...

Ban Đại diện Nhóm hoạt động theo quy chế đã được xây dựng, Ban Đại diện Nhóm mỗi năm họp 2 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của công tác quản lý;



- Lưu trữ hồ sơ: Quản lý nhóm lưu giữ hồ sơ trong vòng 5 năm, cập nhật về tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn này và Tiêu chuẩn quản lý rừng hiện hành, bao gồm:
 - a) Danh sách tất cả thành viên của nhóm, chi tiết cho từng thành viên:
 - Họ tên và thông tin liên lạc;
 - Ngày tham gia nhóm và ngày rời khỏi nhóm (nếu có) và lý do rời nhóm;
 - Số lượng và diện tích các lô rừng tham gia trong nhóm;
 - Vị trí của từng lô rừng trong nhóm, được hỗ trợ với bản đồ hoặc dữ liệu;
 - Loại hình sở hữu (tư nhân, đơn vị nhà nước quản lý; cộng đồng quản lý...);
 - Lâm sản khai thác chính;
 - Mã chứng chỉ phụ do Ban Đại diện cấp.
 - b) Tất cả hồ sơ đào tạo cho cán bộ quản lý nhóm và các thành viên nhóm
 - c) Cam kết đồng ý tuân thủ chứng chỉ của tất cả các thành viên, thể hiện trong Đơn đăng ký tham gia nhóm CC Cao su Thuận Lợi
 - d) Tài liệu và hồ sơ hướng dẫn về thực hành quản lý rừng
 - e) Hồ sơ giám sát nội bộ nhóm, các lỗi không tuân thủ và các hành động khắc phục để đóng các lỗi không tuân thủ đã phát hiện
 - f) Hồ sơ về điều tra trữ lượng hoặc ước tính hàng năm của nhóm và sản lượng bán có khai báo FSC thực tế hàng năm của nhóm.
 - g) Hồ sơ CoC (gỗ và củ) và Bản đồ cập nhật hiện trạng các lô rừng của Nhóm khi có thay đổi.
 - h) Các hồ sơ khác của Nhóm (hồ sơ tranh chấp khiếu nại, đơn đăng ký thành viên, đơn xin ra khỏi nhóm, các báo cáo định kỳ...)

2.5. Ban Đại diện nhóm Chứng chỉ FSC Thuận Lợi

Ban Đại diện chứng chỉ cao su Thuận Lợi được thành lập nhằm mục đích hỗ trợ về chủ trương và chính sách liên quan đến việc thành lập, duy trì và phát triển nhóm chứng chỉ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trong trường hợp, nhóm chứng chỉ này phát triển quy mô toàn tỉnh thì chức năng này có thể được điều chỉnh cho một đơn vị hoặc tổ chức khác phù hợp. Chính vì vậy, trong Sổ tay này chỉ đề cập đến vai trò của Ban Đại diện nhóm chứng chỉ cao su Thuận Lợi đang trong tầm kiểm soát nhóm chứng chỉ trong địa bàn huyện:

- Phối hợp các xã tham gia cấp chứng chỉ thực hiện vai trò quản lý nhà nước hỗ trợ hoạt động nhóm chứng chỉ;
- Hỗ trợ, phê duyệt các đề xuất, báo cáo của nhóm chứng chỉ;



- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan đến công tác quản lý đất nông/lâm nghiệp, quản lý vườn/rừng để tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm hoạt động;

III. QUY TRÌNH MỞ RỘNG NHÓM CHỨNG CHỈ

Mở rộng nhóm CC với sự kết nạp thêm nhiều thành viên mới ở các xã mới là một yêu cầu cần thiết để đảm bảo Nhóm có một diện tích đất rừng đủ lớn giúp cho các chủ rừng nhỏ có thể thực hiện được CC FSC® đạt hiệu quả kinh tế cao và chi phí thấp. Đồng thời với diện tích rừng đủ lớn, có thể tạo ra một lượng sản phẩm gỗ lớn giúp cho sản phẩm có chứng chỉ của Nhóm có thể tiếp cận với nhiều đối tượng khách hàng hơn.

Căn cứ vào nhu cầu của thị trường và quy mô của nhà máy, hiện tại nhóm CC Cao su Thuận Lợi xác định quy mô mở rộng nhóm đến 2028 vào khoảng 5.000 ha và ước tính kết nạp thêm khoảng 2.000 – 2.500 hộ gia đình.

3.1. Kết nạp thành viên mới/ lô rừng mới

Ban Đại diện nhóm sẽ xem xét/ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt các đơn xin gia nhập nhóm của các hộ dân trong các nhóm ấp đã tồn tại cho các lô rừng mới vào nhóm, tập trung mỗi năm một lần (Có thể thực hiện các trường hợp ngoại lệ, ví dụ cho một diện tích lớn). Cần tuân thủ qui trình sau đây:

- Các hộ dân nhận biểu đơn, điền thông tin và nộp đơn (**Biểu 1**) đến Ban Đại diện Nhóm. Ban Đại diện Nhóm hoặc người nông dân chủ chốt được ủy quyền sẽ hỗ trợ người nộp đơn điền thông tin vào Phiếu thu thập thông tin diện tích rừng trồng (**Biểu 2**) và thực hiện một cuộc kiểm tra các điều kiện ban đầu gia nhập nhóm theo biểu. Nếu trong quá trình kiểm tra, phát hiện các lỗi chưa tuân thủ theo Tiêu chuẩn QLRBV FSC thì người kiểm tra thông báo cho người nộp đơn biết các lỗi, giải thích các biện pháp khắc phục và thông nhất thời hạn để thực hiện các hành động khắc phục;

- Hàng năm, Ban Đại diện nhóm phúc kiểm 10% biểu kiểm tra điều kiện ban đầu của tổng số các lô rừng nộp đơn xin gia nhập nhóm. Trong trường hợp lo ngại về chất lượng của việc kiểm tra điều kiện ban đầu, Ban Đại diện nhóm cần kiểm tra toàn bộ các lô rừng mới gia nhập vào nhóm Xóm và yêu cầu Trưởng nhóm xã phải cải thiện chất lượng. Trường hợp vẫn còn lo ngại về chất lượng, Ban Đại diện cần có các hành động phù hợp (ví dụ như tổ chức tập huấn nâng cao, hoặc cách chức Trưởng nhóm xóm/trạm);

- Sau khi các chủ rừng hoàn thành hành động khắc phục lỗi và được Ban Đại diện kiểm tra, lô rừng của hộ sẽ được đưa vào danh sách thành viên và cập nhật các lô rừng đó vào kế hoạch quản lý rừng của Nhóm.



- Trước khi có phê duyệt cuối cùng cho các thành viên mới, nhóm cần thông báo cho tổ chức cấp chứng chỉ danh sách thành viên mới được cập nhật, bao gồm cả những thành viên mới kết nạp và bị khai trừ. Những thành viên mới cần phải được đánh giá và công nhận “đạt yêu cầu” từ tổ chức cấp chứng chỉ;
- Quản lý nhóm sẽ ký hoặc ủy quyền ký toàn bộ các biểu đơn gia nhập, lưu tại hồ sơ quản lý nhóm 1 bản và gửi lại Trưởng nhóm xã giữ một bản. Sau đó các chủ rừng xin gia nhập nhóm sẽ được Ban Đại diện thông báo chính thức là thành viên nhóm;
- Ban Đại diện nhóm cần cập nhật hàng năm toàn bộ danh sách nhóm bao gồm: gia nhập mới và rời bỏ nhóm của các thành viên.

Trưởng nhóm xóm/trạm hoặc người nông dân chủ chốt được ủy quyền cần phát các tài liệu liên quan đến QLRBV FSC và tổ chức tập huấn cho các thành viên mới.

3.2. Kết nạp Ấp và xã mới

Nếu các Ấp trong xã mới hoặc xã mới có nhu cầu tham gia Nhóm chứng chỉ đã được đánh giá tiềm năng thì QLN cần có các hoạt động hỗ trợ về công tác tổ chức và hướng dẫn kỹ thuật QLRBV FSC thông qua các hoạt động theo Quy trình sau:

- *Tổ chức Hội nghị Giới thiệu về Chứng chỉ triển khai kế hoạch cấp chứng chỉ cho xã, thành phần bao gồm:*
 - Lãnh đạo UBND xã, cán bộ nông lâm, kiểm lâm địa bàn;
 - Đại diện Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên,...
 - Các Trưởng thôn, nhóm trưởng;
 - Toàn bộ các chủ rừng trong xã có nhu cầu tham gia nhóm chứng chỉ.

Sau thời gian hội nghị, có thể 2 tuần hoặc 4 tuần Ban Đại diện nhóm CC Cao su Thuận Lợi sẽ tổng hợp đơn xin gia nhập nhóm chứng chỉ của các chủ rừng. Ban đại diện nhóm sẽ phối hợp cùng các Trưởng thôn, xã đã có chứng chỉ mới tiến hành tổ chức các lớp tập huấn về Công tác tổ chức quản lý nhóm và hướng dẫn kỹ thuật quản lý rừng.

- *Các lớp tập huấn về Tổ chức quản lý nhóm và quản lý rừng, bao gồm:*
 - Chứng chỉ và Cơ cấu tổ chức nhóm;
 - Kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng chứng chỉ;
 - An toàn lao động trong hoạt động lâm nghiệp;
 - Phòng trừ sâu bệnh hại và phòng chống cháy rừng;
 - Khai thác tác động thấp và Quản lý chuỗi hành trình sản phẩm;
 - Xây dựng kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, cấp xã;



- Giám sát đánh giá nội bộ công tác quản lý nhóm và quản lý rừng.
- *Hoàn thiện hồ sơ thành viên, hồ sơ nhóm cấp thôn, cấp xã*
- Hồ sơ thành viên bao gồm: sổ đỏ (hoặc lâm bạ, hợp đồng thuê đất hoặc các giấy tờ chứng minh nguồn gốc liên quan); đơn xin tham gia nhóm chứng chỉ (**Biểu 1A**); Phiếu thu thập thông tin diện tích rừng trồng (**Biểu 2A**); kiểm tra điều kiện ban đầu (**Biểu 3**); các chứng từ mua cây giống, phân bón, thuốc BVTV (nếu có);
- Hồ sơ nhóm cấp thôn bao gồm: danh sách thành viên nhóm của thôn; giám sát hàng năm (**Biểu 8A**); phiếu đánh giá tác động xã hội - môi trường, điều tra rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF) nếu có, kế hoạch quản lý rừng cấp thôn; các năm tiếp theo sẽ cập nhật bổ sung các loại biểu biểu liên quan đến giám sát khai thác, vận chuyển phiếu CoC,...;
- Hồ sơ nhóm cấp xã bao gồm: danh sách thành viên nhóm xã; báo cáo chuyên đề về đánh giá tác động xã hội - môi trường, điều tra rừng HCVF (nếu có); kế hoạch quản lý rừng cấp xã; bản đồ hiện trạng rừng chứng chỉ;

IV. QUY TRÌNH GIÁM SÁT NỘI BỘ

4.1. Phân cấp giám sát, đánh giá trong tổ chức Nhóm

Căn cứ kế hoạch quản lý rừng hàng năm của các hộ thành viên được tổng hợp bởi Ban Đại diện nhóm, kế hoạch giám sát nội bộ được xây dựng cho từng hoạt động, từng cấp quản lý thực hiện. Những nội dung chính trong giám sát nội bộ, bao gồm:

- Giám sát hoạt động trồng rừng (**Biểu 9A**);
- Giám sát hoạt động chăm sóc rừng trồng (**Biểu 9B**);
- Giám sát hoạt động quản lý, bảo vệ rừng (**Biểu 9C**);
- Giám sát hoạt động khai thác rừng (**Biểu 9D**).

Để đảm bảo việc xây dựng kế hoạch giám sát nội bộ phù hợp cho từng hoạt động, quản lý nhóm các cấp phải tổ chức tham vấn thành viên nhóm, các bên liên quan của địa phương.

- Các lô rừng đang hoạt động (active) là các lô rừng có diễn ra các hoạt động sau:
 - Các hoạt động cho khai thác mủ cao su, bài cây, phân định vùng đệm ven sông, xác định các khu vực nhạy cảm về môi trường và văn hoá;
 - Khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ (tất cả các phương pháp khai thác/ khai thác gỗ thương mại);
 - Phát triển cơ sở hạ tầng (xây dựng đường lâm nghiệp);



- Các hoạt động cho trồng cao su: làm đất, trồng, xử lý thực bì theo quy định, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật;
- Các biện pháp lâm sinh: tỉa cành, tỉa thưa, chăm sóc làm cỏ vun gốc.
- Các lô rừng không hoạt động (non-active) là các lô rừng:
 - Các hoạt động giám sát, bảo vệ rừng (tuần tra phòng cháy chữa cháy, giám sát các hoạt động trái phép;
 - Thiết lập và giám sát các ô mẫu định vị theo dõi trữ lượng lâu dài;
 - Vệ sinh rừng, bảo dưỡng/cắt cỏ các đường ranh lô;
 - Phân giới và bảo trì đường ranh giới;
 - Xây dựng, cập nhật kế hoạch quản lý rừng;...

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, việc giám sát, đánh giá sẽ được phân công cụ thể cho từng cấp quản lý.

Bảng 1. Phân cấp quản lý trong đánh giá giám sát

Cấp quản lý	Nội dung đánh giá	Loại đánh giá	Tần suất thực hiện
Ban Đại diện Nhóm CC Cao su Thuận Lợi	- Đánh giá sự phù hợp và hiệu quả thực hiện quản lý nhóm của Ban Đại diện CC nhằm thực hiện QLRBV và duy trì CC theo bộ tiêu chuẩn Nhóm của FSC - Đánh giá việc tuân thủ các tiêu chuẩn QLRBV theo Bộ tiêu chuẩn FSC trong các hoạt động SXKD của các thành viên	Nội bộ	1 lần/năm
	- Giám sát tính tuân thủ của các hoạt động SXKD rừng của các thành viên nhóm, khi có các lô rừng diễn ra hoạt động. - Đánh giá thành viên nhóm theo hình thức bốc mẫu; trong đó: 1 – 3 % số lô được chọn ngẫu nhiên từ danh sách chủ rừng. - Đặc biệt tăng cường giám sát sát đối với các lô rừng có nguy cơ rủi ro cao như giáp HLSS hoặc có độ dốc lớn.	Thường xuyên	1 lần/tháng



4.2. Phương pháp chọn biểu giám sát

Căn cứ kế hoạch quản lý rừng của Nhóm, kế hoạch giám sát đánh giá được xây dựng cho năm hoạt động. Ban Đại diện nhóm phải sử dụng lịch giám sát hàng năm để lập kế hoạch giám sát đánh giá các lô rừng.

Căn cứ kế hoạch kinh doanh rừng theo lô, kế hoạch giám sát lô được Ban Đại diện tổng hợp theo cấp tuổi để lập cho từng hoạt động.

Căn cứ tính thời vụ trong kinh doanh rừng của địa phương, Ban Đại diện nhóm hoặc người được ủy quyền của Ban Đại diện nhóm sẽ lựa chọn thời điểm cần giám sát các hoạt động trong năm, số biểu giám sát của Quản lý nhóm $X = 0,6 * \sqrt{y}$ (x = số lượng các ĐVQLR cần đánh giá, y = tổng số ĐVQLR) đối với các lô rừng đang hoạt động và $X = 0,1 * \sqrt{y}$ đối với các lô rừng không có hoạt động.

4.3. Giám sát quản lý nhóm

- Kiểm tra thủ tục kết nạp/khai trừ thành viên
- Kiểm tra sự tuân thủ theo các quy trình của nhóm
- Kiểm tra kế hoạch và kết quả giám sát tại các phân nhóm và biện pháp khắc phục.

4.4. Xác định các hoạt động cần giám sát đánh giá

Tất cả các hoạt động thực hiện trong quá trình quản lý rừng đều phải được giám sát đánh giá nhằm đảm bảo việc tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí của FSC®. Đồng thời quá trình đánh giá giám sát giúp phát hiện các vấn đề nảy sinh khi thực hiện quản lý rừng, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm hạn chế và khắc phục các vấn đề yếu kém và các hoạt động chưa tuân thủ. Kế hoạch quản lý rừng và Phương án QLRBV cần được cập nhật hàng năm dựa trên phân tích các kết quả đánh giá giám sát. Các hoạt động giám sát và mẫu phiếu giám sát được tổng hợp trong Bảng 5.3.

Bảng 2. Các hoạt động cần đánh giá giám sát

TT	Hoạt động	Yêu cầu kỹ thuật	Mẫu phiếu giám sát
I.	Giám sát các hoạt động SXKD của thành viên nhóm		
1)	Giám sát trồng rừng	- Sử dụng quy trình kỹ thuật trồng rừng được xây dựng cho Nhóm làm căn cứ đánh giá giám sát. - Giám sát tất cả các lô rừng trồng mới	Mẫu 9A: Mẫu giám sát hoạt động trồng rừng



2)	Giám sát chăm sóc rừng	- Sử dụng quy trình kỹ thuật chăm sóc rừng làm căn cứ đánh giá - Giám sát theo hình thức bốc mẫu	Mẫu 9B: Mẫu giám sát hoạt động chăm sóc rừng và khai thác mủ
3)	Giám sát hoạt động bảo vệ và phòng chống cháy rừng	- Sử dụng quy trình chăm sóc bảo vệ và quy trình phòng chống cháy rừng làm căn cứ cho đánh giá - Giám sát theo hình thức bốc mẫu	Mẫu 9C: Giám sát hoạt động bảo vệ và phòng chống cháy rừng
4)	Giám sát hoạt động khai thác (bao gồm cả mở đường vận xuất,...)	- Sử dụng quy trình khai thác để làm cơ sở đánh giá giám sát - Giám sát cho tất cả các lô rừng khai thác	Mẫu 9D: Mẫu giám sát hoạt động khai thác
5)	Giám sát tăng trưởng và trữ lượng rừng	- Sử dụng quy trình đánh giá tăng trưởng và trữ lượng rừng để làm căn cứ giám sát - Tần suất giám sát là 5 năm 1 lần, thực hiện cho cấp tuổi 3 trở lên.	Mẫu 9E: Phiếu giám sát sinh trưởng và trữ lượng rừng trồng
6)	Giám sát đa dạng sinh học, tác động môi trường, xã hội và an toàn lao động	Lồng ghép vào việc giám sát các hoạt động sxkd của nhóm Sử dụng các quy trình kỹ thuật lâm sinh, an toàn lao động, tác động môi trường xã hội,... để làm căn cứ giám sát	Lồng ghép vào các mẫu giám sát trên
II.	Đánh giá nội bộ tổ chức nhóm (Do Ban Đại diện nhóm hoặc Tư vấn thực hiện)		
1)	Đánh giá tính phù hợp của cơ cấu tổ chức nhóm	- Sử dụng các quy trình quản lý và kỹ thuật đã được xây dựng và đang áp dụng cho Nhóm để làm căn cứ đánh giá.	Biểu 18. Phiếu đánh giá nội bộ tổ chức nhóm
2)	Đánh giá tính hiệu quả của bộ máy quản lý nhóm	- Đánh giá sự phù hợp trong quản lý của Ban Đại diện Nhóm	Biểu 19. Phiếu đánh giá nội bộ tổ chức nhóm



3)	Đánh giá sự phù hợp của các quy trình quản lý nhóm và quy trình kỹ thuật QLRBV đang áp dụng cho tổ chức Nhóm	- Ban Đại diện nhóm sẽ bầu ra một tổ giám sát nội bộ, bao gồm cả thành viên trong ban quản lý nhóm và có thể mời thêm chuyên gia bên ngoài để tăng tính khách quan cho việc đánh giá	Biểu 20. Phiếu đánh giá nội bộ tổ chức nhóm
4)	Giám sát nội bộ: trồng rừng, chăm sóc rừng, quản lý/bảo vệ rừng, khai thác gỗ/mủ.	- Bốc mẫu đánh giá hiện trường như phần 5.2	Sử dụng các mẫu Giám sát hiện trường như mẫu ở mục I của Bảng này.

4.5. Báo cáo kết quả giám sát

Sau khi đánh giá giám sát, người đánh giá và chủ rừng ký xác nhận vào phiếu đánh giá. Hai bên thống nhất thời gian để hoàn thiện các hoạt động khắc phục lỗi không tuân thủ của chủ rừng. Trong thời gian này, cán bộ giám sát liên lạc với chủ rừng để hướng dẫn và hỗ trợ việc khắc phục lỗi. Hết thời gian khắc phục lỗi, cán bộ giám sát phải kiểm tra hiện trường vào phê chuẩn vào phần phê duyệt ở cuối mỗi phiếu giám sát.

Cán bộ giám sát tổng hợp kết quả giám sát theo quý nộp lên cho Ban Đại diện Nhóm 3 tháng 1 lần.

4.6. Họp nhóm thường niên

Các cuộc họp nhóm thường niên là nơi để các thành viên nhóm trao đổi thông tin, thảo luận và đưa ra quyết định. Ban Đại diện tổ chức các cuộc họp ở thôn hoặc xã và có sự tham gia của các trưởng thôn và đại diện chính quyền địa phương. Mọi quyết định đều cần có sự đồng thuận. Trong trường hợp không đạt được sự đồng thuận thì sẽ có một cuộc bỏ phiếu, yêu cầu có ít nhất 2/3 số phiếu đồng ý của những Thành viên có mặt trong cuộc họp.

Ngoài ra, các cuộc họp thường niên đáp ứng chức năng giám sát ở cấp cảnh quan:

- Giám sát tác động môi trường: giám sát các vấn đề xung quanh tác động môi trường của quản lý rừng trong năm, các biện pháp đã sử dụng cần được thảo luận hàng năm và tài liệu hóa bằng biên bản, báo cáo họp định kỳ hàng năm. Các kết quả sẽ được đưa lên bảng thông tin trên trang web của công ty, gửi về UB xã và lưu trong hồ sơ;
- Giám sát tác động xã hội: Ban Đại diện nhóm xã lập một đánh giá tình hình kinh tế xã hội của các thành viên và những người nộp đơn. Nội dung đánh giá cần so sánh các chỉ số của năm trước với năm đánh giá, nắm bắt được những thay đổi

theo thời gian trong khoảng 5 năm, phân tích những yếu tố tích cực và tiêu cực để có những giải pháp thực hiện.

Một bản dự thảo chương trình họp thường niên đính kèm trong cuốn sổ tay quản lý nhóm sẽ được sử dụng như một bản hướng dẫn danh mục kiểm tra để đảm bảo rằng tất cả các khía cạnh quan trọng đều được thảo luận.

4.7. Yêu cầu cho các hành động khắc phục

Những người có trách nhiệm cần giám sát kỹ lưỡng việc thực hiện các yêu cầu cho hành động khắc phục đã được đưa ra trong thời gian giám sát nội bộ tại các lô rừng ở cấp xóm/trạm và xã (**Yêu cầu hành động khắc phục nội bộ**) cho đến trước lần giám sát nội bộ kỳ sau. Điều này sẽ được thực hiện qua các biểu giám sát, báo cáo và các cuộc họp thường niên.

Các yêu cầu hành động khắc phục lỗi do các đánh giá viên của tổ chức cấp chứng chỉ nêu ra trong các cuộc đánh giá định kỳ hoặc đánh giá lại cần được quan tâm đặc biệt:

- Ban Đại diện nhóm ghi lại tất cả các yêu cầu hành động khắc phục cần đưa vào danh mục các yêu cầu hành động khắc phục;
- Ban Đại diện nhóm cung cấp một biểu yêu cầu hành động khắc phục (**Biểu 12**) đến chủ rừng với mô tả rõ ràng về lỗi và thời hạn thực hiện hành động khắc phục;
- Trong trường hợp chủ rừng đã nhiều lần thất bại trong việc hoàn thành các yêu cầu hành động khắc phục nội bộ, hay các yêu cầu hành động khắc phục do tổ chức cấp chứng chỉ nêu ra. Ban Đại diện phải xem xét lại tư cách tham gia nhóm của chủ rừng, để ra quyết định khai trừ thành viên ra khỏi nhóm chứng chỉ.

V. CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÓM

Ban Đại diện nhóm CC Cao su Thuận Lợi phải xây dựng, thực hiện và cập nhật các quy định để quản lý nhóm bằng văn bản, bao gồm các yêu cầu của Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC, theo quy mô và sự phức tạp của nhóm:

- Quy định về điều kiện để trở thành thành viên của nhóm (**Phụ lục A-1**);
- Quy định về kết nạp các thành viên mới vào nhóm (**Phụ lục A-1; mục 3.1**);
- Các quy định về khai trừ hoặc đình chỉ thành viên ra khỏi nhóm (**Phụ lục A-2**);
- Hệ thống giám sát nội bộ của nhóm (**Mục IV**);
- Quy trình khắc phục lỗi không tuân thủ được phát hiện trong đánh giá nội bộ và đánh giá bởi tổ chức cấp chứng chỉ, bao gồm thời hạn khắc phục và hậu quả nếu lỗi không được khắc phục (**Mục 4.5**);



- Quy trình giải quyết khiếu nại từ các bên liên quan đến các thành viên trong nhóm (**Phụ lục A-3**);
- Hệ thống theo dõi và truy xuất các lâm sản có chứng chỉ FSC do thành viên nhóm khai thác và vận chuyển (CoC);
- Các quy định về sử dụng các nhãn hiệu FSC và mã số FSC

VI. KẾ HOẠCH TẬP HUẤN, ĐÀO TẠO

Kế hoạch tập huấn sẽ được xây dựng trên cơ sở đánh giá nhu cầu của các chủ rừng (thành viên), khi các lớp tập huấn đã được thống nhất với đối tượng, số lượng tham gia, địa điểm tổ chức thực hiện thì Ban Đại diện nhóm sẽ chuẩn bị các nội dung tài liệu phù hợp và lập dự toán cho các lớp trong năm thực hiện.

Hoạt động tập huấn có thể linh hoạt theo từng nội dung và đối tượng tác động: nếu các chủ rừng mới hoàn toàn cần phải thực hiện tập huấn toàn bộ các nội dung liên quan đến công tác tổ chức quản lý nhóm và QLRBV FSC, nếu là các thành viên cũ của nhóm thì có thể tiến hành 1-2 năm/ lần cho việc tập huấn lại. Trong trường hợp có thay đổi chính về cấu trúc nhóm hoặc qui định kỹ thuật, Ban Đại diện nhóm có thông báo và hướng dẫn tập huấn bổ sung trong các cuộc họp định kỳ của Nhóm.

Sau mỗi lớp tập huấn, Ban Đại diện nhóm cần có báo cáo đánh giá chất lượng, danh sách người tham gia tập huấn để lưu lại làm bằng chứng thực hiện.

VII. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG THEO PHÂN NHÓM

7.1. Quy trình lập kế hoạch quản lý rừng của Nhóm

Trên cơ sở tổng hợp các lô rừng của thành viên tham gia nhóm chứng chỉ, Ban Đại diện Nhóm Chứng chỉ hoặc người được uỷ quyền tổ chức cuộc họp nhóm với mục đích thống nhất mục tiêu kinh doanh rừng theo lô cho tất cả thành viên trong nhóm, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc khai thác trắng với diện tích lớn liền kề không vượt quá 10 ha – đối với địa hình có độ dốc lớn và có hành lang ven suối, đồng thời điều tiết diện tích rừng nhiều cấp tuổi trong nhóm để hạn chế rủi ro trong kinh doanh. Lập kế hoạch quản lý rừng theo nhóm xã được thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1: Rà soát, thảo luận với thành viên nhóm để thống nhất mục tiêu kinh doanh rừng của họ;

Bước 2: Phân loại các lô rừng theo từng cấp tuổi hoặc nhóm cấp tuổi, loài cây để làm cơ sở lập kế hoạch quản lý rừng của nhóm;

Bước 3: Lập kế hoạch các hoạt động quản lý rừng của nhóm nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh và đảm bảo tuân thủ các tiêu chí về kỹ thuật, môi trường và đạt hiệu quả



kinh tế, như: trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ, phòng trừ sâu bệnh hại, phòng chống cháy rừng và khai thác rừng. Kế hoạch sẽ được xác định rõ cho từng hoạt động đối với từng diện tích và thời gian thực hiện, người chịu trách nhiệm thực hiện.

Bước 4: Mô tả kế hoạch quản lý rừng theo cấp cảnh quan và dự báo về khả năng phát triển mở rộng diện tích rừng/ tiềm năng sẵn có.

Ban Đại diện Nhóm tổng hợp kế hoạch kinh doanh các lô rừng các hộ vào bảng kế hoạch quản lý rừng từng xã, lập bản đồ hiện trạng rừng của nhóm xã. Sau khi có kế hoạch quản lý rừng cấp xã, bản đồ hiện trạng nhóm chứng chỉ cấp xã, Ban Đại diện nhóm sẽ công bố trên bảng tin trên trang web của Công ty Thuận Lợi cũng như các nhóm ấp và nhóm xã, để tất cả thành viên nhóm và các bên liên quan nắm bắt thông tin về hoạt động chứng chỉ.

Căn cứ vào kế hoạch quản lý rừng của Nhóm, Ban Đại diện nhóm chứng chỉ cao su Thuận Lợi lập kế hoạch giám sát hàng năm và thông báo lịch giám sát hàng năm cho các cấp quản lý trong nhóm để thực hiện.

7.2. Cập nhật và sửa đổi kế hoạch quản lý rừng

Kế hoạch quản lý rừng là kim chỉ nam của mọi hoạt động. Tất cả các lô rừng mới tham gia, các lô được khai thác và trồng lại mới cũng như các lô bị thay đổi hiện trạng mà không được báo trước (dịch bệnh, bão đổ) cần được tổng hợp cập nhật vào kế hoạch quản lý rừng hàng năm. Ban Đại diện nhóm sẽ phê duyệt bất kỳ thay đổi quan trọng trong quản lý lô rừng. Lý do cho sự thay đổi này cần được giải thích rõ ràng trong sổ nhật ký quản lý lô rừng và cập nhật trong kế hoạch quản lý rừng của Nhóm.

Các thay đổi quan trọng cho kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, xã cần phải được tham vấn với các bên liên quan theo cách phù hợp.

Ban Đại diện nhóm có trách nhiệm thường xuyên tìm hiểu, cập nhật những văn bản pháp quy về hướng dẫn thực hiện trong công tác QLRBV của Việt Nam và của Hội đồng quản trị rừng quốc tế FSC. Ban Đại diện nhóm cần thông báo các văn bản đó, tập huấn cho các thành viên và cập nhật vào kế hoạch quản lý rừng hoặc vào kế hoạch sửa đổi.

Kế hoạch quản lý được sửa đổi và cập nhật định kỳ phù hợp với Phụ lục F trên cơ sở tích hợp:

- Các kết quả giám sát, bao gồm kết quả của đánh giá chứng chỉ;
- Các kết quả đánh giá;
- Các kết quả thu được từ sự tham gia của các bên liên quan;
- Các thông tin khoa học và kỹ thuật mới; và



- Những thay đổi về điều kiện kinh tế, xã hội và môi trường.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC A: CÁC QUY ĐỊNH, QUY TRÌNH HÀNH CHÍNH CỦA NHÓM

- A1: Quy định về kết nạp, mở rộng thành viên nhóm
- A2: Quy xin ra khỏi nhóm và khai trừ nhóm
- A3: Quy trình giải quyết tranh chấp, khiếu nại
- A4: Quy trình CoC cho thu gom, vận chuyển, giao nhận mủ cao su
- A5: Quy trình chuỗi hành trình sản phẩm gỗ (CoC)
- A6: Hợp đồng khai thác rừng
- A7: Tham vấn các bên liên quan
- A8: Danh mục kiểm tra sự tuân thủ FSC
- A9: Quy trình cấp Chứng chỉ FSC
- A10: Các định nghĩa

PHỤ LỤC B: CÁC BIỂU MẪU TỔNG HỢP, GIÁM SÁT, BÁO CÁO

- B1. Giám sát công tác trồng rừng
- B2. Giám sát công tác chăm sóc rừng
- B3. Giám sát công tác bảo vệ rừng
- B4. Giám sát tăng trưởng rừng
- B5. Giám sát khai thác rừng
- B6. Giám sát bảo dưỡng, làm đường lâm nghiệp
- B7. Giám sát tác động môi trường
- B8. Giám sát tác động xã hội
- B9. Giám sát các hoạt động khắc phục lỗi

PHỤ LỤC C: CÁC QUY TRÌNH LÂM SINH

- QT1. Quy trình xử lý thực bì và trồng rừng
- QT2. Quy trình chăm sóc và bảo vệ rừng trồng
- QT3. Quy trình trồng xen cây nông nghiệp
- QT4. Quy trình bón phân cho cây cao su
- QT5. Quy trình thu hoạch mủ và chăm sóc vườn cây kinh doanh
- QT6. Quy trình điều tra tăng trưởng rừng
- QT7. Quy trình khai thác gỗ cao su



- QT 8. Quy trình quản lý và xử lý rác thải
- QT9. Quy trình quản lý sâu bệnh, dịch hại tổng hợp (IPM)
- QT10. Quy trình phòng chống cháy rừng
- QT 11. Đánh giá tác động môi trường, xã hội
- QT 12. Quy trình về sử dụng bảo hộ lao động
- QT 13. Sơ cấp cứu khi xảy ra tai nạn lao động
- QT 14. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng thuốc BVTV
- QT 15. Quy trình quản lý, bảo vệ hành lang ven suối
- QR 16. Quy trình sử dụng nhãn mác FSC



PHỤ LỤC A: CÁC QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH CỦA NHÓM

PHỤ LỤC A-1. QUY ĐỊNH KẾT NẠP, MỞ RỘNG THÀNH VIÊN NHÓM CHỨNG CHỈ CAO SU THUẬN LỢI

Điều 1: Điều kiện tham gia nhóm

Để đảm bảo tính thống nhất khi kết nạp thành viên vào nhóm chứng chỉ Cao su Thuận Lợi, tất cả chủ vườn/rừng có nhu cầu tham gia nhóm phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Chủ vườn/rừng cao su phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) hoặc các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu/sử dụng đất hợp pháp hoặc sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp và được chính quyền địa phương xác nhận, với thời hạn từ 10 năm trở lên (đảm bảo thời gian ít nhất 2 chu kỳ chứng chỉ);
2. Tự nguyện tham gia và có tinh thần đoàn kết, tương trợ, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau;
3. Các lô rừng đăng ký tham gia nhóm sẽ được kiểm tra điều kiện ban đầu theo bốc mẫu ngẫu nhiên (10% tổng số lô hoặc có thể nhiều hơn nếu Ban Đại diện phân tích thấy nhiều rủi ro đối với các lô rừng đăng ký tham gia) và hoàn thành khắc phục những điểm chưa tuân thủ theo yêu cầu của nhóm;
4. Phải đáp ứng yêu cầu quản lý rừng theo “Danh mục kiểm tra sự tuân thủ FSC®” và phù hợp với kế hoạch quản lý rừng của nhóm ít nhất là 5 năm;
5. Các thành viên đồng ý để Ban Đại diện nhóm (Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi) là đơn vị đại diện xin cấp chứng chỉ FSC®, chịu sự kiểm tra giám sát hàng năm của Ban Đại diện Nhóm hoặc người được uỷ quyền;
6. Khi có những mâu thuẫn, các thành viên cùng nhau bàn bạc tìm giải pháp giải quyết mang tính xây dựng đối với những người có liên quan;

Điều 2: Kết nạp thành viên mới vào nhóm (Mục 3.1)

Điều 3: Xin ra khỏi nhóm

Những thành viên đã cam kết tham gia nhóm lâu dài nên chỉ có thể xin ra khỏi nhóm với những trường hợp ngoại lệ sau:

1. Khi tham gia vào nhóm chứng chỉ khác hoặc làm chứng chỉ riêng;
2. Khi vườn/rừng thay đổi chủ sở hữu;
3. Khi vườn/rừng bị thiên tai, dịch bệnh phá hủy toàn bộ diện tích.



Thành viên xin ra khỏi nhóm phải thông báo và nêu lý do bằng văn bản cho Ban Đại diện Nhóm.

Điều 4: Khai trừ thành viên ra khỏi nhóm

Thành viên bị khai trừ khỏi nhóm chứng chỉ Cao su Thuận Lợi bởi lý do:

1. Không chấp hành Điều lệ nhóm;
2. Không cho Ban Đại diện nhóm, đại diện tổ chức cấp chứng chỉ hoặc tổ chức FSC® vào rừng trồng để giám sát và đánh giá;
3. Không khắc phục những điểm chưa tuân thủ theo Nguyên tắc và tiêu chí FSC® trong thời hạn được thỏa thuận;
4. Các thành viên khiếu kiện sai, sử dụng sai tên hoặc biểu tượng FSC® của nhóm;
5. Làm thiệt hại đến quyền lợi chung của nhóm hoặc của một thành viên trong nhóm mà không bồi thường đầy đủ thiệt hại sẽ bị khai trừ và bị truy tố theo pháp luật;
6. Không tham gia họp nhóm định kỳ và đóng góp các khoản phí hội viên hoặc những khoản khác mà đã thống nhất trong nhóm.

Thành viên bị khai trừ khỏi nhóm không được hoàn lại bất kỳ các khoản đóng góp (nếu có).



PHỤ LỤC A-2: QUY TRÌNH XIN RA KHỎI NHÓM VÀ KHAI TRỪ KHỎI NHÓM

2.1. Xin ra khỏi nhóm

Một thành viên nhóm có thể rời khỏi nhóm nếu thành viên đó gặp phải điều kiện đặc biệt nêu trong Quy định Nhóm.

Thành viên này phải thông báo cho Ban Đại diện Nhóm về quyết định xin ra khỏi Nhóm và nêu rõ lý do, Ban Đại diện Nhóm sẽ trả lời bằng thư cho thành viên Nhóm đó về chấm dứt tư cách thành viên Nhóm. Toàn bộ quá trình này không quá một tháng kể từ ngày nhận được đơn xin ra khỏi Nhóm.

Khi đã thông báo cho Ban Đại diện Nhóm về ý định xin ra khỏi Nhóm, thì thành viên Nhóm này không được tiếp thị sản phẩm đã được cấp chứng chỉ hoặc có các đòi hỏi liên quan đến chứng chỉ. Đến ngày ra khỏi Nhóm, Ban Đại diện Nhóm đảm bảo rằng tên của Nhóm viên đó ra khỏi danh sách. Ban Đại diện Nhóm sẽ:

Chuyển hồ sơ của Nhóm viên đó sang hồ sơ lưu trữ.

Cập nhật danh sách thành viên Nhóm (với ngày rời khỏi Nhóm).

Gửi thông tin cập nhật đó cho Tổ chức cấp chứng chỉ và các thành viên Nhóm còn lại trong Nhóm.

Đưa các lô cao su của thành viên Nhóm đó ra khỏi kế hoạch quản lý, giám sát.

2.2. Khai trừ khỏi nhóm

Khi phát hiện việc không tuân thủ ở mức độ thông qua giám sát, đánh giá nội bộ hoặc đánh giá của Tổ chức đánh giá, Thành viên Nhóm có thời gian quy định để khắc phục lỗi (tối đa 3 tháng (90 ngày) để hoàn thành các hoạt động sửa lỗi lớn (hoặc 6 tháng trong một số điều kiện đặc biệt). Ngược lại, trong trường hợp đặc biệt, thời gian cần sửa đổi còn ít hơn 3 tháng trước khi có đoàn đánh giá FSC®, 12 tháng đối với lỗi nhỏ). Ban Đại diện Nhóm sẽ gửi báo cáo bằng văn bản, đánh giá chi tiết phương thức và thời gian mà hoạt động sửa lỗi cần được kết thúc. Nếu thành viên Nhóm đó không thực hiện các hoạt động yêu cầu khắc phục lỗi trong thời hạn đã quy định thì bắt buộc áp dụng quy trình khai trừ đối với thành viên Nhóm.

Ban Đại diện Nhóm sẽ gửi cho thành viên Nhóm đó thư khai trừ (Mẫu 1C) và nêu rõ lý do của việc khai trừ và các thủ tục tiếp theo. Một khi thủ tục khai trừ bắt đầu thì thành viên Nhóm đó không được tiếp thị hoặc bán bất kỳ sản phẩm nào có chứng chỉ hoặc đưa ra bất kỳ đòi hỏi nào về cao su được cấp chứng chỉ. Thành viên Nhóm đó có



tối đa 30 ngày để kháng cáo. Nếu không nhận được kháng cáo trong vòng 30 ngày thì thành viên Nhóm viên đó tự động bị khai trừ.

Khi thành viên Nhóm bị khai trừ thì Nhóm phải ghi vào hồ sơ lưu và đánh dấu rằng thành viên Nhóm đó không còn trong Nhóm và ghi ngày hiệu lực cho việc này. Ban Đại diện Nhóm phải:

- 1) Chuyển hồ sơ của Thành viên Nhóm đó sang hồ sơ lưu trữ, và
- 2) Cập nhật danh sách thành viên Nhóm và loại tên của thành viên Nhóm đó khỏi danh sách thành viên Nhóm và bổ sung vào danh sách những thành viên Nhóm bị khai trừ.

Thành viên Nhóm đã bị khai trừ thì trong thời hạn tối thiểu 3 năm sau không được xem xét kết nạp vào Nhóm.

Danh sách thành viên Nhóm cho cả Nhóm CCCS FSC® Thuận Lợi được thống kê theo MB.GNN 06.



PHỤ LỤC A-3: QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI

I. MỤC ĐÍCH

Kịp thời tiếp nhận và xử lý các tranh chấp quyền sử dụng và lấn, chiếm rừng và đất rừng. Từ đó có các phản hồi, phương án giải quyết minh bạch, khách quan.

Hướng dẫn thực hiện các bước công việc, thủ tục cần thiết để giải quyết các vấn đề tranh chấp về quyền sử dụng đất trong quá trình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên toàn bộ diện tích đơn vị được giao quản lý.

Để đảm bảo giải quyết kịp thời những mâu thuẫn, vướng mắc với nhân dân địa phương trên địa bàn trong quá trình Nhóm tổ chức thực hiện “Kế hoạch quản lý rừng bền vững”, nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên có liên quan. Đồng thời tiếp nhận những ý kiến đóng góp xây dựng để hoàn thiện hơn nữa các tiêu chí quản lý rừng bền theo tiêu chuẩn Quốc tế FSC.

Quy trình được xây dựng dựa vào các quy định của Pháp luật Việt Nam, các tiêu chuẩn của FSC. Đảm bảo lợi ích của Nhóm CC Cao su Thuận Lợi và các bên liên quan (người dân địa phương, các cơ quan, tổ chức khác...) về quyền sử dụng đất không bị xâm hại đúng theo quy định của Pháp luật.

Hướng dẫn đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu đảm bảo cán bộ các Phòng, Trạm, các đơn vị trực thuộc, hộ nhận khoán và người dân có thể đọc hiểu và khai thác sử dụng có hiệu quả.

II. CĂN CỨ

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật đất đai năm 2013.
- Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm Nghiệp;
- Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;
- Tình hình quản lý sử dụng đất tại tỉnh Đồng Nai và tập quán canh tác của người dân trên địa bàn.

III. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ:

- Tranh chấp đất đai: Tranh chấp đất đai là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong lĩnh vực sử dụng đất đai.

- Lấn đất: Là việc tổ chức hoặc cộng đồng dân cư đang sử dụng đất tự chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích đất.



- Chiếm đất: Là việc sử dụng đất mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc chủ sử dụng đất cho phép sử dụng hoặc việc sử dụng đất do được Nhà nước tạm giao hoặc mượn đất nhưng hết thời hạn tạm giao, mượn đất nhưng không trả lại đất.

VI. Quy trình giải quyết khiếu nại, mâu thuẫn

1. Phân công người giải quyết khiếu nại:

Khi nhận được một khiếu nại của một thành viên nào đó trong Nhóm, Trưởng Ban Đại diện phải chịu trách nhiệm triệu tập cuộc họp các thành viên để thảo luận rồi chỉ đạo thực hiện trực tiếp giải quyết khiếu nại.

Nhóm Chứng chỉ cao su Thuận Lợi, giao cho ông Nguyễn Tấn Thu - Thanh tra giám sát là người chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề liên quan đến khiếu nại.

2. Quy trình giải quyết khiếu nại:

a. Về tranh chấp quyền sử dụng đất:

- Tổ chức và cộng đồng dân cư có đơn thư khiếu nại về quyền sử dụng đất hoặc quá trình kiểm tra, tác nghiệp của một hay nhiều bên phát hiện có việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Khi phát hiện hoặc có đơn thư khiếu nại về tranh chấp đất đai thì bên được coi là bị lấn chiếm yêu cầu bên được coi là lấn chiếm tạm ngừng mọi hoạt động trên diện tích đất tranh chấp.

- Ban Đại diện Nhóm chứng chỉ rừng phối hợp cùng với chính quyền địa phương và tổ chức hoặc cá nhân tiến hành kiểm tra hồ sơ, tài liệu và kiểm tra ngoài thực địa những diện tích đất tranh chấp.

- Sau khi có biên bản kiểm tra, các bên liên quan (bao gồm chính quyền địa phương, đại diện nhóm chứng chỉ, các cá nhân liên quan) họp và giải quyết như sau:

+ Trường hợp thứ nhất: Một trong hai bên tranh chấp đồng thuận về trách nhiệm và sai phạm đã được xác minh: Bên sai phạm thỏa thuận bồi thường cho hộ gia đình bị sai phạm.

+ Trường hợp thứ hai: Nếu các bên không tự thỏa thuận được với nhau thì khởi kiện ra tòa án dân sự. Quyết định của tòa án là cơ sở để các bên giải quyết tranh chấp.

Nếu quá trình tranh chấp làm thiệt hại đến vườn/rừng và đất rừng tự nhiên thì tổ chức hoặc cá nhân nào sai phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.



b. Lấn, chiếm đất rừng:

1. Đối với tổ chức hoặc cá nhân không có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi xảy ra vụ việc: Ban Đại diện nhóm Chứng chỉ lập hồ sơ giải quyết tranh chấp theo mức độ.

- Mức độ vi phạm hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử lý theo Nghị định 91/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai hoặc Nghị định 40/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều NĐ số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

- Mức độ hình sự: Theo qui định hiện hành của pháp luật.

2. Đối với cộng đồng dân cư địa phương sống ven vườn/rừng các thành viên nhóm Chứng chỉ.

+ Đại diện nhóm chứng chỉ, chính quyền địa phương tiến hành điều tra xác minh và lập biên bản trên diện tích đất bị lấn chiếm.

+ Yêu cầu cá nhân, tổ chức làm cam kết không được mở rộng diện tích. Không tiếp tục ảnh hưởng đến tài nguyên rừng của thành viên nhóm chứng chỉ.

+ Đại diện Nhóm cùng mời chính quyền địa phương tổ chức đánh giá mức độ thiệt hại, ảnh hưởng kinh tế đến nhóm viên, triển khai giải quyết tranh chấp theo luật định. Tổ chức hòa giải giữa các hộ gia đình

- Nhóm chứng chỉ rừng kết hợp với chính quyền địa phương, thôn/bản tuyên truyền vận động người dân không xâm phạm, lấn chiếm vườn/rừng trái phép.

- Nếu quá trình tranh chấp làm thiệt hại đến vườn/rừng và đất rừng tự nhiên thì tổ chức hoặc cá nhân nào sai phải chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật hiện hành.

Lưu ý: Các chủ vườn/rừng ngay lập tức ngưng các hoạt động lâm nghiệp nếu có những tranh chấp lớn liên quan đến các chủ sở hữu mà nó chưa được giải quyết.

c. Khiếu nại, góp ý của các bên liên quan

- Ban Đại diện Nhóm Chứng chỉ cao su Thuận Lợi là đơn vị trực tiếp thu nhận đơn thư khiếu nại, góp ý của người dân và các bên liên quan.



- Ban Đại diện Nhóm mở sổ theo dõi, tổng hợp các thông tin và đơn thư khiếu nại trong vòng 3 ngày đến 1 tuần để cùng phối hợp với các bên liên quan tại địa phương xử lý.

V. CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH VỀ KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Chính sách của Việt Nam: Hoạt động khiếu nại, tố cáo của công dân được pháp luật quy định trong Hiến pháp 2013, Luật Khiếu nại 02/2011/QH13, Luật Đất đai 2024 và các văn bản hướng dẫn luật, là cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Việc thực hiện quyền khiếu nại của công dân thể hiện mối quan hệ Nhà nước và công dân trong đó người khiếu nại đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của chính bản thân người đi khiếu nại.

* *Khiếu nại* là việc công dân đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

* *Giải quyết khiếu nại* là việc thụ lý, xác minh, kết luận và ra quyết định giải quyết khiếu nại.

Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân được pháp luật quy định trong Hiến pháp, Luật Khiếu nại, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn luật, đó là cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân của mình, đảm bảo thực thi tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Luật Khiếu nại quy định người khiếu nại là công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức thực hiện việc khiếu nại. Người khiếu nại phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (người đủ 18 tuổi và không bị mắc các bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không thể nhận thức hoặc điều khiển được hành vi của mình hoặc bị hạn chế năng lực hành vi do nghiện ma túy hoặc các chất kích thích khác).

Trường hợp không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ hoặc vì lý do khách quan, công dân phải có người đại diện hợp pháp hoặc người giám hộ để thực hiện khiếu nại.

Theo quy định của pháp luật, công dân đủ năng lực hành vi dân sự đều có quyền khiếu nại lên cấp có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Người dân có quyền khiếu nại về những vấn đề liên quan đến:



- (1) Công tác giao đất: quy trình giao đất, quy trình - thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác quản lý đất đai,...
- (2) Công tác giao và khoán rừng: quy trình giao, cách thức giao, hợp đồng giao khoán,...
- (3) Công tác quản lý và bảo vệ rừng: quy trình giao, cách thức giao, hợp đồng giao quản lý bảo vệ,...
- (4) Chi trả dịch vụ môi trường rừng: đối tượng, mục đích, cách thức chi trả,...
- (5) Công tác tăng cường luật pháp và quản lý lâm sản: tuân thủ lâm luật, quản lý tài nguyên rừng,
- (6) Quyền lợi của người dân địa phương, cộng đồng (người dân tộc, bản địa) trong việc sử dụng rừng và khai thác lâm đặc sản phục vụ cho nhu cầu của họ trong quá trình tham gia quản lý rừng bền vững và chứng chỉ tại các công ty lâm nghiệp,...
- (7) Vấn đề bình đẳng giới trong tham gia thực hiện các hoạt động quản lý rừng bền vững

Trên đây là quy trình giải quyết tranh chấp về đất, quyền sử dụng đất và các hành vi lấn, chiếm rừng

Quá trình thực hiện nếu có xảy ra bất cập nhóm chứng chỉ cùng cộng đồng dân cư cùng địa phương, bàn bạc giải quyết. Nhóm chứng chỉ cam kết thực hiện đúng qui trình đã ban hành trong quá trình giải quyết tranh chấp về đất, quyền sử dụng đất (nếu có xảy ra).



MẪU 1: Công văn gửi người khiếu nại (BM.CV-01)

NHÓM CC Cao su FSC Thuận Lợi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

--o0o--

Số:...../CV-FSC TL

V/v: Công văn gửi người khiếu nại

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi:

Tôi viết thư này thông báo là Trưởng Nhóm đã nhận được thư khiếu nại của Ông/Bà và Tôi đại diện cho Nhóm, xin giải thích về quy trình mà Nhóm sẽ giải đáp khiếu nại như sau:

1. Về phân cấp giải quyết khiếu nại: Nếu thành viên hộ gia đình khiếu nại một thành viên hộ gia đình khác thì Thành viên đại diện (hoặc chỉ định người trong Ban quản lý Nhóm) giải quyết; Nếu khiếu nại các thành viên đại diện thì Trưởng nhóm giải quyết; Nếu khiếu nại cả Ban quản lý Nhóm thì Trưởng Nhóm CC Cao su Thuận Lợi giải quyết.

Nay với trường hợp của Ông/ Bà thì người giải quyết khiếu nại sẽ là:

+ Ông/ bà:Chức vụ:

+ Số điện thoại liên lạc:

.....

Người được giao nhiệm vụ giải quyết khiếu nại sẽ hỏi và xem xét hai vấn đề. Thứ nhất liệu vấn đề Ông/Bà khiếu nại có chỉ ra việc vi phạm Điều lệ Nhóm không? Thứ hai là liệu có những bằng chứng để khẳng định khiếu nại này không? Nếu vấn đề này không nằm một trong việc vi phạm điều lệ Nhóm viên thì ông/bà sẽ được thông báo lại. Ngược lại nếu vấn đề này mà chỉ ra sự vi phạm điều lệ nhóm viên thì chúng tôi sẽ điều tra. Chúng tôi sẽ mời Ông/Bà cùng tham gia để giải quyết vấn đề này.

Nếu Ông/Bà tham gia cuộc họp giữa Ông/Bà; người bị khiếu nại và Nhóm trưởng. Cuộc họp này sẽ được tổ chức trong vòng 2 tuần kể từ ngày có Công văn này. Cuộc họp này sẽ thảo luận vấn đề cần giải quyết. Kết quả này sẽ được ghi biên bản và Ông/Bà sẽ được bản sao. Trong trường hợp, Ông/Bà không muốn hoặc không thể tham gia để giải quyết thì Ông /Bà sẽ nhận được kết quả giải quyết bằng văn bản trong vòng nửa tháng kể từ ngày có Công văn này. Nếu Ông/Bà không đồng ý với cách giải quyết như trên thì Ông/Bà có thể gửi đơn kháng lại và sẽ nằm trong điểm (2) dưới đây.

2. Nếu Ông/Bà chưa hài lòng với cách giải quyết trên thì Ông/Bà có thể gửi đơn kháng lại. Việc này phải giải quyết trong vòng 30 ngày từ khi nhận đơn khiếu nại. Nếu



muốn kháng lại ông/bà nên gửi một thư trực tiếp cho Trưởng ban giám sát cấp huyện. Trong vòng 30 ngày nhận được đơn kháng lại của Ông/Bà thì Trưởng ban phải họp lại và có ít nhất là 3 người của Ban giám sát tham dự. Ông/bà có thể được mời đến để trả lời câu hỏi, hoặc trình bày những tài liệu cụ thể liên quan đến những thông tin, người ông bà khiếu nại và người điều tra cũng có mặt để phỏng vấn. Cuối buổi họp Ban giám sát sẽ có một quyết định bằng văn bản, Ông/ Bà sẽ được một bản sao. Quyết định của Ban giám sát sẽ là quyết định cuối cùng và nếu vẫn chưa hài lòng về kết quả này thì Ông/Bà sẽ gửi một thư khiếu nại đến tổ chức chứng chỉ nhóm.

Xin vui lòng liên hệ với Văn Phòng Nhóm nếu Ông/Bà còn có câu hỏi nào khác.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- Nhóm CC Cao su Thuận Lợi
- Lưu VP

TM. NHÓM CC CAO SU THUẬN LỢI

Trưởng Nhóm



Nhóm hộ chứng chỉ FSC Cao su Thuận Lợi
THÔNG TIN KHIẾU NẠI

Thôn/Xã		Cập nhật ngày:	
Nhóm xã:		Số điện thoại:	
Người soạn thảo:		Trang:	

Số kiếu nại:.....	Ngày nhận.....	Chỉ định cho
	Ngày kết thúc	Số điện thoại:
Tên người kiếu nại	Địa chỉ:..... Số điện thoại:.....	
Miêu tả vấn đề:		
Chi tiết kết luận:		



PHỤ LỤC A-4: QUY TRÌNH CoC CHO THU GOM, VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN MỦ CAO SU

I. Mô tả Chuỗi hành trình sản phẩm CoC

1. Chuỗi hành trình sản phẩm của gỗ cao trong các lô rừng thanh viên Nhóm sẽ như sau:

Rừng Hộ gia đình – Xe vận chuyển mủ từ lô rừng đến nhà máy - Trạm cân Nhà máy

2. Một số rủi ro và biện pháp giảm thiểu

Các điểm trong chuỗi	Rủi ro tiềm ẩn	Biện pháp giảm thiểu
Rừng hộ gia đình	- Khai thác không đúng lô rừng được cấp FSC; - Khai thác vượt quá diện tích được cấp chứng chỉ FSC - Kê khai sản lượng mủ vượt quá mức trung bình của lô rừng	- Tổ FSC Công ty phối hợp theo dõi và giám sát lượng mủ bình quân theo chế độ cạo hoặc có thể đối chiếu với số liệu đã được nhóm điều tra dự kiến sản lượng trong báo cáo điều tra trữ lượng rừng trồng của Nhóm. - Ban Đại diện Nhóm chỉ cấp mã số khai thác khi đảm bảo lô rừng kê khai theo đơn đăng ký khai thác đã được cấp chứng chỉ FSC
Xe vận chuyển từ lô rừng đến đại lý thu gom mủ của Công ty đặt tại các Ấp.	- Bị trộn lẫn với mủ không FSC	- Trạm thu gom hoặc Ban Đại diện Nhóm thực hiện và lưu Phiếu nhận mủ (Mẫu 1), kê khai chi tiết thông tin mủ nhận tại điểm thu gom và xe vận chuyển; - Tách vật lý khu vực kho bãi tập kết mủ riêng biệt FSC và không FSC.
Trạm cân nhà máy	Bị trộn lẫn mủ không FSC	- Trạm thu gom hoặc Ban Đại diện Nhóm thực hiện và lưu trữ Phiếu giao mủ tại nhà máy (Mẫu 2) - Bộ phận thu mua nhà máy sẽ tập hợp, lưu trữ và đối chiếu giữa Mẫu 1 và Mẫu 2 để



		đảm bảo mủ từ vườn/rừng đến công nhà máy được giám sát theo chuỗi, truy xuất được nguồn gốc và không bị trộn lẫn.
--	--	---

II. Chuỗi hành trình mủ cao su

1. Nhận mủ từ lô cao su

1.1. Nhận mủ:

- Đối với mủ nước: Khi đổ mủ từ thùng trút sang thùng chứa phải dùng rây lọc lọc mủ với kích thước lỗ 5 mm và cần phải có các biện pháp che, đậy (nắp đậy, màng phủ thùng,...) để tránh vật lạ, lá cây rơi vào mủ. Mủ nước tập hợp có đánh dấu lô, thùng chứa mủ.

- Đối với mủ đông: thu gom, phân loại và vệ sinh – loại bỏ tạp chất có thể nhìn thấy như lá cây, vỏ cây, côn trùng, sợi bao PP, PVC, kim loại, đất cát và các loại tạp chất khác.

- Tại điểm giao nhận mủ: mủ được cân đo theo thùng (có thể là bao), lô cao su, ghi đầy đủ số liệu vào phiếu theo dõi sản lượng, chất lượng mủ. Sau đó đưa mủ về nhà máy.

1.2. Chất lượng mủ:

- Mủ chén và mủ đông phải được cất để kiểm tra chất lượng bên trong và để ráo trên sàn tối thiểu 01 giờ trước khi cân nghiệm thu, tách biệt từng lô cao su.

- Mủ dây không được vo tròn, sau khi nhặt bỏ dăm cạo, tạp chất khác, được ngâm rửa sạch đất cát, vớt mủ để ráo trên sàn.

1.3. Điều kiện điểm nhận mủ:

- Điểm nhận mủ cần sạch sẽ, thoáng mát, có mái che hoặc bóng râm, tránh ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp vào nguyên liệu.

- Các dụng cụ như thùng chứa, sàn để ráo mủ đông phải được vệ sinh sạch sẽ.

1.4. Phiếu ghi sản lượng lô cao su khi nhận mủ

Khi nhận mủ từ lô cao su của hộ/các hộ cần đảm bảo các thông tin sau

- Loại mủ, ngày nhận mủ, số hiệu xe nhận mủ
- Tên hộ, số hiệu lô cao su (số hiệu lô theo danh sách Nhóm).
- Năm trồng, năm khai thác
- Dòng vô tính, số cây khai thác
- Ngày khai thác/ngày thu mủ (đối với mủ đông có thể ngày cạo và ngày thu khác nhau)
- Trọng lượng mủ (kg/lô), hàm lượng DRC (độ),



- Ký hiệu thùng/bồn của xe vận chuyển
- Ký hiệu số chứng nhận FSC của Nhóm (ví dụ BV – FSC FM/CoC 123456), khai báo FSC 100%.
- Ký tên người bán (chủ hộ).
- Tổng khối lượng theo FSC và không FSC.

Phiếu này chỉ cần hộ thu mua giữ bản gốc, hộ bán chỉ cần hình chụp hoặc photo.

1.5. Tích hợp hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử

Nhằm đảm bảo tính minh bạch và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế (EUDR, FSC), toàn bộ dữ liệu thu mua tại điểm tiếp nhận phải được số hóa:

- **Cập nhật dữ liệu thời gian thực:** Ngay sau khi ký nhận phiếu sản lượng, nhân viên thu mua/quản lý nhóm thực hiện nhập liệu trực tiếp các thông số (khối lượng, hàm lượng DRC, mã lô, mã hộ) lên hệ thống phần mềm tại địa chỉ: **traceability.thuanloirubber.vn**

The screenshot shows a web application interface for 'PURCHASING MANAGEMENT'. The left sidebar contains navigation options: Overview, Dealers & Farmers, Purchasing management (selected), Latex, Latex FSC, Latex EUDR, Cup lump, Purchasing from farm..., Finished product, Shipping Management, and Accounts & Permissions. The main content area displays a table with the following columns: FARMER'S NAME, FARM CODE, DEALER NAME, TYPE OF LATEX, CLASSIFICATION, VOLUME (KG), UNIT PRICE (Đ), CONCENTRATION (TSC), INVENTORY STATUS, and ACTION. The table contains two entries:

FARMER'S NAME	FARM CODE	DEALER NAME	TYPE OF LATEX	CLASSIFICATION	VOLUME (KG)	UNIT PRICE (Đ)	CONCENTRATION (TSC)	INVENTORY STATUS	ACTION
Nguyễn Thị Huyền	TLR25.40.3, TLR25.40.4, TLR25.40.1, TLR25.40.2	Đại lý Toàn Huyện	Latex	EUDR	420	0	33	Stocked	[Location Icon] [Trash Icon]
Lê Ngọc Huyền	TLR25.25.2, TLR25.25.3, TLR25.25.1	Đại lý Toàn Huyện	Latex	EUDR	350	0	34	Stocked	[Location Icon] [Trash Icon]

- **Mã hóa thông tin:** Mỗi chuyến hàng/lô hàng sau khi nhập liệu sẽ được hệ thống cấp một mã truy xuất duy nhất. Mã này liên kết trực tiếp với tọa độ vùng trồng (GIS) và lịch sử canh tác của hộ dân.
- **Kiểm soát chéo:** Phần mềm tự động đối soát sản lượng thực tế thu mua so với hạn mức năng suất dự báo của từng lô cao su trong danh sách Nhóm, nhằm loại bỏ rủi ro trộn lẫn mũ không rõ nguồn gốc hoặc mũ từ khu vực vi phạm quy định chống phá rừng.

**Mẫu 1: PHIẾU NHẬN MỦ TẠI ĐIỂM THU GOM HỘ MỦ CAO SU FSC**

TT	Tên hộ	Tên lô	Năm trồng	Năm khai thác hiện tại	Dòng giống	Số cây/lô	Ngày khai thác mủ	Trọng lượng (kg)	Hàm lượng DRC (độ)	Trọng lượng khô (kg)	Bồn	FSC/ không	Mã số FSC Nhóm (nếu có)	Khai báo FSC (FSC 100%)	Ký tên chủ hộ bán
1	Nguyễn Văn A	120	2010	7	RRIV 106	600	29.6.23	100	30	30	I	FSC	123456	FSC 100%	A
2	Lê Thị B	125	2015	2	RRIV 106	800	29.6.23	120	26	34	II	Không	-	-	B
3															
...															
Tổng số, trong đó								1.000							
							FSC	600		180	Ký tên người thu gom:				
							Không	400		120					

Loại mủ: Nước /khô: Ngày nhận mủ: .../.../2026, Thời gian vận chuyển:.....giờ.....phút;

Từ.....đến.....

Số hiệu xe vận chuyển: 93A -098.90



2. Bảo quản mủ trong quá trình vận chuyển đến nhà máy

- Nguyên liệu mủ nước chế biến cao su khối SVR và cao su tờ RSS: được bảo quản bằng dung dịch amonia (NH_3) Chỉ chống đông khi mủ đang ổn định (mủ ở trạng thái lỏng tự nhiên, không bị đông cục bộ). Hàm lượng NH_3 cần chống đông tùy theo thời gian thu gom, thời gian vận chuyển và các điều kiện cụ thể khác. Nguyên liệu mủ nước tiếp nhận tại nhà máy phải bảo đảm pH mủ nước ≤ 8 đơn vị và hàm lượng NH_3 do nhà máy tính toán và yêu cầu.

- Nguyên liệu mủ nước chế biến cao su ly tâm, bảo quản trữ nước bằng dung dịch NH_3 có nồng độ 10% với hàm lượng từ 0,3-0,4 % trên khối lượng mủ nước. Lượng NH_3 cần sử dụng do nhà máy tính toán và yêu cầu. Lượng dung dịch này (tương ứng với lượng mủ thu hoạch) được chia thành hai phần:

+ Phần 1: 70% lượng dung dịch NH_3 được cấp phát tại lô mỗi ngày cho mỗi người cạo để cho vào thùng chứa 35 lít. Phải đổ NH_3 vào thùng trước khi đổ mủ nước vào. Việc bảo quản này rất quan trọng để khống chế VFA tăng từ mủ nước trong thùng thu mủ.

+ Phần 2: 30% lượng dung dịch còn lại cho vào bồn chứa mủ của xe vận chuyển. NH_3 phải được đổ vào bồn chứa trước khi đổ mủ vào bồn.

- Nguyên liệu mủ đông: không sử dụng bao PP, PVC làm dụng cụ chứa, che đậy, lót sàn mủ trong quá trình bảo quản và vận chuyển. Khi tồn trữ, phải tách biệt từng loại để dễ dàng nhận diện loại mủ và thời gian tiếp nhận, không lẫn lộn với nhau.

3. Giao mủ tại nhà máy chế biến mủ

Khi đổ mủ nước từ xe vào bồn phải có lưới lọc với kích thước lỗ 3 mm.

Các thông tin sau cần được thể hiện trên Phiếu giao mủ:

- Tên đơn vị giao mủ
- Tên đón vị mua mủ
- Trọng lượng cân mủ FSC, không FSC (trọng lượng xe vào, xe ra, trọng lượng mủ các loại, giờ cân các phiên)
- Ký hiệu FSC, không FSC
- Ký tên các bên



Mẫu 2: PHIẾU GIAO MỦ TẠI NHÀ MÁY CHẾ BIẾN

Loại mủ: Khô/nước.

Ngày giao mủ...../...../2026, Số hiệu xe vận chuyển:

Mủ FSC (Mã số chứng nhận/FSC 100%)/không FSC.

- Giờ xe vàoTrọng lượng xe vào.....kg.
- Giờ xe ra.....Trọng lượng xe ra.....kg
- Trọng lượng mủ tươi.....kg
- Hàm lượng DRC bình quân.....Trọng lượng khôkg.

ĐƠN VỊ THU MUA (NHÀ MÁY)	TRẠM THU GOM/NGƯỜI BÁN
Ký tên/đóng dấu	Ký tên

II. Yêu cầu đối với đơn vị thu mua

- Sử dụng xe theo quy định của Kiểm định xe
- Tài xế phải có bằng lái xe theo loại xe theo quy định
- Có các loại dụng cụ phục vụ sửa chữa xe
- Đảm bảo hạn chế thấp nhất việc gây mùi khi vận chuyển.
- Có các vật liệu đảm bảo bảo vệ môi trường, chống dò rỉ dầu nhớt, chất thải,...
- Tuân thủ luật an toàn giao thông đường bộ hiện hành
- Khi gây ảnh hưởng đến tài sản của người dân phải đền bù thỏa đáng.
- Bên vận chuyển có trách nhiệm lưu giữ các hóa đơn này trong thời gian tối thiểu 5 năm.
- Tuân thủ các quy định của nội bộ nhóm và của FSC, tổ chức đánh giá về tập huấn, giám sát, báo cáo tài liệu (hóa đơn, chứng từ).

**PHỤ LỤC A-5: QUY TRÌNH CHUỖI HÀNH TRÌNH SẢN PHẨM GỖ (CoC)****3. Quy định chung**

- Toàn bộ sản phẩm khai thác (gỗ xẻ, gỗ dăm,...) phải được kê khai chi tiết cho từng lô khai thác
- Hồ sơ khai thác bao gồm: Hợp đồng khai thác (nếu có), Bảng kê lâm sản, Phiếu thu và các loại hóa đơn/chứng từ bán hàng khác (nếu có) phải được lưu lại ở cả bên mua và bên bán để giải trình cho chuỗi hành trình sản phẩm CoC của sản phẩm gỗ có chứng chỉ
- Nhóm Chứng chỉ Thuận Lợi thống nhất quy định khi bán gỗ, ban quản lý nhóm phối hợp với các nhà thầu (nếu có) hoặc thành viên Nhóm liên hệ làm thủ tục cho toàn bộ quá trình khai thác, vận chuyển gỗ có chứng chỉ từ rừng đến đơn vị thu mua, tiêu thụ gỗ FSC.
- Trưởng Ban Đại diện Nhóm (hoặc giao cho các thành viên trong nhóm) còn có trách nhiệm giám sát các đơn vị nhà thầu, đơn vị khai thác, hộ thành viên trong các công đoạn đảm bảo tuân thủ nguyên tắc của quản lý rừng bền vững.

4. Mô tả Chuỗi hành trình sản phẩm CoC

- a. Chuỗi hành trình sản phẩm của gỗ cao su trong các lô rừng thanh viên Nhóm sẽ như sau:

Rừng Hộ gia đình – Xe vận chuyển tại lô rừng đến nhà máy - Trạm cân Nhà máy

- b. Một số rủi ro và biện pháp giảm thiểu

Các điểm trong chuỗi	Rủi ro tiềm ẩn	Biện pháp giảm thiểu
Rừng hộ gia đình	- Khai thác không đúng lô rừng được cấp FSC; - Khai thác vượt quá diện tích được cấp chứng chỉ FSC - Kê khai sản lượng vượt quá mức trung bình của lô rừng	- Tổ FSC Công ty phối hợp khảo sát lô rừng và đo đếm trữ lượng hoặc có thể đối chiếu với số liệu đã được nhóm điều tra dự kiến sản lượng trong báo cáo điều tra rừng trồng của Nhóm. - Ban Đại diện Nhóm chỉ cấp mã số khai thác khi đảm bảo lô rừng kê khai theo đơn đăng ký khai thác đã được cấp chứng chỉ FSC



Xe vận chuyển từ lô rừng đến trạm cân nhà máy	- Bị trộn lẫn với gỗ không FSC	- Chủ rừng hoặc Ban Đại diện Nhóm thực hiện và lưu Bảng kê lâm sản, kê khai chi tiết quá trình vận xuất gỗ từ lô rừng đến trạm cân; - Tách vật lý khu vực kho bãi tập kết gỗ riêng biệt FSC và không FSC.
Trạm cân nhà máy	Bị trộn lẫn gỗ không FSC	- Bộ phận thu mua nhà máy sẽ tập hợp, lưu trữ và đối chiếu giữa Bảng kê lâm sản, Phiếu kê khai chuỗi hành trình sản phẩm, Phiếu vận chuyển và phiếu cân tại nhà máy để đảm bảo gỗ từ cứ rừng đến cổng nhà máy được giám sát theo chuỗi, truy xuất được nguồn gốc và không bị trộn lẫn.

5. Quy trình kê khai và các biểu mẫu liên quan:

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Người thực hiện
Đơn đăng ký khai thác	- Đơn đăng ký khai thác rừng trồng có chứng chỉ FSC - Mã số gồm: Ký hiệu lô rừng/FSC-tháng khai thác (02 chữ số) năm khai thác(04 chữ số)	- Chủ rừng - Tổ FSC đo đếm hoặc đối chiếu trữ lượng dựa vào Báo cáo điều tra rừng trồng của Nhóm. - Ban Đại diện Nhóm duyệt và cấp Mã số đăng ký khai thác
Hợp đồng khai thác	- Ký kết hợp đồng khai thác trước khi tiến hành khai thác (Mẫu 3) - Hợp đồng và Phiếu thu phải đầy đủ thông tin: - o Tên và địa chỉ của người bán; - o Tên và địa chỉ của người mua; - o Ngày xuất;	- Chủ rừng phối hợp với Ban Đại diện Nhóm CC



	○ Miêu tả sản phẩm (thường là gỗ tròn, gỗ nguyên liệu cho dăm, giấy, viên nén); ○ Khối lượng sản phẩm được bán; ○ Yêu cầu FSC (FSC 100%) cho các sản phẩm; ○ Tham chiếu đến số “đợt” thu hoạch ○ Tham chiếu đến số phiếu vận chuyển CoC ○ Số chứng chỉ FSC của Nhóm hộ FSC - Mã số hợp đồng khai thác ghi theo Mã số đăng ký khai thác do Ban Đại diện Nhóm Chứng chỉ Thuần Lợi cấp khi có đăng ký khai thác của chủ rừng.	
Bảng kê lâm sản	- Biểu kê lâm sản (Mẫu 4) đầy đủ các thông tin tương ứng với: ○ Số Hợp đồng và Ký hiệu Lô rừng ○ Tham chiếu đến số phiếu vận chuyển CoC ○ Số chứng chỉ FSC của Nhóm hộ FSC ○ Và thông tin vận chuyển gỗ từ lô rừng đến trạm cân.	- Chủ rừng hoặc Ban Đại diện Nhóm
Phiếu thu	Sau khi gỗ FSC được tập kết tại Trạm cân nhà máy, chủ rừng hoặc Ban Đại diện sẽ thực hiện và lưu trữ phiếu thu có xác nhận của bên mua theo Mẫu 5. Phiếu thu sẽ thể hiện thông tin tương ứng trong hợp đồng và trọng lượng thực tế của các lô rừng được cấp chứng chỉ FSC.	- Chủ rừng hoặc Ban Đại diện Nhóm
Công thức quy đổi	Công thức quy đổi đơn vị (Theo TT số 26/2025/TT-BNNMT quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân): - 1000 kg quy đổi bằng 1 m³ gỗ tròn - 01 ster quy đổi bằng 0,7 m³ gỗ tròn	

Chú ý: Thể tích gỗ khai thác thực tế được so sánh với thể tích gỗ được ước lượng đề trước khai thác để cho thấy sự hợp lý. Sự chênh lệch không vượt quá $\pm 10\%$ của thể tích ước tính khai thác là được chấp nhận. Trong trường hợp thể tích khai thác trong thực tế vượt quá 10% của thể tích được ước tính thì chỉ số thể tích được ước tính thì lượng này không được tính là gỗ có chứng chỉ FSC.

6. Bán gỗ

Các chủ rừng có thể tự bán gỗ của họ hoặc uỷ quyền cho quản lý Nhóm. Trong trường hợp chủ rừng tự bán gỗ, các hợp đồng, chứng từ liên quan về việc Bán gỗ có chứng chỉ FSC và không có chứng chỉ FSC, các hộ gia đình phải chuyển về Ban Đại diện nhóm để lưu trữ và quản lý



Để đảm bảo sự tuân thủ các yêu cầu chứng chỉ FSC - CoC, đối với các trường hợp bán gỗ có chứng chỉ FSC, hợp đồng và phiếu thu phải bao gồm các thông tin sau (BM.CoC-02):

- a. Tên và địa chỉ của người bán;
- b. Tên và địa chỉ của người mua;
- c. Ngày xuất;
- d. Miêu tả sản phẩm (*thường là gỗ tròn, gỗ nguyên liệu cho dăm, giấy, viên nén*);
- e. Khối lượng sản phẩm được bán;
- f. Yêu cầu FSC (*FSC 100%*) cho các sản phẩm;
- g. Tham chiếu đến số “đợt” thu hoạch
- h. Tham chiếu đến số phiếu vận chuyển CoC
- i. Số chứng chỉ FSC của Nhóm hộ FSC: (ví dụ BV- FSC - FM/CoC 012345).

Nếu phiếu thu (*hoặc bản sao*) không được gửi cùng sản phẩm đến người mua thì người bán phải cung cấp một chứng từ vận tải bao gồm các thông tin (*a-i*) như liệt kê ở trên cùng sản phẩm. Bất cứ việc sử dụng các nhãn FSC trên sản phẩm phải đảm bảo những điều sau đây:

* Sản phẩm chỉ được dán nhãn FSC nếu nó thực hiện theo các yêu cầu áp dụng tiêu chuẩn FSC CoC hiện hành và các chính sách FSC liên quan / thay thế).

* Các sản phẩm phải được dán nhãn phù hợp với tiêu chuẩn FSC hiện hành cho sử dụng Nhãn hiệu FSC hiện hành và các chính sách FSC liên quan/ thay thế).

Toàn bộ việc sử dụng biểu tượng (*nhãn hiệu thương mại / nhãn mác FSC*) được Nhóm chỉ đạo và quản lý, sau khi nhận được phê duyệt từ tổ chức cấp chứng chỉ.



Mẫu 3: HỢP ĐỒNG MUA BÁN GỖ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

===== ***** =====

HỢP ĐỒNG MUA BÁN GỖ

Số: 01/ FSC TL-HĐ

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Bộ Luật thương mại số 36/2005/QH11 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào nhu cầu, khả năng và thỏa thuận giữa hai bên.
- Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2025 tại Ấp Tân Phú, Xã Thuận Lợi, Tỉnh Đồng Nai, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN (BÊN A):

Họ tên: Ông Nguyễn Bá Đình

Địa chỉ: Ấp Tân Phú, Xã Thuận Lợi, Tỉnh Đồng Nai

CCCD số 01234567891 do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 21/09/2022 Thuộc Nhóm Chứng chỉ cao su Thuận Lợi.

Mã số chứng chỉ: BV-FM/Co C123456

Hiệu lực: từ ngày 01/03/2025 đến ngày 01/03/2030

BÊN MUA (BÊN B): Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi

Bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Mã số thuế:

Mã số CoC:

Hai bên thỏa thuận cùng ký kết hợp đồng mua bán với các điều khoản như sau :

ĐIỀU 1: Nội dung hợp đồng:

1. Bên A đồng ý bán cho Bên B nguyên liệu:

Diện tích khai thác cụ thể:

STT	Khoảnh	Lô	Diện tích khai thác (ha)	Giống cao su
1				
Tổng cộng				

- Đơn giá và quy cách như sau:



STT	Tên nguyên liệu	Đơn giá (đồng/ tấn)	Đơn giá (đồng/ m ³)
1	Gỗ tròn		
2	Gỗ dăm		
3	Viên nén		
			

- Số lượng thanh toán:

- ☐ Thanh toán theo phiếu cân
☐ Thanh toán theo khối lượng ước tính

2. Đơn giá không bao gồm các chi phí liên quan đến khai thác.

Chi phí mở đường vận xuất, vận chuyển, khai thác và vận xuất, bốc lên xe do chịu, chi phí vận chuyển gỗ đến nhà máy sẽ do chịu.

3. Quy cách, chất lượng:

- ☐ Nguyên liệu chưa bóc vỏ, có chiều dài không hạn chế, đường kính nhỏ hơn 12 cm.
☐ Nguyên liệu chưa bóc vỏ, có chiều dài từ 2 -2,5m, đường kính lớn hơn 12 cm
☐ Nguyên liệu có nguồn gốc hợp pháp theo quy định của Chứng chỉ FSC 100%, Mã số chứng chỉ

4. Mở đường vận xuất, vận chuyển, khai thác và vận xuất gỗ rừng trồng

- Bên.... chịu trách nhiệm Mở đường vận xuất, vận chuyển, khai thác và vận xuất gỗ rừng trồng và phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Có trách nhiệm cung cấp tất cả các máy móc, thiết bị, nhân sự và vật tư có thể cần thiết để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận này.

- Phải xin các giấy phép, giấy phép hoặc uỷ quyền cần thiết để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận này.

- Phải đảm bảo tại mọi thời điểm rằng nhân viên của mình hoặc các nhân viên khác dưới sự kiểm soát của họ được giám sát đầy đủ người được coi là có thẩm quyền để đảm bảo phù hợp với pháp luật có liên quan, các quy định của FSC.

- Phải thực hiện tất cả các biển báo thông báo hoạt động tại các địa điểm hoạt động.



- Chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các bảo hiểm cho người lao động và trách nhiệm công cộng phù hợp với khuôn khổ pháp luật hiện hành.
- Thực hiện các dịch vụ sẽ đảm bảo rằng nó phù hợp với các tiêu chuẩn cao nhất cho các hoạt động lâm nghiệp. Đặc biệt Bên B có trách nhiệm
- Tuân thủ với bất kỳ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ Việt Nam theo Luật Lâm nghiệp năm 2018.
- Tuân thủ các nghĩa vụ quản lý rừng trồng và Nội quy an toàn lao động và làm việc theo quy định tại Sở tay Quản lý Nhóm.
- Thực hiện theo hướng dẫn có liên quan trong Sở tay QLN.

5. Giao nhận, vận chuyển, bốc xếp:

- Thời gian giao hàng: theo tiến độ khai thác của Bên A và phải thông báo cho Bên B 20 ngày trước khi giao hàng.
- Địa điểm giao nhận: Tại bãi tập kết (Chân lô).
- Vận chuyển hàng hóa: Bên B có trách nhiệm vận chuyển hàng hóa theo đúng quy trình vận chuyển gỗ có chứng chỉ FSC 100% (Khách hàng có hợp đồng mua nguyên liệu phải đăng ký biển số xe để vận chuyển, gỗ được tập kết tại bãi gỗ phải có biển logo FSC cấm trước đóng gỗ, bôi sơn đỏ. Khi vận chuyển, khách hàng có trách nhiệm lập hồ sơ và thủ tục vận chuyển theo quy định hiện hành của nhà nước về vận chuyển lâm sản, bảo quản sản phẩm đến cơ sở chế biến và hoàn toàn chịu trách nhiệm về số lượng, chủng loại nguyên liệu đã nhận khi vận chuyển trên đường đi).
- Bên ... có trách nhiệm bốc lên xe tại bãi của bên A.

ĐIỀU 2: Hồ sơ kèm theo hợp đồng:

- Bảng kê lâm sản.
- Căn cứ khối lượng, giá trị nguyên liệu giao nhận thể hiện trên phiếu Cân nguyên liệu theo từng xe.
- Phiếu thanh toán tiền (phiếu thu).

ĐIỀU 3: Phương thức thanh toán:

- Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt ngay sau khi nhận đủ hàng, thời gian chậm nhất sau 2 đến 3 ngày, sau khi bên B nhận đủ số lượng hàng hóa theo từng lô hàng cùng với hồ sơ nguyên liệu theo quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 4: Trách nhiệm của các bên:

1. Trách nhiệm của Bên A:

- Đảm bảo chất lượng và tiến độ giao hàng như đã cam kết.
- Sẵn sàng đón tiếp và hợp tác với nhân viên đánh giá FSC-COC của bên mua.



- Bên A có trách nhiệm cung cấp nguyên liệu có chứng từ liên quan đến việc chứng minh nguồn gốc FSC cho bên B.

- Trong lúc Hợp đồng mua bán đang diễn ra, nếu Bên mua phát hiện hoặc có chứng cứ chứng minh nguyên liệu do Bên bán cung cấp không phải là có chứng nhận FSC 100% hoặc giấy chứng nhận của Nhà cung cấp bị thu hồi thì nguyên liệu sẽ được xem là không đúng với như cam kết của bên A và bên B có quyền từ chối không nhận nguyên liệu đó.

- Cam kết đảm bảo ổn định giá bán cho bên B theo điều khoản của hợp đồng.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Thanh toán đầy đủ theo quy định.

- Bố trí người kiểm tra và nhận hàng tại Bên A.

ĐIỀU 5: Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thống nhất trong hợp đồng, không bên nào được đơn phương chấm dứt hoặc hủy bỏ.

Hợp đồng có giá trị áp dụng cho các lô hàng từ ngày ký hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Sau khi kết thúc hợp đồng 30 ngày mà 2 bên không có ý kiến gì thì coi như hợp đồng đã được thanh lý. Hợp đồng nguyên tắc được làm thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản, 01 bản gửi cho Ban Quản lý Nhóm CC cao su Thuận Lợi và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

.....

.....



Mẫu 4: BẢNG KÊ LÂM SẢN

Nhóm Chứng chỉ Thuận Lợi

---o0o---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Số (1)...../...../BKLS

Tờ số (2):.....Tổng số tờ:.....

BẢNG KÊ LÂM SẢN

1. Thông tin chủ lâm sản:

Tên chủ lâm sản (4) :.....

Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC (5):.....

Địa chỉ (6):.....

Số điện thoại:.....Địa chỉ email:.....

Mã số FSC của Nhóm:.....

2. Thông tin tổ chức, cá nhân mua gỗ FSC:

Tên tổ chức, cá nhân (4):.....

Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC (5):.....

Địa chỉ (6):.....

Số điện thoại:.....Địa chỉ email:.....

Mã số CoC:.....

3. Thông tin về lâm sản:

Tên loài (tên khoa học, tên tiếng Việt/tên thương mại):.....

Nhóm loài (Thông thường; Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; Phụ lục CITES):.....

Nguồn gốc (7):.....

Mã HS (áp dụng đối với lâm sản nhập khẩu, xuất khẩu):.....

Giá trị (nếu có):.....

Khối lượng/trọng lượng (bằng số và chữ:.....)

Đơn vị tính (m³, kg, ster, lít, ml):.....

Số lượng (bằng số và chữ:.....)

Đơn vị tính (lóng, khúc, thanh, tấm hộp, viên,...):.....

Thông tin về lô khai thác (8):.....

Thông tin khác có liên quan (nếu có):.....

4. Thông tin chi tiết tại Bảng kê khai kèm theo: (Áp dụng đối với gỗ nguyên liệu, sản phẩm gỗ: khai thác từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, thuộc Phụ lục CITES. Động vật rừng thông thường, động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, động vật, phụ lục CITES): Sản phẩm gỗ của Nhóm là gỗ cao su nên không thuộc Nhóm đối tượng phải lập Bảng kê chi tiết

5. Thông tin vận chuyển (nếu có):

Biển kiểm soát/Số hiệu phương tiện:.....



Thời gian vận chuyển:.....Ngày; Từ ngày....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm.....

Vận chuyển từ:..... đến:.....

6. Hồ sơ kèm theo (nếu có):

Chúng tôi/Tôi cam kết những nội dung kê khai trong bảng kê này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực của thông tin.

Tổ chức/Cá nhân lập Bảng kê

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú:

(1) Ghi số thứ tự theo số Bảng kê lâm sản đã lập trong năm; Ví dụ 001/2023: 001 là số thứ tự bảng kê đã lập; 2023 là năm xác nhận.

(2) Ghi số thứ tự tờ bảng kê, tổng số tờ của bảng kê.

(3) Mã phản hồi nhanh (QR) tích hợp vào Bảng kê lâm sản chứa đựng thông tin Hồ sơ lâm sản mua bán/chuyển giao quyền sở hữu liên kết trước đó hoặc Phương án khai thác gỗ (nếu có).

(4) Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có) đối với tổ chức hoặc đầy đủ họ tên đối với cá nhân.

(5) Ghi số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/mã số doanh nghiệp/giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động đối với tổ chức; số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu đối với cá nhân.

(6) Ghi địa chỉ tổ chức theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động; ghi địa chỉ thường trú của cá nhân theo Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu.

(7) Liệt kê nguồn gốc và ghi đầy đủ số Bảng kê lâm sản sau khai thác hoặc số Bảng kê gỗ nhập khẩu và số tờ khai hải quan sau thông quan hoặc số Bảng kê lâm sản do cơ quan được giao xử lý tài sản lập hoặc mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng, số giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

(8) Áp dụng đối với trường hợp sau khai thác gỗ có nguồn gốc trong nước: ghi thông tin kinh độ, vĩ độ đối với lô khai thác theo phương án khai thác.

**Mẫu 5: Phiếu thu****Nhóm Chứng chỉ cao su Thuận Lợi***Đồng Nai, ngàythángnăm.....***PHIẾU THU****Số:/.....**

	Người bán (Đại diện Nhóm hoặc Nhóm viên)	Người mua
Tên:		
Địa chỉ:		
Mã số chứng chỉ		
Số xe vận chuyển		Giờ đến:
Số phiếu cân		

Đặc điểm sản phẩm					
Số	Miêu tả nội dung	Yêu cầu FSC	Sản lượng (tấn)	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
1					

XÁC NHẬN CỦA CÁC THÀNH PHẦN LIÊN QUAN:**Chủ rừng****Nhóm trưởng****Người thanh toán**

.....

Bản sao chứng chỉ FM/CoC của người bán được kèm theo hóa đơn này là gỗ FSC 100%.



PHỤ LỤC A-6: THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN

I. MỤC ĐÍCH

- Chia sẻ, thông tin và trao đổi về các nội dung cần lấy ý kiến của các bên liên quan
- Ghi nhận phản hồi của các bên liên quan và chỉnh sửa các nội dung

II. NỘI DUNG THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN:

- Xây dựng, điều chỉnh và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững
- Đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao
- Bất kỳ thay đổi nào trong quy hoạch sử dụng đất bao gồm cả việc chuyển đổi diện tích rừng của các thành viên thuộc Nhóm CC Thuận Lợi.
- Việc xác minh việc tuân thủ Tiêu chuẩn của FSC
- Các vấn đề khác như cơ chế chia sẻ lợi ích, cơ chế hợp tác với người dân, cộng đồng, phương án phòng chống cháy rừng, các hoạt động lâm nghiệp mà có tác động đến một hoặc nhiều bên liên quan cụ thể.

III. CÁC HÌNH THỨC THAM VẤN:

Ban Đại diện Nhóm CC Thuận Lợi sẽ chọn một trong các hình thức sau (phù hợp với từng nội dung tham vấn cụ thể) để thực hiện tham vấn các bên liên quan:

- Tổ chức họp, hội thảo: Ban Đại diện Nhóm gửi giấy mời tham gia đến các bên liên quan ít nhất 07 ngày trước khi tổ chức họp, hội thảo tham vấn, lấy ý kiến.
- Công văn, thư điện tử: Ban Đại diện Nhóm gửi thư điện tử, thư tham vấn đến các bên liên quan về các vấn đề cụ thể và yêu cầu các bên liên quan gửi phản hồi trong khoảng thời gian xác định (02-03 tuần).
- Thông báo tuyên truyền trên loa phát thanh, hoặc giấy mời trực tiếp tới các hộ thành viên nhóm chứng chỉ hoặc gián tiếp qua Ban Đại diện các phân nhóm và các bên liên quan tại địa phương. Tổ chức các cuộc họp thảo luận lấy ý kiến góp ý vào những vấn đề cần tham vấn.
- Hàng năm ít nhất một lần Ban Đại diện nhóm chứng chỉ rừng tổ chức lấy ý kiến tham vấn gửi cho các bên liên quan đề nghị các bên liên quan góp ý phản hồi (nếu có thông tin thay đổi) và cập nhật những diễn biến, thay đổi về các quy định, tiêu chuẩn trong và ngoài nước về quản lý rừng bền vững. Hoạt động này được thực hiện qua email hoặc qua đường công văn thư tín.
- Khi có những thay đổi bất thường trong hoạt động quản lý rừng, Ban Đại diện nhóm cần có sự tham vấn đến các bên liên quan đảm bảo sự thay đổi phù hợp với mục tiêu quản lý rừng và tuân thủ nguyên tắc FSC
- Trên đây là nội dung cơ bản quy trình tham vấn các bên liên quan áp dụng cho nhóm chứng chỉ Thuận Lợi.

IV. XÁC ĐỊNH CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG THAM VẤN



Các bên liên quan chịu ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp, tích cực/tiêu cực bởi hoạt động của tổ chức nhóm được tổng hợp trong **Bảng 1**

Bảng 1. Các bên liên quan chịu tác động và nhu cầu

Bên chịu ảnh hưởng	Trực tiếp	Gián tiếp	Tích cực	Tiêu cực	Nhu cầu của họ
Các cấp quản lý nhà nước liên quan	x	x	x	x	Các cấp quản lý nhà nước như UBND xã/phường; Phòng Kinh tế; Kiểm lâm khu vực... mong muốn thúc đẩy sự phát triển và mở rộng của tổ chức nhóm và duy trì thực hiện QLRBV và chứng chỉ rừng
Cộng đồng địa phương	x	x	x	x	- Cộng đồng địa phương mong muốn học hỏi kinh nghiệm, kỹ thuật, giống tốt,... - Nhu cầu được tạo điều kiện công ăn việc làm từ các hoạt động SXKD của tổ chức nhóm - Được bồi thường thiệt hại nếu các hoạt động SXKD của nhóm gây ảnh hưởng đến họ
Các tổ đội vận xuất, khai thác, trồng rừng Các đại lý thu gom củ	x		x	x	- Mong muốn được liên doanh liên kết với Nhóm/chủ rừng để nhận khoán thực hiện các hoạt động - Được đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn, an toàn lao động - Được chi trả tiền hợp đồng dịch vụ đúng thời hạn
Các doanh nghiệp/HTX buôn bán, sản xuất các sản phẩm từ gỗ hoặc có các hoạt động liên quan đến sản xuất lâm nghiệp; các xưởng xẻ	x	x	x	x	- Mong muốn được liên doanh liên kết với Nhóm/Công ty/Chủ rừng để sản xuất theo mô hình chuỗi - Bao tiêu nguồn nguyên liệu có chứng chỉ thông qua hình thức ký cam kết với người trồng rừng - Hỗ trợ chi phí đánh giá duy trì chứng chỉ để độc quyền nguồn cung cấp nguyên liệu
Các nhà tri thức, các tổ chức bảo vệ môi trường, xã hội	x	x	x	x	- Theo dõi các hoạt động của tổ chức nhằm mục đích bảo vệ môi trường, quyền động vật, đa dạng sinh học, quyền của người lao động,...
Các thành viên là chủ rừng	x	x	x	x	- Mong muốn đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến chứng chỉ rừng (giám sát đánh giá, kê khai hồ sơ lâm sản,...)



SỔ TAY QUẢN LÝ NHÓM

					- Nhu cầu tập huấn, nâng cao năng lực - Nhu cầu về nguồn vốn để tái sản xuất
--	--	--	--	--	--

(Kết quả thảo luận tại một số đợt truyền thông/tập huấn nhóm năm 2026)



PHỤ LỤC A-7: DANH MỤC KIỂM TRA SỰ TUÂN THỦ FSC

I. Điều kiện tiên quyết để chủ rừng xin tham gia nhóm Chứng chỉ

1. Có giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu/sử dụng đất hợp pháp hoặc đất sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp và được chính quyền địa phương xác nhận, với thời hạn từ 10 năm trở lên (đảm bảo thời gian ít nhất 2 chu kỳ chứng chỉ);
2. Rừng trồng được thành lập trên đất trống hoặc không phải là rừng được chuyển đổi từ rừng tự nhiên trước năm 1994;
3. Kế hoạch trồng rừng của chủ rừng phải phù hợp với mục đích sử dụng đất được các cơ quan chức năng phê duyệt;

II. Các điều bắt buộc đối với quản lý rừng:

1. Ranh giới giữa đất rừng trồng sản xuất với đất lâm nghiệp sử dụng mục đích khác phải được thể hiện rõ trên hiện trường bằng các dấu mốc cây tự nhiên hoặc trụ bê tông. Và được khoanh vẽ trên bản đồ hiện trạng;
2. Nguồn gốc của cây giống trồng rừng cần tài liệu hóa cho tất cả các lô rừng được trồng sau khi tham gia nhóm (cây giống trồng rừng phải có phiếu xuất vườn, hoặc hóa đơn/ chứng từ mua cây giống để chứng minh nguồn gốc);
3. Không sử dụng các chất hóa học và phân bón đã bị cấm bởi FSC;
4. Các hoạt động trồng, chăm sóc, tỉa thưa nuôi dưỡng, quản lý bảo vệ và khai thác rừng phải được xây dựng trong kế hoạch kinh doanh rừng theo lô;
5. Toàn bộ kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, xã phải được lập từ việc tổng hợp kế hoạch kinh doanh rừng theo lô của các thành viên nhóm và được sự đồng ý Quản lý nhóm;
6. Trong trường hợp đất bị xói mòn, các hoạt động phục hồi đất cần được chú trọng;
7. Động, thực vật nguy cấp và có nguy cơ, không phân biệt là ở trong hay ngoài diện tích rừng quản lý, không được phép săn bắt và sưu tầm bởi các thành viên trong nhóm;
8. Thu gom rác thải phải được thực hiện thường xuyên qui định bảo vệ môi trường của địa phương và của nhóm Chứng chỉ;
9. Việc đổ dầu, nhớt cần phải được ngăn chặn, đặc biệt nơi gần vùng nước. Theo đó, máy cưa và máy cắt cỏ phải được thay/đổ dầu bên ngoài vùng đệm;
10. Một vùng đệm dọc theo hai bên dòng sông, suối hoặc nguồn nước cố định cần phải được quản lý như sau:



- Đối với lòng sông, suối có chiều rộng >10m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 15 m;
- Đối với lòng sông, suối có chiều rộng từ 5-10 m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 10 m;
- Lòng suối có chiều rộng <5m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên ít nhất là 5 m;
- Đối với lòng hồ thủy lợi có mực nước thay đổi theo mùa thì hành lang bảo vệ phải chừa ít nhất 100 m.
- Độ rộng hành lang ven suối tại các khu vực có thể thay đổi tùy theo hiện trạng khu vực cũng như phù hợp với văn hoá, thực trạng canh tác tại địa phương, mà vẫn đảm bảo sự ổn định của dòng chảy sông, suối và độ đa dạng loài của khu vực này.

III. Công nhân (người lao động) và điều lệ an toàn lao động

1. Phải đảm bảo đúng quy trình về an toàn trong lao động và sử dụng thiết bị an toàn lao động, đặc biệt trong trường hợp sử dụng cưa máy, người khai thác phải mặc bảo hộ lao động và mang theo đồ sơ cứu;
2. Không sử dụng lao động đang bị quản thúc hay ở dạng khác của tổ chức bán lao động;
3. Không sử dụng trẻ em dưới 15 tuổi trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp của chủ rừng;
4. Chủ rừng phải hướng dẫn cho người làm thuê những yêu cầu liên quan đến FSC®;
5. Nam, nữ phải có bình đẳng giới về việc làm và thu nhập.

IV. Quy định về tài liệu và lưu trữ

Ngoài việc thực hiện trách nhiệm của thành viên nhóm, trong danh mục kiểm tra chủ rừng cần tuân thủ yêu cầu về tài liệu và lưu trữ như sau:

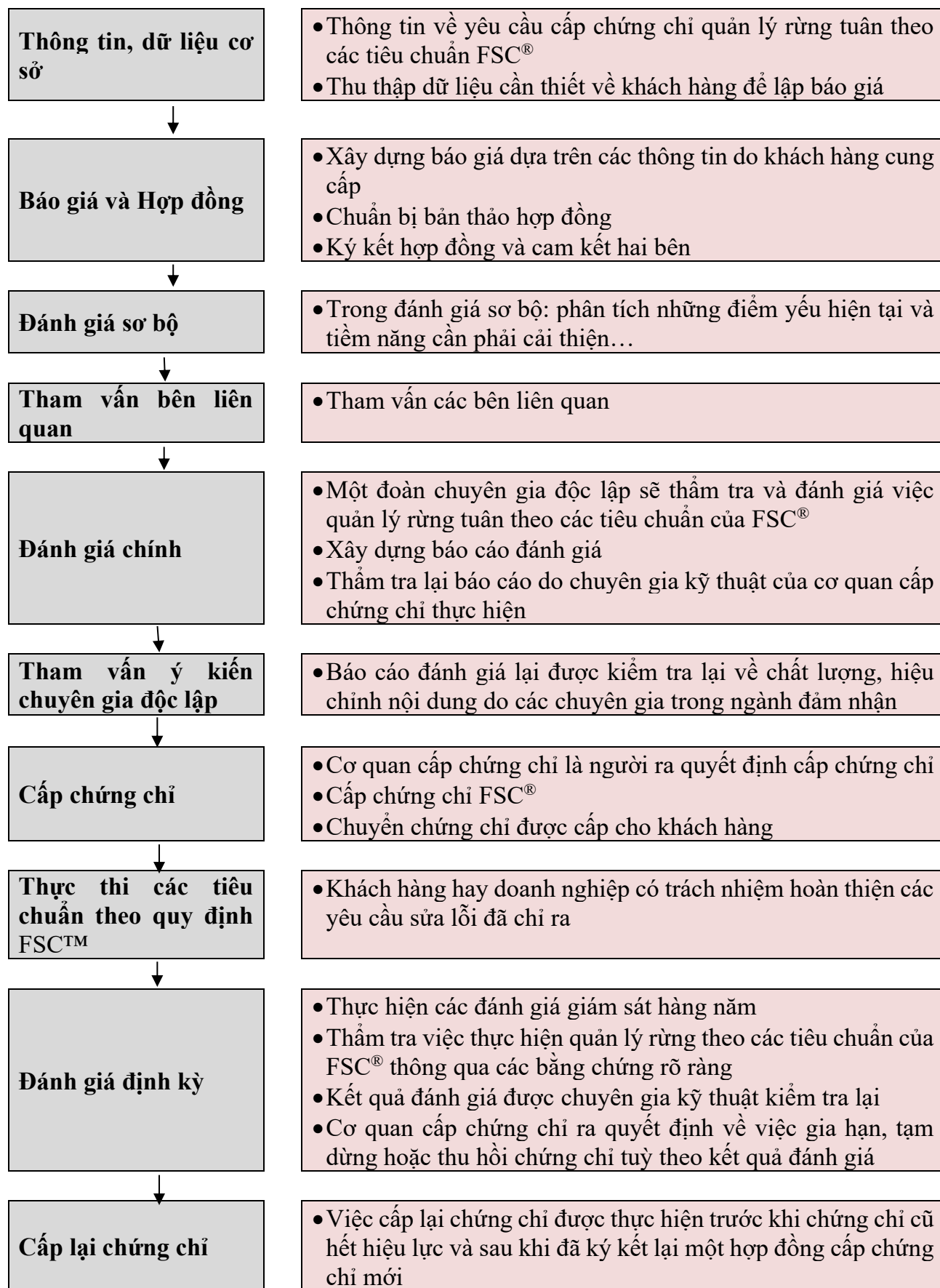
1. Tất cả hợp đồng bán gỗ, mua cây giống, phân bón cần phải được photo chuyển cho Trưởng nhóm thôn lưu trữ;
2. Trong trường hợp sử dụng thuốc BVTV cần được báo cáo cho Ban Đại diện nhóm cụ thể về tên thuốc, liều lượng và ngày được sử dụng;
3. Các vụ tai nạn trong sản xuất lâm nghiệp cần được thông báo cho Trưởng nhóm xóm/trạm;
4. Khai thác rừng phải báo trước cho Trưởng nhóm thôn ít nhất 10 ngày. Sau khai thác, kế hoạch trồng lại rừng được báo cho nhóm Trưởng nhóm xóm/trạm chậm nhất 30 ngày;



5. Khai thác trắng liền kề lớn hơn 15 ha ở diện tích đất có độ dốc cao ($>25\%$) phải được thống nhất bằng văn bản với Ban Đại diện nhóm (liên quan đến các điều luật bảo vệ môi trường).



PHỤ LỤC A-8: QUY TRÌNH CẤP CHỨNG CHỈ FSC



PHỤ LỤC A-9: CÁC ĐỊNH NGHĨA

1. Lỗi không tuân thủ lớn (Major car)

Lỗi không tuân thủ lớn có thể là lỗi riêng biệt hay kết hợp với các lỗi không tuân thủ thuộc các chỉ số khác mà nó dẫn đến kết quả một thất bại cơ bản để đạt được các mục tiêu của Tiêu chuẩn FSC® tại một (hoặc nhiều) đơn vị quản lý rừng trong phạm vi nhóm. Lỗi không tuân thủ lớn có thể xảy ra trong các trường hợp sau:

Không ban hành các tài liệu hướng dẫn hoặc không có hồ sơ chứng minh theo đúng quy định và vi phạm nghiêm trọng yêu cầu bắt buộc của tiêu chuẩn FSC®;

Có ban hành tài liệu hướng dẫn theo đúng quy định, nhưng thực tế hầu hết các chủ rừng không thực hiện theo (Tức văn bản này không có hiệu lực tại chủ rừng);

Vi phạm các yêu cầu luật định (Liên quan đến phạm vi chứng nhận);

Lỗi nhỏ không được khắc phục của lần đánh giá trước sẽ tự động nâng lên lỗi lớn.

2. Lỗi không tuân thủ nhỏ (Minor car)

Lỗi không tuân thủ nhỏ xảy ra trong các trường hợp sau:

- Là các điểm không thực hiện theo các yêu cầu liên quan đến tài liệu hoặc hồ sơ nhưng mang tính không hệ thống, tính liên kết có thể bị phá vỡ và chỉ xảy ra tại một hoạt động hoặc một số nơi;
- Lỗi quan sát không có giải pháp ngăn ngừa sẽ tự động lên lỗi nhỏ.

3. Lỗi quan sát (Observer)

Là các điểm không vi phạm bất cứ yêu cầu nào như luật định, hệ thống tài liệu hoặc hồ sơ hoặc các yêu cầu khách hàng nhưng nó cần thiết cho hoạt động quản lý rừng được cải thiện tốt hơn nhằm gia tăng hiệu quả áp dụng hệ thống.

4. Đa dạng sinh học

Sự đa dạng của tất cả các loài sinh vật thuộc về các hệ sinh thái trên mặt đất, biển và các hệ sinh thái dưới nước khác và các tổ hợp sinh thái mà các sinh vật là một thành phần; bao gồm sự đa dạng về loài và hệ sinh thái (Công ước Đa Dạng Sinh Học)

5. Rừng có giá trị bảo tồn cao

Rừng có giá trị bảo tồn cao là rừng có một hay nhiều thuộc tính sau:

- 1) Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu (ví dụ: các loài đặc hữu, bị đe dọa, loài di trú);
- 2) Rừng cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu, nằm trong, hoặc bao gồm đơn vị quản lý rừng, nơi mà nhiều quần xã của hầu hết nếu không phải là tất cả các loài xuất hiện tự nhiên tồn tại trong những biểu chuẩn tự nhiên;



- 3) Rừng thuộc về những hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp;
- 4) Rừng cung cấp những dịch vụ tự nhiên cơ bản trong những tình huống quan trọng (ví dụ: phòng hộ đầu nguồn, kiểm soát xói mòn);
- 5) Rừng đóng vai trò nền tảng trong việc đáp ứng nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương (ví dụ sinh kế, sức khỏe);
- 6) Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc nhận diện văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương (khu vực có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo được nhận biết qua hợp tác với các cộng đồng địa phương đó)

**PHỤ LỤC B: CÁC BIỂU MẪU TỔNG HỢP, BÁO CÁO, GIÁM SÁT**

TT	Hộ gia đình	Ban Đại diện nhóm CC	Ghi chú
I	Hồ sơ đăng ký ban đầu và đăng ký khai thác		
	Biểu 1A: Đơn xin gia nhập Nhóm	Biểu 5: Tổng hợp Danh sách các hộ gia đình đăng ký tham gia nhóm CC tại các Xã/Phường	
	Biểu 1B: Thư thông báo công nhận thành viên	Biểu 6: Tổng hợp các khu vực hành lang ven suối	
	Biểu 1C: Thư thông báo khai trừ nhóm viên		
	Biểu 2: Thu thập thông tin diện tích rừng trồng hộ gia đình	Biểu 7: Kế hoạch Khai thác rừng của nhóm theo năm	
	Biểu 3: Kiểm tra điều kiện ban đầu		
	Biểu 4: Mô tả hành lang-vùng đệm (nếu có)		
	Biểu 5: Tổng hợp Danh sách các hộ gia đình đăng ký tham gia nhóm CC tại các Xã/Ấp		
	Biểu 13: Đơn đăng ký khai thác rừng trồng	Biểu 13: Đơn đăng ký khai thác rừng trồng	
II	Hồ sơ Giám sát		
	Biểu 8: Kế hoạch Giám sát của nhóm hộ CC Cao su Thuận Lợi	Biểu 8: Kế hoạch Giám sát của nhóm hộ CC Cao su Thuận Lợi	
	Biểu 9A: Giám sát hoạt động trồng rừng	Biểu 9A: Giám sát hoạt động trồng rừng	
	Biểu 9B: Giám sát hoạt động Chăm sóc rừng	Biểu 9B: Giám sát hoạt động Chăm sóc rừng	
	Biểu 9C: Giám sát hoạt động bảo vệ	Biểu 9C: Giám sát hoạt động bảo vệ	
	Biểu 9D: Phiếu giám sát hoạt động khai thác	Biểu 9D: Phiếu giám sát hoạt động khai thác	
	Biểu 9E: Phiếu giám sát tăng trưởng và trữ lượng rừng trồng	Biểu 9E: Phiếu giám sát tăng trưởng và trữ lượng rừng trồng	



	Biểu 9F: Biểu giám sát thi công bảo dưỡng, làm đường vận xuất	Biểu 9F: Biểu giám sát thi công bảo dưỡng, làm đường vận xuất	
		Biểu 10: Biểu giám sát tác động môi trường	Dùng trong đánh giá nội bộ
		Biểu 11: Biểu giám sát tác động xã hội	
		Biểu 12: Biểu giám sát các hoạt động khắc phục	
III	Biểu báo cáo		
		Biểu 14: Đánh giá tính phù hợp của cơ cấu tổ chức nhóm	Báo cáo đánh giá nội bộ
		Biểu 15: Đánh giá tính hiệu quả của bộ máy quản lý nhóm	
		Biểu 16: Đánh giá sự phù hợp của các quy trình quản lý nhóm và quy trình kỹ thuật QLRBV đang áp dụng cho tổ chức Nhóm	
		Biểu 17: Thống kê sử dụng phân bón/ Thuốc BVTV	



Biểu số 1A - ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA NHÓM CC THUẬN LỢI

....., ngày.....tháng.....năm 202...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG
VÀ CC FSC**

Kính gửi:

Tôi tên là:..... Sinh ngày:

Địa chỉ:.....

Số CMND/CCCD:Số điện thoại:

Diện tích đăng ký tham gia CC FSC:

Tôi tự nguyện đăng ký tham gia QL RBV và CC FSC và cam kết như sau :

1. Tôi đã có sổ đỏ (hoặc các văn bản liên quan giao đất, giao rừng hoặc giấy xác nhận của chính quyền địa phương về quyền sử dụng đất) cho rừng trồng và cam kết quản lý rừng trồng của tôi lâu dài phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chí của FSC.

2. Tôi đăng ký tham gia QL RBV và CC FSC ít nhất một chu kỳ kinh doanh rừng trồng cao su.

3. Tôi đồng ý để người thuộc Ban Đại diện (BĐD) nhóm CC, tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ FSC, ASI hoặc bất kỳ người nào quan tâm mà đã được BAN ĐẠI DIỆN Nhóm CC cho phép vào rừng trồng của tôi và tham khảo kế hoạch quản lý rừng bất kỳ lúc nào để thực hiện nhiệm vụ của họ trên diện tích cao su đăng ký FSC

4. Tôi đồng ý để Ban Đại diện Nhóm CC Cao su Thuận lợi đại diện xin cấp chứng chỉ QL RBV FSC.

5. Tôi đã nắm vững và nhất trí tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí và chỉ số mà FSC quy định.

6. Tuân thủ diện tích cao su nêu trên chỉ đăng ký vào Nhóm CC Cao su Thuận Lợi mà không đăng ký vào một Nhóm nào khác;

7. Cam kết không thực hiện các hành vi đưa, nhận hối lộ

Trân trọng./.

Ban Đại diện Nhóm CC Cao su Thuận Lợi

(ký, ghi rõ họ tên)

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ tên)



Biểu 1B: THƯ THÔNG BÁO CÔNG NHẬN THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ THÔNG BÁO CÔNG NHẬN THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC

Kính gửi: Quý Ông/Bà nhóm Chứng chỉ xã.....

(kèm theo danh sách thành viên)

Tôi rất vui mừng được thông báo với Quý Ông/ Bà rằng đơn xin tham gia nhóm Chứng chỉ cao su Thuận Lợi của Ông /Bà chính thức được chấp nhận là thành viên của Nhóm, ông/ bà sẽ được hưởng các quyền lợi từ chứng chỉ của nhóm. Tôi xin lưu ý với ông/ bà rằng thực hiện đúng những cam kết trách nhiệm của một thành viên như đã nêu trong đơn. Ngoài ra, kính mong ông/ bà phối hợp cùng thực hiện các nội dung sau để duy trì và phát triển nhóm chứng chỉ ngày càng lớn mạnh:

1. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau;
2. Tham gia công tác quản lý, giám sát rừng và sinh hoạt nhóm theo đúng kế hoạch;
3. Sẵn sàng chia sẻ các thông tin liên quan đến quản lý rừng bền vững FSC® cho các chủ rừng trong địa bàn thôn, xã nhằm mở rộng nhóm;

Trong quá trình hoạt động nhóm, mọi thắc mắc của ông/ bà liên quan đến chứng chỉ FSC® cần được giải đáp xin liên hệ với tôi.

Trân trọng

Ban Đại diện chứng chỉ cao su Thuận Lợi

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Ban Đại diện nhóm CC Cao su Thuận Lợi

(Ký, ghi rõ họ tên)



Biểu 1C: THƯ THÔNG BÁO KHAI TRỪ/RỜI NHÓM VIÊN

Kính gửi:

Thay mặt cho Ban Đại diện Nhóm Chứng chỉ Cao su Thuận Lợi, sau khi cân nhắc kỹ, tôi rất tiếc phải thông báo rằng Ông/Bà đã bị khai trừ khỏi Nhóm Chứng chỉ cao su Thuận Lợi. Việc khai trừ này là kết quả của việc không tuân thủ các quy định của nhóm, cụ thể:

<nêu lý do >

Việc khai trừ này có hiệu lực ngay lập tức và Ông/Bà không còn quyền lợi như là thành viên Nhóm hoặc được chứng chỉ hoặc có rừng trồng được quản lý phù hợp với yêu cầu của Nhóm và Tiêu chuẩn FSC nữa.

Nếu Ông/Bà muốn kháng nghị quyết định này thì viết đơn khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo này. Đơn khiếu nại của Ông/Bà sẽ gửi trực tiếp cho Ban Đại diện. Nếu mà Ông/Bà muốn có bản sao về thủ tục khiếu nại, Nhóm sẽ sẵn sàng cung cấp.

Nếu Ông/Bà có điều gì cần làm rõ, xin vui lòng liên hệ với Ban Đại diện Nhóm.

Trân trọng.

Đồng Nai, ngày.....tháng.....năm 20

Nhóm Chứng chỉ cao su Thuận Lợi

(Ký, ghi rõ họ tên)



Biểu 2: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH	
Tổng số diện tích hiện có (ha)	
Diện tích đăng ký vào CC/ FSC® (ha)	

TT lô	Thửa BD	Tờ BD	Loại cây	Diện tích đăng kí FSC® (ha)	Năm trồng	Mật độ trồng cây/ha	Xử lý thực bì: bằng máy/bằng tay	Lâm sinh đã áp dụng: 1=tia cành, 2=tia thưa, 3=lâm cỏ/ vun gốc	Tình trạng Sổ đỏ: 0=chưa, 1=có, 2=Lâm bạ/giấy khác	Phân bón Loại, liều lượng	Giáp khe suối 1= có, 2=không	Kí hiệu lô
1												
2												
3												
4												
5												
6												
7												
Tổng												

**Biểu 3: KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN BAN ĐẦU**

1. Tên chủ rừng				
2. Địa chỉ				
3. Số sổ đỏ/Lâm bạ/QĐ...				
4. Điện thoại số				
5. Cán bộ kiểm tra/giám sát				
6. Nội dung kiểm tra				
STT	Nội dung chi tiết	Hiện trạng		Diễn giải/Bảng chứng
		Có	Không	
1	Tên người nộp đơn tham gia có cùng tên trong sổ đỏ hay trong giấy xác nhận của chính quyền địa phương về lô rừng xin tham gia đó không?			
2	Rừng trồng được thiết lập trên đất trống (Diện tích đất không phải thuộc rừng tự nhiên từ sau năm 1994)			
3	Kế hoạch trồng rừng có phù hợp với kế hoạch sử dụng đất ở địa phương?			
4	Diện tích rừng trồng có phát sinh mâu thuẫn với các hộ dân xung quanh?			
5	Ranh giới giữa các lô rừng: Rõ ràng và dễ nhận biết?			
6	Cây giống trồng rừng có nguồn gốc rõ ràng (nơi bán/ngày mua)			
7	Rừng trồng có sử dụng cây biến đổi gen hay không?			
8	Có sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật? Liều lượng từng loại?			
9	Có lưu trữ thông tin về các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật?			
10	Có kế hoạch quản lý kinh doanh rừng dài hạn không?			
11	Có áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh? (Chăm sóc, tỉa thưa, tỉa cành...)			
12	Có các biện pháp lâm sinh gì nhằm cải tạo đất thoái hóa, bạc màu?			



13	Có sử dụng, buôn bán động vật hoang dã làm thức ăn?			
14	Thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt đúng với quy định?			
15	Có giải pháp nhằm hạn chế nhiên liệu (xăng, dầu) vương vãi trong và diện tích liền kề rừng trồng?			
16	Diện tích rừng trồng có liền kề với khe suối? Vùng đai xanh? Vùng đệm?			
17	Có giải pháp gì để đảm bảo về an toàn lao động? (Bảo hộ lao động, thiết bị lao động an toàn...)			
18	Có sử dụng lao động trẻ em dưới 16 tuổi không?			
19	Phải có bình đẳng về thu nhập giữa Nam và Nữ hay không? (bao gồm cả giá cả thuê mướn lao động)			
20	Chủ hộ cần giải thích cho những người lao động có liên quan đến diện tích rừng đang thực hiện FSC?			
21	Có xảy ra tai nạn lao động? (Mức độ thế nào? Có tài liệu ghi chép nào không?)			
22	Đã có diện tích khai thác trắng nào lớn hơn 15 ha chưa? (diện tích liền vùng, liền khoảnh)			

7. Hoạt động khắc phục (nếu có)

TT	Những điểm cần khắc phục và Giải pháp	Ngày hoàn thiện

Một số giải pháp đề xuất

Cán bộ Kiểm soát (Ký và ghi rõ họ tên)	Ngày lập phiếu:..... Chủ rừng (Ký, ghi rõ họ tên)
--	--

**Biểu 4: MÔ TẢ HÀNH LANG – VÙNG ĐỆM (Nếu có)**

1. Họ và tên chủ rừng	
2. Địa chỉ	
3. Vị trí Lô rừng/Khoảnh	
4. Mô tả đặc điểm:	
- Lô rừng có gân ao hồ, sông suối, khe nước hay không? - Ao hồ/sông suối, khe nước có diện tích (m², ao hồ), chiều rộng (m, sông suối) là bao nhiêu? - Ao hồ/sông suối này cung cấp nước cho mục đích: tưới tiêu, nước uống, sinh hoạt? - Ao hồ/sông suối có thường xuyên có nước chảy hay chỉ có nước theo mùa (khô: cạn/ mưa: đầy)? - Ven hồ có các loài cây tự nhiên/hoang dại mọc hay không? Rộng hay hẹp? Là những loài cây gì? Đường kính cây lớn nhất? - Khu vực này có dấu hiệu bị xói mòn, sạt lở, trâu bò dẫm đạp, bị chặt phá lấy củi/gỗ hay không?	
5. Đề xuất bảo vệ/ phục hồi/ tăng cường:	
- Hiện trạng đang bị suy thoái → Cần làm gì để phục hồi/ tăng cường vùng đệm này? - Hiện trạng đang tốt → Cần làm gì để duy trì/bảo vệ vùng đệm này?	

Ngày lập phiếu:

Tên cán bộ kiểm tra

Kí tên

Chủ rừng
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu 5: DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH ĐĂNG KÝ THAM GIA NHÓM CC TẠI ẤP/XÃ...**

- Xã:.....

- Ấp:.....

- Ngày tổng hợp:

TT	Hộ gia đình	Dân tộc		Vị trí		Ký hiệu lô	Diện tích (ha)	Năm trồng	Mật độ (cây/ha)	Loài cây	Số đo	Điện thoại	Gần suối/hồ
		Kinh	Khác/ ghi rõ	Khoảnh	Lô								
0	Nguyễn Văn A		Thái	15	3b	Khe Mù	0,5	2019	3.000	Cao su	X	0368941367	2m
1													

Người lập*(Ký, ghi rõ họ tên)*



Biểu 6: TỔNG HỢP CÁC KHU VỰC HÀNH LANG VEN SUỐI (ẤP/XÃ)

Xã:.....					
Ấp:.....					
Người thực hiện:			Số điện thoại:		Ngày lập:
STT	Họ và tên chủ rừng	Ký hiệu lô rừng	Diện tích lô (ha)	Mô tả hiện trạng (dài, rộng, thực bì, xói mòn, nước chảy hay ao tù/khe cạn)	Kế hoạch quản lý

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)



Biểu 7: KẾ HOẠCH KHAI THÁC RỪNG CỦA NHÓM NĂM 202....

TT	Nhóm xã	Họ tên chủ rừng	Diện tích (ha)	Lô	Năm trồng	Loài cây	Trữ lượng đo đếm (m3)
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							
Tổng							

Người tổng hợp

**Biểu 8A: KẾ HOẠCH GIÁM SÁT CỦA NHÓM HỘ CC CAO SU THUẬN LỢI, NĂM.....**

Nội dung giám sát	Tháng trong năm												Trách nhiệm và tần suất	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ban ĐD Nhóm-đánh giá nội bộ	Ban Đại diện phối hợp chủ rừng
1. Giám sát trồng rừng													1 lần/năm	Bốc mẫu theo mục 4.1. Khi có hoạt động
2. Giám sát chăm sóc													1 lần/năm	Bốc mẫu theo mục 4.1.
3. Giám sát bảo vệ rừng													1 lần/năm	Bốc mẫu theo mục 4.1.
4. Giám sát tăng trưởng rừng													1 lần/5 năm	
5. Giám sát khai thác													1 lần/năm	Bốc mẫu theo mục 4.1. Khi có hoạt động
6. Giám sát bảo dưỡng, làm đường lâm nghiệp													1 lần/năm	Bốc mẫu theo mục 4.1. Khi có hoạt động
7. Giám sát tác động môi trường													1 lần/năm	
8. Giám sát tác động xã hội													1 lần/năm	
9. Giám sát các hoạt động khác phục hồi													1 lần/năm	Theo thời gian khác phục trong phiếu GS

**Biểu 9A: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG TRỒNG RỪNG**

Loại giám sát (thường xuyên/ nội bộ):

Tên chủ hộ:	Ấp/Xã:
Tên lô rừng:	Diện tích:
Người giám sát:	Ngày giám sát:

I	Hiện trường trồng rừng	
- Xử lý thực bì (Đốt/Không đốt)	- Loài (cao su/cây trồng xen)	
- Mật độ (cây/ha)	- Giống cây	
- Đào hố (Đạt/ Không đạt)	- Mua giống ở đâu:	
- Độ dốc (bao nhiêu Độ)	- Bón phân (Loại, lượng)g/hố.	
- Rác bao bì (Có/ Không)	- Tỷ lệ cây sống (%)%	
Nếu có tình trạng có người lấn chiếm đất một cách nghiêm trọng sẽ lập bản báo cáo riêng		
II	Nhân công và cộng đồng (Tác động xã hội)	
- Số người tham gia trồng (Người)	- Được tập huấn (Có/ Không)	
- Trồng xen cây nông nghiệp (Có/ Không)	- Có gia súc vào rừng (Có/ Không)	
- Lao động dưới 16 tuổi (Có/ Không)	- Tai nạn lao động (Có/ Không) (Nếu có tai nạn cần lập riêng biên bản)	
- Bảo hộ lao động phù hợp (Có/ Không)		
III	Môi trường (Tác động môi trường)	
- Tình trạng xói mòn đất (Nhiều/ Ít/Không):	- Tình trạng đất (Khô/ẩm/khác):	
- Khe suối có nước (Nhiều/ Ít/ Không):	- Rác thải trên hiện trường (Nhiều/ Ít/Không):	
- Chất lượng nước (Trong/ Đục):	- Thực bì, rác đổ vào suối (Có/ Không):	

Đề xuất của người giám sát:

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục
Người giám sát ký:	Chủ rừng ký:	Ngày:

Phần phê duyệt của BAN ĐẠI DIỆN CC

Chủ rừng đã hoàn thiện việc khắc phục các hoạt động không tuân thủ đúng thời hạn đã quy định

Người duyệt:	Chữ ký:	Ngày duyệt:
--------------	---------	-------------

**Biểu 9B: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, KHAI THÁC MŨ**

Loại giám sát (thường xuyên/ nội bộ):

Tên chủ hộ:	Ấp/Xã:
Tên lô rừng:	Diện tích:
Người giám sát:	Ngày giám sát:

TT	Nội dung giám sát	Kết quả (tốt/chưa tốt... ghi rõ)
I	Tình trạng hiện trường trông rừng	
1	Có đốt thực bì không?	
2	Lần chăm sóc (lần ... vào/.....)	
3	Phát chăm sóc	
4	Xới vun gốc	
5	Phân bón, thuốc BVTV, thuốc kích thích (Loại, số lượng)	
6	Số cây chết (cây/ha)/ mật độ ban đầu	
7	Công cụ, dụng cụ chăm sóc	
8	Có sự phát tán/xâm lấn cao su ra khỏi diện tích đăng ký ban đầu không?	
II	Nhân công lao động	
1	Số người chăm sóc	
2	Tập huấn cho lao động	
3	Trang bị/sử dụng bảo hộ lao động	
4	Hộp cứu thương	
5	Chăn thả gia súc vào Lô	
6	Tai nạn lao động	
7	Có sử dụng lao động dưới 16 tuổi không?	
III	Môi trường – xã hội	
1	Rác thải trên hiện trường	
2	Tác động đến đất (xói mòn, sạt lở, dầu mỡ từ các thiết bị)	
3	Tác động đến nguồn nước (đục/bẩn/mùi)	
4	Tác động đến cộng đồng dân cư	

Đề xuất của người giám sát:

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục
Người giám sát ký:	Chủ rừng ký:	Ngày:

Phản phê duyệt của BAN ĐẠI DIỆN CC

Chủ rừng đã hoàn thiện việc khắc phục các hoạt động không tuân thủ đúng thời hạn đã quy định

Người duyệt:	Chữ ký:	Ngày duyệt:
--------------	---------	-------------

**Biểu 9C: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ RỪNG**

Loại giám sát (thường xuyên/nội bộ):

Tên chủ hộ:	Ấp/Xã:
Tên lô rừng:	Diện tích:
Người giám sát:	Ngày giám sát:

TT	Nội dung giám sát	Mô tả (tốt/xấu... ghi cụ thể vị trí)
1	Lấn, chiếm đất đai (diện tích/mức độ)	
2	Cháy rừng (diện tích, mức độ)	
3	Khai thác trái phép (mủ/gỗ, số lượng, diện tích)	
4	Săn bắt động vật trái phép	
5	Sâu, bệnh hại rừng (tỷ lệ cây bị bệnh/mô tả)	
6	Rừng bị gia súc phá hoại (tỷ lệ, mức độ)	
7	Các loại biển nội quy/biển bảo vệ	
8	Dấu hiệu xói mòn đất (nhiều/ít)	
9	Vùng đệm khe suối bị tác động	
10	Có gập gia súc chẵn thả trong lô?	
11	Có người vào rừng lấy lâm sản ngoài gỗ (Có/Không; Số lượng)	
12	Tai nạn lao động (Có/Không; số vụ)	
13	Rác thải trên rừng (Có/Không; Nhiều/Ít)	

Đề xuất của người giám sát

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục
.....		
.....		
.....		
Người giám sát ký:	Chủ rừng ký:	Ngày:
Phản phê duyệt của BAN ĐẠI DIỆN CC		
Chủ rừng đã hoàn thiện việc khắc phục các hoạt động không tuân thủ đúng thời hạn đã quy định		
Người duyệt:	Chữ ký:	Ngày duyệt:

**Biểu 9D: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC RỪNG (GỖ)**

Loại giám sát (thường xuyên/ nội bộ):

Nội dung giám sát		Kết quả/ Tình trạng (tốt/chưa tốt... ghi rõ)
Ngày giám sát:		Loài cây:
Người giám sát:		Dự kiến sản lượng (Tấn):
Tên chủ hộ/Lô khai thác:		Diện tích (ha):
I	Hiện trường khai thác	
1	Phát luống thực bì trước khai thác	
2	Đường vận xuất cắt ngang khe, suối	
3	Xăng dầu bị đổ ra đất	
4	Chặt cây ven bờ suối, ao hồ	
5	Khai thác trắng diện tích lớn (ha)	
6	Gốc chặt, vết cưa đúng kỹ thuật?	
7	Rác thải trên hiện trường (nhiều/ít)	
II	Nhân công lao động	
1	Bảo hộ lao động (có/phù hợp)	
2	Hộp cứu thương/sơ cứu đầy đủ	
3	Điều kiện lán trại nghỉ trưa/đêm?	
4	Trả công/lương phù hợp/kip thời	
5	Tai nạn lao động (có/không/nghiêm trọng – ghi biên bản nếu có)	
6	Có sử dụng lao động dưới 16 tuổi không?	
III	Tác động môi trường	
1	Rác thải trên hiện trường	
2	Hiện trạng vùng đệm ven khe suối	
3	Xăng, dầu đổ ra đất	
4	Xói mòn đất trên lô khai thác	
5	Dòng chảy bị tắc do cành nhánh	
6	Đốt/Đốt có kiểm soát/Không đốt	

Đề xuất của người đánh giá:

Phát hiện lỗi chưa tuân thủ	Đề xuất giải pháp khắc phục	Thời hạn khắc phục
.....		
.....		
Người giám sát ký:	Chủ rừng ký:	
		Ngày:

Phản phê duyệt của BAN ĐẠI DIỆN CC

Chủ rừng đã hoàn thiện việc khắc phục các hoạt động không tuân thủ đúng thời hạn đã quy định

Người duyệt:	Chữ ký:	Ngày duyệt:
--------------	---------	-------------

**Biểu 9E: PHIẾU GIÁM SÁT TĂNG TRƯỞNG TRỮ LƯỢNG RỪNG TRỒNG**

Tên chủ hộ:	Ấp/Xã:/.....
Tên lô rừng:	Diện tích:
Tổ đo đếm:	Ngày giám sát:
Ô Tiêu chuẩn:	Loài cây:

STT	C _{1,3} (cm)	H (m)	V _{cây} (m ³)	STT	C _{1,3} (cm)	H (m)	V _{cây} (m ³)
1				31			
2				32			
3				33			
4				34			
5				35			
6				36			
7				37			
8				38			
9				39			
10				40			
11				41			
12				42			
13				43			
14				44			
15				45			
16				46			
17				47			
18				48			
19				49			
20				50			
21				51			
22				52			
23				53			
24				54			
25				55			
26				56			
27				57			
28				58			
29				59			
30				60			
Tổng thể tích cây đứng của ô tiêu chuẩn (m ³ /ô):							
Tổng thể tích cây đứng quy đổi ra ha (m ³ /ha):							

Ghi chú: - C_{1,3} (cm) là vanh/chu vi của cây ở vị trí cách mặt đất 1,3 m; H_{vn} (m) là chiều cao vút ngọn của cây; D_{1,3} là đường kính thân cây ở vị trí cách mặt đất 1,3 m; f là hình số cây rừng, được lấy trị số là 0,5. V_{cây} (m³) là thể tích của cây, được tính theo công thức:

$$V = \frac{\pi D_{1,3}^2}{4} H_{vn} \cdot f$$

**Biểu 9F: BIỂU GIÁM SÁT THI CÔNG BẢO DƯỠNG, LÀM ĐƯỜNG VẬN XUẤT**

Loại giám sát (thường xuyên/ nội bộ):

Tên chủ hộ:	Ấp/Xã:/.....
Tên lô rừng:	Diện tích:
Người giám sát:	Ngày giám sát:

TT	Nội dung giám sát	Mô tả: tốt/xấu (ghi rõ)
I	Hiện trạng đường vận xuất, vận chuyển	
1	Chiều dài x rộng đường (m)	
2	Thi công đúng kỹ thuật	
3	Biển báo thi công	
4	Cầu cống, Rãnh thoát nước	
II	Nhân công lao động	
1	Số lượng làm đường	
2	Tập huấn cho lao động	
3	Sử dụng bảo hộ lao động	
4	Hộp cứu thương đầy đủ	
5	Tai nạn lao động	
6	Có sử dụng lao động dưới 16 tuổi?	
III	Thiết bị sử dụng tại hiện trường	
1	Mô tả số lượng, tình trạng thiết bị sử dụng như Máy kéo, máy ủi, máy xúc;	
IV	Môi trường	
1	Rác thải trên hiện trường	
2	Hiện trạng vùng đệm ven khe suối	
3	Khu vực chứa dầu mỡ	
4	Xăng, dầu đổ ra đất	
5	Sạt lở đất do thi công	
6	Đất, đá có lấp dòng chảy	

Đề xuất của người giám sát

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục
Người giám sát ký:	Chủ rừng ký:	Ngày:

Phản phê duyệt của BAN ĐẠI DIỆN CC

Chủ rừng đã hoàn thiện việc khắc phục các hoạt động không tuân thủ đúng thời hạn đã quy định

Người duyệt:	Chữ ký:	Ngày duyệt:
--------------	---------	-------------

**Biểu 10: BÁO CÁO GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG****(Đánh giá nội bộ)**

Tên chủ hộ:		Ấp/Xã:			
Tên lô rừng:		Diện tích:			
Người giám sát:		Ngày giám sát:			

Hoạt động	Tác động tiềm ẩn	Mức độ tác động			Đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động
		A	B	C	
Trồng	Tác động đến đất do đốt thực bì				
	Tác động đến môi trường đất do bón phân				
Chăm sóc và khai thác mũ	Tác động đến môi trường đất do đốt thực bì, dầu mỡ các thiết bị và rác thải				
	Tác động đến môi trường nước do sử dụng các loại hoá chất BVTN				
	Tác động đến môi trường nước do nước thải từ việc khai thác mũ				
	Tác động đến chất lượng không khí do mùi hôi từ việc khai thác mũ cao su				
Hoạt động khai thác gỗ	Khu vực loài trù ven khe, suối				
	Ô nhiễm đất do dầu nhớt chảy, rò rỉ ra đường				
	Chất lượng nước				
	Khả năng thoát nước của các dòng chảy				
	Xói mòn đất cho làm đường vận xuất				
Bảo dưỡng, làm mới các tuyến đường	Rửa trôi bề mặt và xói mòn đất				
	Nén đất và bùn nhão				
	Thay đổi khả năng thoát nước				
	Chất lượng nước				
	Môi trường sống của động vật dưới nước				
	Xói mòn đất				



Hoạt động	Tác động tiềm ẩn	Mức độ tác động			Đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động
		A	B	C	
	Bụi, ồn				
Vận xuất, vận chuyển	Gây nén đất, xói mòn đất trên các tuyến đường				
	Tạo ra bồi lắng ở các lòng suối				
	Tình trạng đường				
	Tình trạng cầu, cống				
	Ảnh hưởng đến cộng đồng (bụi, tiếng ồn)				
	Ảnh hưởng đến môi trường sống của động vật hoang dã				

Ghi chú:

Mức độ tác động: quan sát và đưa ra mức độ ảnh hưởng theo (A – B – C), trong đó:

- A: Rất ảnh hưởng
- B: Ảnh hưởng
- C: Ít ảnh hưởng

Đề xuất của người giám sát:

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Người thông qua

Người lập báo cáo



Biểu 11: BÁO CÁO GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG XÃ HỘI NĂM

1. Mô tả ngắn gọn tình hình kinh doanh của Nhóm CC trong năm (Các hoạt động lâm nghiệp gì, bao lâu, thời gian, ...)

2. Các tác động tích cực là gì – cần mô tả ngắn gọn các nội dung sau:

- Thông qua các hoạt động trong năm, Nhóm hộ đã tạo ra bao nhiêu việc làm, trong đó có bao nhiêu người dân địa phương

- Thu nhập của Thành viên Nhóm hộ tăng/giảm?

- Tỷ lệ tăng/giảm mức ngày công so với năm trước%/năm.

- Mức ngày công so với thu nhập trung bình của người dân địa phương?.....

- Các hoạt động tập huấn/đào tạo mà các hộ thành viên đã tham gia?.....

- Các chương trình xã hội mà Ban Đại diện đã cung cấp cho người dân địa phương trong năm.

.....

- Việc xây dựng, sửa chữa đường tạo ra sự dễ dàng về giao thông, đi lại của người dân.

.....

- Trong năm đơn vị có đóng góp các khoản kinh phí để xây dựng trường học, quỹ khuyến học, ủng hộ các quỹ theo quy định hay không? Số tiền ủng hộ là bao nhiêu?.....

3. Các tác động tiêu cực đến các hộ thành viên, cộng đồng từ các hoạt động lâm nghiệp gây ra là gì?

.....

.....

.....

4. Các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực (nếu có) trong năm tới

.....

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Người thông qua

Người lập báo cáo

**Biểu 12: BIỂU GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG KHẮC PHỤC THEO QUÝ**

Ngày kiểm tra:

TT	Các hoạt động khắc phục cần thực hiện	Địa điểm (Lô/K/TK/Ấp)	Kết quả khắc phục		Nguyên nhân chưa khắc phục
			Đã khắc phục	Chưa khắc phục	

Đánh giá chung:

.....

.....

Đề xuất:

.....

.....

Người thông qua

Người giám sát

**Biểu 13. ĐƠN ĐĂNG KÝ KHAI THÁC RỪNG TRỒNG CÓ CHỨNG CHỈ FSC**

Nhóm CC Cao su Thuận Lợi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày....tháng.....năm 202....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHAI THÁC RỪNG TRỒNG CÓ CHỨNG CHỈ FSC

Kính gửi: Ban Đại diện Nhóm CC Cao su Thuận Lợi

Tôi tên là:..... Số CMND:.....

Là thành viên của Nhóm CC ấp/xã.....

Địa chỉ:.....

Tôi làm đơn này để đăng ký khai thác gỗ các lô rừng của gia đình tôi, thuộc phạm vi được cấp chứng chỉ Quản lý rừng bền vững FSC® của Nhóm. Thông tin cụ thể như sau:

Tên lô rừng khai thác	Diện tích lô rừng (ha)	Diện tích vùng đệm (ha)	Năm trồng	Thời gian đăng ký khai thác	Thời gian dự kiến trồng lại
...					
Tổng					

Kính đề nghị Ban Đại diện Nhóm CC Cao su Thuận Lợi cấp Mã số đăng ký khai thác và hoàn thiện các thủ tục tiếp theo để việc khai thác rừng diễn ra đúng tiến độ.

Xin trân trọng cảm ơn!

Chủ rừng
(ký, ghi rõ họ tên)

Phần dành cho Ban Đại diện Nhóm CC phê duyệt

Ban Đại diện Nhóm CC..... đồng ý với kế hoạch khai thác đã đăng ký của gia đình ông/bà..... các lô rừng theo đơn đề nghị trên.

Mã số đăng ký khai thác: Mã số gồm: Ký hiệu lô rừng/FSC- tháng khai thác(02 chữ số)năm khai thác(04 chữ số)	Ký hiệu lô rừng/FSC-mmyyyy (ví dụ: ông Trịnh Duy Thường, Ấp Thuận Bình, xã Thuận Lợi đăng ký khai thác lô cao su có ký hiệu lô 1 vào tháng 05/2025, mã số đăng ký khai thác được cấp sẽ là: TL1/FSC-052025)
--	---

Người phê duyệt:	Tên:.....	Chữ ký:
	Chức vụ:	
	Ngày duyệt:.....	

**Biểu 14: PHIẾU ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT NỘI BỘ TỔ CHỨC NHÓM**

Tên tổ chức nhóm:

Địa chỉ:

Người đánh giá:

Ngày đánh giá:

STT	Nội dung	Kết quả		Đề xuất bổ sung, cải tiến
		Có	Không	
I	Đánh giá tính phù hợp của cơ cấu tổ chức nhóm			
1	Chủ thể nhóm có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật không?			
2	Các phân cấp quản lý từ cấp Huyện-cấp Xã-Thành Viên như hiện nay có phù hợp cho công tác quản lý không?			
3	Chức năng, quyền hạn của từng cấp quản lý đã phù hợp chưa?			
4	Trưởng ban quản lý ở các cấp đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong ban quản lý chưa?			
5	Việc phân công nhiệm vụ của trưởng Ban quản lý cho các thành viên trong Ban có phù hợp với năng lực và kinh nghiệm của từng thành viên chưa?			
6	Có những bất cập gì trong cách phân cấp quản lý cần thay đổi không?			
7	Số lượng thành viên trong ban quản lý như hiện nay đã phù hợp chưa?			
8	Chi phí và thù lao cho đội ngũ quản lý đã phù hợp chưa?			
9	Có sự không tuân thủ trong công tác chỉ đạo điều hành của Nhóm không?			
10	Quy mô diện tích rừng và thành viên của Nhóm đã phù hợp chưa?			
11	Nếu số lượng thành viên và quy mô diện tích rừng tăng lên thì bộ máy quản lý của Nhóm có còn phù hợp không?			

**Biểu 15: PHIẾU ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT NỘI BỘ TỔ CHỨC NHÓM**

Tên tổ chức nhóm:

TT	Nội dung	Kết quả		Đề xuất bổ sung, cải tiến
		Có	Không	
II	Đánh giá hiệu quả quản lý của tổ chức Nhóm			
1	Công tác chỉ đạo điều hành đã có sự thống nhất giữa các cấp quản lý chưa?			
2	Sự kết nối giữa các thành viên với Xã, giữa Xã với Huyện đã tốt chưa?			
3	Ban Đại diện CC có xây dựng kế hoạch đánh giá hằng năm bao gồm các hoạt động đánh giá, danh sách thành viên sẽ đánh giá,... không?			
4	Kế hoạch đánh giá đã căn cứ vào kết quả đánh giá giám sát và đánh giá cấp chứng chỉ trước đây chưa?			
5	Các thành viên có thực hiện việc tự đánh giá giám sát lô rừng của mình không?			
6	Các thành viên có nộp đầy đủ phiếu Tự đánh giá giám sát lô rừng hằng năm cho Ban Đại diện không?			
7	Các thành viên có thông báo kịp thời sự thay đổi tình trạng của lô rừng cho BLQ không?			
8	Nếu các thành viên không có ý thức tự đánh giá giám sát các hoạt động SXKD của mình, Ban Đại diện CC có liên lạc nhắc nhở thành viên không?			
9	Ban Đại diện CC có thực hiện việc đánh giá giám sát các thành viên theo đúng quy định chưa?			
10	Ban Đại diện CC đã chỉ đạo và giám sát việc khắc phục các lỗi không tuân thủ của chủ rừng theo đúng tiến độ chưa?			
11	Ban Đại diện CC có báo cáo kết quả giám sát cho các bên liên quan tại địa phương để nắm bắt thông tin không?			
12	Ban Đại diện CC có nhận ra những nội dung về QLRBV cần phải được tập huấn cho cán bộ quản lý và các thành viên nhóm không?			
13	Việc đề xuất nội dung tập huấn đã phù hợp với đối tượng chưa?			
14	Ban Đại diện CC có cập nhật danh sách khai thác và trồng lại hàng năm không			
15	Ban Đại diện CC có thực hiện đánh giá giám sát nội bộ và phúc kiểm hằng năm không?			
16	Ban Đại diện CC có xây dựng kế hoạch SXKD hằng năm cho Nhóm không?			



17	Việc xây dựng kế hoạch SXKD của Nhóm đã dựa trên kết quả đánh giá giám sát của các năm trước chưa?			
18	Việc cập nhật sự thay đổi về thành viên nhóm, diện tích xin cấp chứng chỉ có được cập nhật hằng năm không?			
19	Ban Đại diện CC có cập nhật tình trạng thay đổi trong quy mô nhóm cho tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ không?			
20	Việc khắc phục lỗi chưa tuân thủ có được thực hiện nghiêm túc và đúng thời hạn không?			
21	Nguyên nhân và bản chất của những lỗi chưa tuân thủ có được Ban Đại diện nhóm thảo luận và phân tích không?			

**Biểu 16: PHIẾU ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT NỘI BỘ TỔ CHỨC NHÓM**

Tên tổ chức nhóm:

STT	Nội dung	Kết quả		Đề xuất cải tiến
		Có	Không	
III	Đánh giá tính phù hợp của các quy trình quản lý và kỹ thuật QLRBV của Nhóm			
1	Sổ tay QLRBV có phù hợp không?			
2	Quy trình quản lý thành viên nhóm đã đầy đủ chưa?			
3	Quy trình quản lý thành viên nhóm có dễ áp dụng không?			
4	Các mẫu phiếu phục vụ quản lý thành viên nhóm có phù hợp và dễ áp dụng không?			
5	Có quy trình giải quyết khiếu nại chưa?			
6	Các mẫu phiếu phục vụ việc khiếu nại có phù hợp và dễ áp dụng không?			
7	Có quy trình đánh giá giám sát đã đầy đủ chưa?			
8	Các quy trình đánh giá giám sát có dễ áp dụng không?			
9	Cách chọn mẫu giám sát có phù hợp không?			
10	Các mẫu phiếu đánh giá giám sát có phù hợp và dễ sử dụng không?			
11	Đã có quy trình quản lý hồ sơ tài liệu của Nhóm chưa?			
12	Quy trình quản lý hồ sơ có phù hợp không?			
13	Có quy trình tham vấn các bên liên quan chưa?			
14	Quy trình tham vấn có dễ áp dụng không?			
15	Các quy trình kỹ thuật QLRBV có đầy đủ không?			
16	Các quy trình kỹ thuật QLRBV đã phù hợp chưa?			
17	Phương án QLRBV của Nhóm đã phù hợp chưa?			
18	Kế hoạch sản xuất kinh doanh rừng có phù hợp với thực tế chưa?			



BIỂU 17: THỐNG KÊ SỬ DỤNG PHÂN BÓN/ THUỐC BVTV

Năm:

TT	Phân nhóm	Phân bón		Thuốc BVTV	
		Chủng loại	Khối lượng (kg)	Chủng loại	Khối lượng (kg)
Tổng					

Ngày lập:...../...../.....

Người lập:



PHỤ LỤC C: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỪNG

TT	QUY TRÌNH
1	QT1. QUY TRÌNH XỬ LÝ THỰC BÌ VÀ TRỒNG RỪNG
2	QT2. QUY TRÌNH CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRỒNG
3	QT3. QUY TRÌNH TRỒNG XEN CÂY NÔNG NGHIỆP
4	QT4. QUY TRÌNH BÓN PHÂN CHO CÂY CAO SU
5	QT5. QUY TRÌNH THU HOẠCH MỦ VÀ CHĂM SÓC VƯỜN CÂY KINH DOANH
6	QT6. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA TĂNG TRƯỞNG RỪNG
7	QT7. QUY TRÌNH KHAI THÁC GỖ CAO SU
8	QT 8. QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI
9	QT 9. QUY TRÌNH QUẢN LÝ SÂU BỆNH, DỊCH HẠI TỔNG HỢP (IPM)
10	QT10. QUY TRÌNH PHÒNG CHỐNG CHÁY RỪNG
11	QT 11. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI
12	QT 12. QUY TRÌNH VỀ SỬ DỤNG BẢO HỘ LAO ĐỘNG
13	QT 13. SƠ CẤP CỨU KHI XẢY RA TAI NẠN LAO ĐỘNG
14	QT 14. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG THUỐC BVTV
15	QT 15. QUY TRÌNH QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG VEN SUỐI
16	QT16. QUY TRÌNH SỬ DỤNG NHÃN MÁC FSC

**QT1. QUY TRÌNH XỬ LÝ THỰC BÌ VÀ TRỒNG RỪNG**

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
1. Xử lý thực bì và làm đất	
Xử lý thực bì (Không đốt)	- Có thể sử dụng máy (nếu độ dốc $< 15^\circ$), hoặc thủ công; - Phát thực bì toàn diện, hoặc theo băng (nếu độ dốc $> 20^\circ$) - Chừa lại hành lang ven suối (nếu có) tối thiểu 5 m tính từ mép nước - Bảo vệ các loài cây tái sinh tự nhiên nhằm đảm bảo ĐDSH - Nếu trồng lại sau khai thác: băm nhỏ cành nhánh và rải đều trên rừng
Xử lý thực bì (Đốt có kiểm soát)	- Hạn chế đốt thực bì và cành nhánh sau khai thác - Nếu phải đốt thực bì, thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro ở các khu vực nhạy cảm: + Khoanh vùng khu vực cần đốt: thực bì được gom thành đống trước khi đốt, và tránh các khu vực rủi ro cao như những nơi kiểm soát lửa khó khăn, các thảm thực vật dễ cháy lan, rừng vùng đệm, xung quanh hồ nước, nhà ở hoặc rừng tự nhiên; + Kiểm tra cấp dự báo cháy rừng của kiểm lâm; - Thời điểm đốt: Đốt lúc gió nhẹ, vào buổi sáng hoặc buổi chiều tối (Mùa hè đốt vào thời điểm từ 5 - 8 giờ và từ 16 - 18 giờ trong ngày; mùa đông đốt từ 6 - 9 giờ và từ 15 - 17 giờ trong ngày). - Kỹ thuật đốt: + Đốt thực bì để trồng rừng: đốt lần lượt từng đám thực bì, thứ tự từ trên đỉnh đồi xuống chân đồi; nơi đất bằng thì đốt lần lượt từ đám vật liệu cuối chiều gió cho đến dải vật liệu cuối cùng. + Đốt thực bì làm đường băng cản lửa: đốt lần lượt từng dải nhỏ, không chế không cho ngọn lửa quá cao hoặc cháy lớn lan sang thực bì hai bên đường băng.
Mật độ trồng	- Mật độ 500 - 600 cây/ha, Trung bình 550 cây/ha. - Kích thước cây cách cây 3 m, hàng cách hàng 6 m.
Cuốc hố	- Đào hố thủ công hoặc cơ giới: Kích thước hố: 60 x 60 x 60 cm. - Nội địa hình dốc phải làm đường đồng mức thì tâm hố phải cách tả luy âm tối thiểu 1 m. - Trộn phân, lấp hố thực hiện trước khi trồng tối thiểu 15 ngày, lớp đất mặt lấp cao $\frac{1}{2}$ hố, sau đó trộn đều phân với lớp đất mặt xung quanh để đầy hố.
Bón lót phân bón	- Bón lót: Mỗi hố bón 300 gram phân lân nung chảy, 5-10 kg phân hữu cơ hoai mục hoặc phân hữu cơ vi sinh.
2. Kỹ thuật trồng rừng	
Thời vụ trồng	- Kết thúc thời vụ trồng trước 31/7
Cây giống	- Cây con có bầu, kích thước bầu 14 x 33 cm, 16 x 33 cm hoặc 18 x 35 cm. - Cây giống có bầu 2-3 tầng lá.



	- Lựa chọn các dòng cao su phù hợp với khu vực Đồng Nai, các dòng được khuyến cáo trồng cho vùng gồm: RRIV 1, RRIV 106, RRIV 114, RRIV 206 (tham khảo Tập đoàn cao su Việt Nam).
Phương pháp trồng	- Trước khi trồng cần dọn sạch cỏ, rễ cây...xung quanh hố, sau đó dùng cuốc móc đất ngay điểm trồng với chiều rộng lớn hơn bầu và chiều cao bằng bầu cây. - Dùng dao sắc cắt đáy bầu và phần rễ cọc nhú ra khỏi bầu, trường hợp rễ cọc bị xoắn ở trong bầu thì phải cắt hết phần rễ xoắn. - Đặt bầu vào hố cho thẳng đứng, mắt ghép quay về phía hướng gió chính, mí dưới mắt ghép ngang với mặt đất. - Rạch túi bầu PE theo đường thẳng đứng rồi kéo nhẹ túi bầu lên, kéo túi bầu đến đầu thì lấp đất để nén chặt bầu tới đó. Chú ý không làm vỡ bầu. - Thu gom và xử lý túi bầu theo quy định về quản lý rác thải.
Trồng dặm	Trồng dặm vườn cây định hình vườn cây năm thứ nhất, chậm nhất là năm thứ 2. Trồng dặm bằng cây con đúng giống và có mức phát triển bằng với cây trên vườn (năm thứ nhất trồng dặm sau 20 ngày, cây bầu 2-3 tầng lá; năm thứ 2 cây 3 tầng lá trở lên).

QT2. QUY TRÌNH CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRỒNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
1. Chăm sóc rừng	
Làm cỏ trên hàng và giữ hàng cao su	*Làm cỏ trên hàng cao su Làm sạch cỏ quanh gốc cao su (đặc biệt là trước bốn phân năm thứ 1, 2) không để cỏ dại mọc phủ lên cây cao su. Hạn chế tối đa xói mòn, rửa trôi đối với đất dốc. Năm 1: Làm cỏ sạch quanh gốc cao su bán kính 0,8 m và cắt cỏ trên hàng. Năm 2, 3: Làm cỏ sạch quanh gốc cao su bán kính 1,0 m và cắt cỏ trên hàng. Năm 4 đến hết thời kỳ kiến thiết cơ bản (KTCB): Làm cỏ sạch quanh gốc cao su bán kính 1,5 m. Số lần làm cỏ trên hàng cao su: Năm 1: 2 lần, năm 2: 3 lần, năm 4+5: 2 lần, năm thứ 6 trở đi: 1 lần. *Quản lý cỏ giữa hàng cao su - Duy trì có kiểm soát thảm thực vật tự nhiên cao 15-20 cm giữa hàng (ngoại trừ cỏ tranh, le, lau lách và tre nứa). - Nếu không trồng xen cây nông nghiệp, số lần làm cỏ giữa các hàng: Năm 1: 1 lần, năm 2: 3 lần, năm 4+5: 2 lần, năm thứ 6 trở đi: 1 lần. - Nếu trồng xen cây nông nghiệp, các năm trồng xen không làm cỏ giữa hàng, các năm không trồng xen thì làm cỏ như trên. * Các quy định về cày xới - Để giảm xói mòn, rửa trôi, bốc thoát hơi, chống thoái hóa đất trong quá trình chăm sóc, cần hạn chế việc cày xới trên vườn cao su KTCB, đặc biệt là các vùng đất khô hạn, đất cát, đất laterit, đất dốc. - Trong trường hợp áp dụng cày, chỉ cày trên đất bằng trong 3 năm đầu, cày úp đất vào hàng cao su, đường cày cách gốc tối thiểu 1 m ở năm 1-2 và 1,5 m ở năm thứ 3. Không cày trên đất có độ dốc > 10 độ, không cày sâu làm đứt rễ cây cao su. - Trong trường hợp cày ở tuổi trên 3 năm để chống cháy, cần giám sát kỹ để giám sát động thiệt hại đến rễ cây cao su. * Tủ gốc, quét vô chống nắng - Cơ giới (khuyến khích): cày úp vào hàng cao su với chiều rộng đường bằng tủ tối thiểu 2m, năm 1 cày cách gốc 1 m, năm thứ cày cách gốc 1,5 m. - Thủ công: Nếu không áp dụng cơ giới, tủ gốc bằng cỏ, thảm phủ họ đậu hoặc tàn dư thực vật từ cây trồng xen vào cuối mùa mưa. Trước khi tủ phải xới văng quanh gốc, tủ theo hình vành khăn cách gốc 10 cm, sau đó phủ lên 1 lớp đất dày khoảng 5 cm. Đối với vùng



	đất trũng thấp, khi tủ gốc cần vun đất cao 15-20 cm, bán kính 1 m quanh gốc cao su. - Nếu thời tiết nắng nóng kéo dài gây nắng cháy cây cao su, trong 2 năm đầu khuyến khích quét vôi (nồng độ 5%) đoạn thân hóa nâu, chiều cao 1 m tính từ mặt đất. * Thiết lập thảm phủ họ đậu - Khuyến khích thiết lập thảm phủ họ đậu ngay từ năm thứ nhất trên những diện tích không trồng xen hoặc đã ngưng trồng xen cây nông nghiệp. - Các loài cây họ đậu như Kudzu (<i>Pueraria phaseoloides</i>), sắn dây dại (<i>Pueraria triloba</i>) trồng 1 x 1 m giữa hàng, <i>Mucuna</i> (<i>Mucuna brateata</i>, <i>Mucuna cochinchinensis</i>) trồng 1 hàng cây cách cây 5-6 m giữa hàng cao su. - Làm cỏ, bón phân năm đầu cho thảm phủ để sớm phát triển kín mặt đất.
Bón thúc (nếu có điều kiện)	- Bón thúc 100g NPK (5:10:3)/cây ở lần chăm sóc đầu mùa mưa của năm thứ 2(tỷ lệ NPK có thể điều chỉnh theo kinh nghiệm thực tế của người dân địa phương) - Cuốc 4 hố nhỏ với kích thước 20×10 cm, sâu 10 cm quanh gốc, cách gốc cây khoảng 0,8-1,0 m, bón phân xuống rồi lấp đất kín phân.
Tỉa chồi, tạo tán cao su	Sau khi trồng phải tỉa chồi thực sinh và chồi ngang kịp thời. Không thực hiện trong mùa khô. Chỉ cắt ngọn, tạo tán cho những cây chưa phân cành có độ cao > 3m. - Năm thứ nhất chỉ tỉa chồi ngang khi tầng lá trên cùng ổn định. - Năm thứ 2 trở đi phải tỉa chồi có kiểm soát, ở 2 tầng lá trên cùng của cây (tính từ dưới lên gọi là tầng A, B) luôn để 2-3 chồi/tầng cùng phát triển. Tỉa hết chồi ở tầng A khi tầng C lá ổn định (nhưng vẫn giữ 2-3 chồi ở tầng B) và 2-3 chồi mới ở tầng C. Tương tự như vậy với tầng D, E...Duy trì như vậy cho đến khi định hình tán cây. - Tạo tán cây: Chỉ thực hiện khi cây 2-3 tuổi, cây cao >3 m và chưa phân cành. Cắt ngọn tạo tán như sau: + Cắt ngọn ở độ cao khoảng 3 m, vị trí cắt ngọn ở tầng lá trên cùng và để lại 2-3 lá ở đỉnh đã cắt, chỉ cắt ngọn khi tầng lá trên ổn định, không cắt ngọn khi cây > 3 tuổi. + Số chồi để lại trên ngọn để tạo tán mới từ 2-3 chồi, khoảng cách giữa các chồi tối thiểu từ 15 cm và phân bố đều các phái để tán cây cân đối, hạn chế gãy cành, gãy tán do gió.
	Để tránh lãng phí khi tiếp tục đầu tư cho các diện tích cao su không hiệu quả, việc kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng vườn cây phải được thực hiện hàng năm đặc biệt là các diện tích có điều kiện khí hậu, đất đai xấu, hoặc giống mang trồng kém. - Vườn cây kém hiệu quả là vườn cây không đạt tiêu chuẩn về mật độ cây hữu hiệu, vanh thân hụt, tỷ lệ đạt vanh thấp hoặc sinh trưởng



Đánh dấu, phân loại và chuyển đổi mục đích/trồng lại vườn cây KTCB kém hiệu quả	kém do giống trồng không thích hợp dẫn đến phải kéo dài thời gian KTCB so với quy định (6 năm) + Vườn cây kéo dài: cây hữu hiệu > 350 cây/ha và mức độ sinh trưởng hệt 1-2 năm. + Vườn cây không kéo dài thời gian KTCB nhưng mật độ cây hữu hiệu chỉ đạt 250-350 cây. - Vườn cây không hiệu quả: + Vườn năm thứ 3 có cây hữu hiệu < 350 cây/ha + Vườn năm thứ 4-5 có cây hữu hiệu < 250 cây/ha + Vườn cây không đạt tiêu chuẩn vanh thân năm thứ 4 với tỷ lệ đạt vanh <50%. + Vườn cây có mức tăng vanh trong 3 năm liên tiếp < 3,5 cm/năm. + Hoặc kết hợp mật độ cây hữu hiệu thấp và không đạt vanh. - Chuyển mục đích sử dụng ở vườn cây không hiệu quả: áp dụng cho vườn cây không hiệu quả hoặc bị thiên tai, bệnh hại làm giảm năng suất, sản lượng dẫn đến kinh doanh không hiệu quả. Chuyển sang hướng sản xuất khác như trồng dặm cây gỗ/đặc sản, cây công nghiệp khác hoặc trồng lại cao su.
2. Bảo vệ rừng	
Bảo vệ rừng	- Thường xuyên tuần tra bảo vệ rừng - Phối hợp với các bên liên quan để phòng chống cháy rừng, bảo vệ tài sản, phòng ngừa khai thác trộm,... - Cấm chăn thả gia súc trong rừng trồng - Phát hiện sớm sâu bệnh hại rừng để có biện pháp phòng chống kịp thời - Tuyên truyền vận động người dân hạn chế sử dụng lửa trong và xung quanh rừng đặc biệt vào mùa khô

QT3. QUY TRÌNH TRỒNG XEN CÂY NÔNG NGHIỆP

Phân loại	Yêu cầu kỹ thuật
Trồng xen cây ngắn ngày	Cây ngắn ngày được khuyến khích trồng xen trong giai đoạn kiến thiết cơ bản. Cây trồng xen là các loài cây hàng năm thì trồng cách hàng cao su $\geq 1,2$ m từ năm 1-2. Năm thứ 3 trồng cách cao su $\geq 1,5$ m. Đối với các cây trồng làm luống thì quy định như trên tính từ chân luống. Không trồng trên vườn cao su đã khép tán. Có phương án xử lý kịp thời khi cây trồng xen có hiện tượng tranh chấp phân, nước... với cây cao su. Sau khi kết thúc trồng cây phủ họ đậu sau khi kết thúc trồng cây ngắn ngày, đặc biệt là ở những nơi đất xấu, thời tiết khắc nghiệt.
Trồng xen cây dài ngày	- Chủ hộ có thể cân nhắc trồng xen cây dài ngày trong lô cao su, cây trồng xen có thể ngắn, bằng hoặc dài hơn chu kỳ cao su. Ưu tiên các loài cây có nguồn gốc họ đậu. - Nếu trồng xen cây tán thấp, không cạnh tranh về ánh sáng với cây cao su thì khoảng cách tối thiểu từ hàng cao su là $\geq 3,0$ m. Nếu trồng xen cây có tán cao, cạnh tranh ánh sáng với cây cao su thì khoảng cách tối thiểu từ hàng cao su là $\geq 6,0$ m. - Trong quá trình chăm sóc cây trồng xen cần lưu ý không để cây trồng xen gây ảnh hưởng đến cây cao su, có phương án giảm thiểu cạnh tranh như: đào rãnh ngăn rễ, tỉa tán - Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường (xăng dầu, sử dụng phân bón, thuốc BVTV, chất thải....) và các vấn đề xã hội tương tự như với sản xuất lâm nghiệp; - Chịu sự kiểm tra, giám sát của quản lý Nhóm và các cấp tương tự như với sản xuất cây cao su (theo Biểu mẫu giám sát BM.GS 08- Quy trình giám sát, đánh giá).

**QT4. QUY TRÌNH BÓN PHÂN CHO CÂY CAO SU****1. Các quy định chung:**

- Bón phân cho cây cao su phải đảm bảo chất lượng, chủng loại phân, chống thất thoát phân và giảm hiệu quả của việc bón phân, không sử dụng phân bón có nguồn gốc từ than bùn.

- Bón phân cân cân đối và điều tiết phân bón cho phù hợp với hiện trạng vườn cây. Điều tiết theo hiện trạng đất, tình trạng sinh trưởng vườn cây, giảm lượng phân bón ở vườn cây sinh trưởng tốt, tăng cường ở vườn cây sinh trưởng yếu.

- Chỉ bón phân khi kiểm soát được lượng cỏ dại.

- Khuyến khích việc sử dụng phân hữu cơ thay thế cho phân hóa học để giảm thoái hóa đất, duy trì sức khỏe vườn cây.

2. Chất lượng phân bón

- Chỉ sử dụng phân bón có các chỉ tiêu chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, đã được công bố hợp chuẩn, hợp quy.

- Chất lượng phân vô cơ: Mức sai số định lượng của từng yếu tố dinh dưỡng chính không được phép thấp hơn mức cho phép.

- Chất lượng phân hữu cơ: Độ ẩm không được vượt quá 30%, hàm lượng hữu cơ không được thấp hơn 20%, tỷ lệ C/N không được thấp hơn 12, hàm lượng các chất độc hại (asen, chì, thủy ngân, cadimi,...) và mật độ vi sinh vật gây hại (vi khuẩn Salmonella, E. coli) thấp hơn mức cho phép.

- Mua bán phân bón cần thể hiện các chỉ tiêu về chủng loại, hàm lượng dinh dưỡng và các chỉ tiêu chất lượng chính và phải lưu giữ lại hóa đơn, phiếu mua hàng để phục vụ việc giám sát.

3. Bón phân vườn cây KTCB**a. Lượng phân bón:**

Yêu tiên bón phân theo phương pháp chuẩn đoán dinh dưỡng, nếu chưa có thì chủng loại, khối lượng bón phân vô cơ tham khảo bảng sau:

Năm trồng	Nguyên chất (kg/ha)			NPK hỗn hợp (kg/ha)	Phân đơn (kg/ha)		
	N	P ₂ O ₅	K ₂ O	NPK 16-16-8	Ure	Lân	KCl*
Năm 1	20-25	20-25	10-12	120-150	45-55	125-155	16-20
Từ năm 2 trở đi	40-50	40-50	20-25	250-300	85-110	250-310	30-40

Lưu ý: Khi $PH_{H2O} \geq 6$, thay lân nung chảy bằng super lân.

b. Phương pháp bón:

- Đối với đất bằng: Từ năm 1-2, cuốc rãnh hình vành khăn hoặc cuốc lỗ xung quanh gốc, cách gốc cao su 30-80 cm tùy theo năm tuổi theo hình chiếu tán. Năm thứ 3 trở đi, khuyến khích bón phân bằng máy, rãnh bón và lấp phân.



- Đối với đất dốc > 10 độ và trồng trên đường đồng mức: Năm 1-3 cuốc rãnh hình vành khăn hoặc cuốc lỗ xung quanh gốc, cách gốc cao su 30-70 cm (tùy theo năm tuổi) theo hình chiếu tán. Năm thứ 4 trở đi, bón phân vào rãnh bón phân giữa 2 cây cao su, cách mép taluy âm 50 cm, kích thước trench bón dài 80 cm, rộng 20 cm. Nếu có hố đa năng thì bón vào hố đa năng. Trước khi bón cần cáo bớt đất lá ra khỏi hố, bón đều phân trong hố, bón xong lấp kín hố bằng xác bã thực vật tại chỗ.

- Số lần bón: năm 2-3, bón 1-2 lần/năm tùy thuộc điều kiện thực tế của vườn. Nếu bón 2 lần thì chia đều lượng phân bón/lần. Từ năm 4 trở đi, bón 1 lần/năm. Bón phân khi đất đủ ẩm, không bón khi có mưa dầm, mưa lớn.

c. Thiết kế hố đa năng trên vườn KTCB.

- Ở những lô phân bón rửa trôi lớn, khuyến cáo nên bón phân theo hố đa năng. Khi thiết kế hố đa năng phải đảm bảo hiệu quả sử dụng và không gây cản trở cơ giới hóa trên lô.

- Kích thước hố đa năng dài 60-80 cm, rộng 40-60 cm, sâu 30-40 cm.

- Vị trí hố: nằm trong vùng giáp ranh rễ tơ phát triển mạnh của cây cao su để bón thúc phân vô cơ.

+ Trên đất bằng, trên vườn cao su từ năm 2 đến khi khép tán, bố 2 bên hàng cao su so le nhau theo hình nanh sấu, cách 2 cây cao su đào 1 hố, hố cách hàng cao su 1,5m. Trên vườn cao su từ khi khép tán đến đưa vào cạo mủ, bố trí kiểu nanh sấu giữa 2 hàng cao su, giữa 4 cây cao su đào 1 hố, hố nằm cách đều 2 hàng cao su 2 bên.

+ Trên đất dốc bố trí hố trên băng đường đồng mức giữa hàng trồng cao su, giữa 2 cây cao su, sát taluy dương, cách 2 cây đào 1 hố.

- Thời vụ đào: Đào vào đầu hoặc cuối mùa mưa, đất phải đủ ẩm trong vòng 1 tháng. Đất đào lên rải đều quanh miếng hố, không gây cản trở cho việc di chuyển, cơ giới vườn.

d. Bón phân qua lá cho cao su mới trồng

- Chỉ áp dụng cho năm đầu, không áp dụng cho các năm sau.

- Phun tối đa 3 lần/năm đầu.

- Thời điểm phun: lần đầu phun khi có tầng lá ổn định, các lần sau phun cách nhau 30 ngày. Chỉ phun vào các ngày không mưa, có nhiệt độ không khí > 15 độ, phun vào buổi sáng (7-10h).

- Có thể kết hợp phun cùng với thuốc trị bệnh hại.

- Chỉ được sử dụng phân hợp pháp, hợp quy.

e. Bón thúc phân hữu cơ vườn KTCB

Bón phân hữu cơ để nâng cao độ phì đất, tăng hiệu quả bón phân vô cơ khi hàm lượng mùn ở tầng mặt 0-30 cm < 2,5% hoặc hàm lượng các bon < 1,45%.

Lưu ý:

Phân hữu cơ hoàn toàn không thể thay thế phân vô cơ, vì vậy, khi bổ sung phân hữu cơ phải kết hợp phân vô cơ để cung cấp đủ dinh dưỡng cho cây.

Không bón phân hữu cơ khi:

(i) Đất có hàm lượng mùn hoặc các bon cao hơn trên.

(ii) Vườn KTCB đã sử dụng hố ép xanh hoặc trồng lớp phủ họ đậu



(iii) Đất đang bị ngập, úng cục bộ

(iv) Phân hữu cơ chưa hoai mục hoặc chất thải công nghiệp, chế biến chưa qua xử lý và kiểm định.



QT5. QUY TRÌNH THU HOẠCH MỦ VÀ CHĂM SÓC VƯỜN CÂY KINH DOANH

Khi vườn cây chuyển từ giai đoạn KTCB sang vườn cây kinh doanh, việc quản lý vườn cây được tính từ năm cạo mủ, không tính theo năm trồng.

1. Tiêu chuẩn các loại vườn cây cao su cạo mủ

a. Tiêu chuẩn vườn cây mới đưa vào cạo mủ

- Cây đạt tiêu chuẩn cạo mủ khi vanh cây đạt ≥ 50 cm và độ dày vỏ phải đạt 6 mm trở lên khi đo ở độ cao 1m.

- Lô cao su có 50% số cây đạt tiêu chuẩn tiêu chuẩn mở cạo thì được đưa vào cạo mủ.

- Đối với vườn cây có 90% số cây đạt tiêu chuẩn mở cạo trở lên thì đưa toàn bộ nhưng cây có vanh 40 cm trở lên vào cạo mủ.

b. Tiêu chuẩn vườn cây đưa vào cạo úp có kiểm soát

Vườn cây kinh doanh bình thường được đưa vào cạo úp có kiểm soát từ năm cạo thứ 10.

c. Tiêu chuẩn mở cạo vỏ tái sinh

Khi mở cạo lại trên vỏ tái sinh, độ dày vỏ phải đạt 8mm trở lên hoặc thời gian cạo của vỏ tái sinh trên 10 năm.

d. Tiêu chuẩn mở cạo mới cho vườn cây đặc thù

- Áp dụng cho các vườn cây đã giới hạn đầu tư, cụ thể như:

+ Vườn cây KTCB bình thường nhưng đang thanh lý do chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

+ Vườn cây KTCB đã chăm sóc quản canh hoặc vườn sinh trưởng kém, mật độ cây hữu hiệu còn lại thấp (dưới 250 cây/ha) được đánh giá có khả năng khai thác và cho sản lượng mủ.

+ Vườn cây KTCB đã kéo dài hơn 2 năm so với bình thường.

- Các dạng vườn cây đặc thù có thể mở cạo như:

+ Cây cao su đạt tiêu chuẩn vanh thân đo cách mặt đất 1,0 m đạt 45 cm trở lên.

+ Lô KTCB có trên 50% số cây đạt tiêu chuẩn như trên thì tiến hành mở cạo. Dầu năm cạo thứ 3, mở cạo tất cả các cây có vanh trên thân > 40 cm.

e. Quy định về cạo tận thu

- Các vườn cây chuyển sang chế độ cạo tận thu:

+ Trường hợp phải thu hoạch sớm hơn so với thông thường, do nguyên nhân kém hiệu quả, năng suất giảm (dưới 1,2 tấn/ha) trong 2-3 năm liên tiếp.

+ Mật độ cây cạo $< 50\%$ mật độ ban đầu.

+ Vườn cây phải chuyển mục đích sử dụng đất do các nguyên nhân.

2. Chế độ cạo mủ

a. Chiều dài miệng cạo ngựa



Thông thường, chiều dài miệng cạo ngựa bằng $\frac{1}{2}$ vòng thân trên cây.

b. Chiều dài miệng cạo úp

Từ năm cạo 10-13, chiều dài miệng úp = $\frac{1}{4}$ vanh thân.

Từ năm thứ 14 trở đi, chiều dài miệng úp bằng $\frac{1}{2}$ vanh thân.

c. Nhịp độ cạo

- Áp dụng nhịp độ D3 (ba ngày cạo 1 lần), nếu thiếu lao động thì có thể cạo D4 hoặc dài hơn, việc chuyển sang nhịp độ cạo thấp được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau: vườn cây mới mở cạo, vườn cây mới chuyển lên bảng cạo ngựa và vườn cây bắt đầu mở cạo úp.

- Linh hoạt tăng nhịp độ cạo so với nhịp độ cạo chuẩn (D3) tại thời điểm nhất định căn cứ vào đặc thù thời tiết từng khu vực, tuy nhiên vẫn đảm bảo độ hao dăm/năm theo quy định tại nhịp độ chuẩn D3.

3. Thiết kế, mở miệng cạo

a. Thiết kế miệng cạo

- Chiều cao miệng cạo

Cây mới mở cạo có miệng tiền cách mặt đất 1,2 - 1,3 m, tùy điều kiện từng đơn vị nhưng phải thống nhất một độ cao mở cạo BO-1 trên toàn diện tích;

- Miệng ngựa cạo liên tục ít nhất 6 năm ở bảng cạo vỏ nguyên sinh BO-1, sau đó chuyển miệng cạo sang bảng cạo vỏ nguyên sinh BO-2 có miệng tiền bằng với độ cao miệng tiền của bảng cạo BO-1 (1,2 - 1,3 m cách mặt đất),

- Cạo úp có kiểm soát khi vị trí miệng tiền nằm trong khoảng từ 1,2 m (hoặc 1,3 m) đến 2,0 m cách mặt đất. Từ độ cao 2,0 m trở lên được gọi là độ cao ngoài tầm kiểm soát.

b. Độ dốc miệng cạo

- Đối với miệng cạo ngựa: quy định độ dốc miệng cạo là 32° so với trục ngang,

- Đối với miệng cạo úp: quy định độ dốc miệng cạo là 45° .

c. Thiết kế miệng cạo

Dụng cụ để thiết kế miệng cạo gồm (Hình VIII.3):

- Thước cây 150 cm có đánh dấu vị trí miệng tiền, vị trí cắm máng, vị trí treo kiềng;

- Dây có 3 gút (100 cm) hoặc thước dây có đánh dấu sẵn vị trí chia bảng cạo để chia thân cây ra làm hai hoặc bốn phần bằng nhau,

- Rập (cờ) có cán để bảo đảm độ dốc;

- Thước đánh dấu hao dăm hàng tháng;

- Móc rạch;

- Thước, rạp của hai miệng cạo ngựa và úp được đánh dấu và thiết kế khác nhau.

Cách thiết kế:

*** Miệng cạo ngựa**

- Dùng thước dây kiểm tra và đánh dấu cây đủ tiêu chuẩn cao



- Miệng tiền được mở đồng loạt cùng một phía trong lô và hướng ra giữa hàng để dễ quan sát, kiểm tra và quản lý. Trong điều kiện trồng cây theo đường đồng mức miệng tiền được hướng vào giữa hàng trồng theo đường đồng mức;

- Đặt thước cây để rạch ranh tiền, đánh dấu vị trí miệng tiền, vị trí cắm máng hứng mù, vị trí treo kiềng

- Dùng dây có ba gút để chia thân cây cao su làm hai phần bằng nhau

- Xác định ranh hậu bằng một đường rạch dọc theo thân cây

- Đặt rập ngay đúng vị trí ranh tiền để rạch miệng cạo chuẩn và các đường rạch chuẩn hao dăm hàng quý

- Dùng rập đánh dấu hao dăm hàng tháng, vạch dấu chuẩn ở ranh tiền và ranh hậu

- Khởi mương tiền dài 10 - 11 cm, sâu đến lớp da cát mịn (kiểu đầu voi, đuôi chuột), mương tiền phải thẳng góc so với mặt đất;

- Sau khi thiết kế miệng cạo xong, trang bị vật tư cho cây cạo.

* Miệng cao úp

- Trong cùng một lô, miệng tiền cạo úp cũng phải được thiết kế đồng loạt theo một phía thống nhất để dễ quan sát, kiểm tra và quản lý;

- Đặt thước cây và móc để rạch ranh tiền từ vị trí 1,3 m (hoặc 1,2 m) cách đất thẳng lên phía trên;

- Dùng dây có ba gút hoặc thước dây có đánh dấu sẵn vị trí chia bằng cạo để chia thân cây cao su làm hai phần (cho miệng cạo S/2) hoặc bốn phần (cho miệng cạo S/4) bằng nhau; Xác định ranh hậu bằng một đường rạch dọc theo thân cây;

- Đặt rập ngay đúng vị trí ranh tiền để rạch miệng cạo chuẩn và các đường rạch chuẩn hao dăm hàng tháng hoặc hàng quý giữa 2 ranh tiền và hậu. Lưu ý độ dốc của miệng cạo úp phải là 45° ngay từ khi mở cạo, không cho phép mở ở độ dốc thấp hơn rồi chuyển từ từ lên độ dốc quy định.

- Khởi mương tiền từ miệng tiền đến vị trí cắm máng (dài 15 cm), sâu đến lớp da cát mịn (kiểu đầu voi, đuôi chuột), mương tiền phải thẳng góc so với mặt đất (Hình VIII.5g).

- Sau khi thiết kế miệng cạo xong thì trang bị vật tư cho cây cạo.

d. Mở thêm

- Mở cạo thêm những cây đã đủ tiêu chuẩn vào đầu mùa cạo và tháng 9 - tháng 10 hàng năm. Miệng cạo cây mở sau có cùng độ cao với miệng cạo hiện tại của những cây đã mở cạo trước;

- Đầu năm thứ 3, mở cạo tất cả các cây có bề vòng thân trên 40 cm. Miệng cạo cây mở sau có cùng độ cao với miệng cạo hiện tại của những cây đã mở cạo trước;

- Đối với các vùng thiếu lao động cạo mù cho phép mở cạo rải vụ phù hợp với tình hình lao động đã tuyển dụng được. Tuy nhiên chỉ được phép mở cạo cho đến hết tháng 9 hàng năm.

e. Mở miệng cạo

- Mở miệng cạo mới

* Miệng ngửa



Sau khi thiết kế, cạo xả miệng 3 nhát dao:

+ Nhát 1. Cạo chuẩn

+ Nhát 2: Vặt nê

+ Nhát 3: Hoàn chỉnh miệng cạo, cạo ép má dao từ từ đến độ sâu cạo quy định, tránh cạo phạm khi mở miệng cạo.

* Miệng úp

Miệng cạo úp mở tương tự với miệng cạo ngửa.

- Mở miệng cạo lại

Mở miệng cạo lại đối với những cây đã cạo mũ cho cả hai miệng cạo úp và ngửa:

- Khi mở miệng cạo lại trên từng cây phải xả hai nhát dao liên tục: nhát 1 cạo lớp vỏ khô, nhát 2 cạo hoàn chỉnh miệng cạo,

- Mức hao vỏ cạo lúc xả miệng lại cho phép từ 0,5 - 1 cm; - Bố trí mở miệng cạo lại theo từng phần cạo, hoàn thành xong phần cạo này mới qua phần cạo khác.

4. Các yêu cầu kỹ thuật trong thu hoạch mũ

a. Thời vụ cạo mũ

Thời điểm cạo tùy theo điều kiện thực tế sản xuất, cần chú ý sau:

- Đối với chế độ cạo phối hợp hai miệng úp – ngửa, miệng cạo úp được mở vào đầu mùa cạo, miệng cạo ngửa phối hợp được mở vào giữa tháng 5 hoặc vào giữa tháng 9.

- Nghỉ cạo khi cây có lá bắt đầu nhú chân chim và nghỉ toàn vườn khi có 30% số cây nhú lá chân chim. Tuy nhiên, cũng có thể nghỉ cạo sớm hơn nếu hiệu quả kinh tế kém.

- Cạo mũ khi cây có tán ổn định (thường sau vài lần mưa lớn). Nếu hạn hán có thể lùi thời gian mở cạo.

b. Độ sâu cạo mũ

- Cách tượng tầng 1,1-1,3 mm đối với cả 2 miệng cạo úp và ngửa.

- Tránh cạo cạn (cách tượng tầng <1,1 mm), cạo sát (cách tượng tầng >1,3 mm) và cạo phạm (cạo chạm gỗ).

c. Mức độ hao dăm, hao vỏ cạo, đánh dấu hao dăm

- Đối với miệng cạo ngửa:

+ Nhịp độ cạo D3: Hao dăm 1,1-1,5 mm/lần cạo, hao vỏ tối đa 18 cm/năm.

+ Nhịp độ cạo D4: Hao dăm 1,2-1,6 mm/lần cạo, hao vỏ tối đa 15 cm/năm.

+ Nhịp độ cạo D5: Hao dăm 1,5-2,0 mm/lần cạo, hao vỏ tối đa 14 cm/năm.

+ Nhịp độ cạo D6: Hao dăm 1,5-2,0 mm/lần cạo, hao vỏ tối đa 12 cm/năm.

- Đối với miệng cạo úp:

+ Nhịp độ cạo D3: Hao dăm 2,0 mm/lần cạo, hao vỏ tối đa 3 cm/tháng.

+ Nhịp độ cạo D4: Hao dăm 2,5 mm/lần cạo, hao vỏ tối đa 2,5 cm/tháng.

- Hàng năm, trước khi bắt đầu cạo phải đánh dấu hao vỏ cạo, dùng rập vạch chuẩn để không chệch mức hao vỏ từng tháng, quý và độ dốc miệng cạo.



d. Tiêu chuẩn đường cạo

Đường cạo phải đúng độ dốc quy định, có lòng máng, vuông tiền, vuông hậu, không lệch miệng, không vượt ranh và không lượn sóng.

e. Công việc trước và sau cạo mủ

- Đối với phương pháp thu mủ nước

+ Trước khi cạo mủ, phải bóc dây, mủ chén, sửa lại kiềng, máng, lau sạch chén và úp trên kiềng. Cạo xong, ngửa chén lên và dẫn mủ chảy vào chén rồi mới qua cạo cây khác.

+ Hướng đi cạo mủ theo những cây kế cận trên cùng 1 hàng, lần kế tiếp cần đổi thứ tự cây cạo.

+ Trút mủ: Cây nào cạo trước thì trút mủ trước, dùng vét để tận thu mủ trong chén, đặt chén lại chỗ cũ để hứng mủ chảy trễ, tránh trút mủ sót.

+ Đối với các giống mau đông mủ, sau khi cạo xong, chủ động trút mủ trước và chống đông trong thùng chứa trước khi đưa đến điểm tập kết.

+ Nếu có bôi thuốc kích thích thì trút mủ buổi chiều. Vào mùa mưa có thể sử dụng hóa chất để đánh đông mủ chảy dai tại chén.

- Đối với phương pháp thu đông tại lô

+ Trước khi cạo phải bóc mủ dây, cạo xong dẫn mủ chảy vào chén và kiểm tra lại mái che chén, chén hứng mủ rồi mới qua cây khác. Nếu chén mủ gần đầy hoặc đầy thì phải san hoặc chuyển qua cây ít mủ hơn để tránh tràn ra ngoài.

+ Hướng đi cạo mủ theo những cây kế cận trên cùng 1 hàng, lần kế tiếp cần đổi thứ tự cây cạo.

+ Có thể sử dụng hóa chất để đánh đông.

f. Giờ cạo – giờ thu – giao nhận mủ - chất lượng mủ

- Giờ cạo mủ: Tùy điều kiện thời tiết của mùa, bắt đầu cạo mủ khi đã thấy rõ đường cạo. Không cạo mủ lúc trưa nắng hoặc nhiệt độ không khí $< 15^{\circ}\text{C}$.

- Giờ trút mủ nước, mủ đông:

+ Giờ trút mủ nước: Sau khi cạo xong, thời gian chờ trút mủ tùy thuộc vào thời tiết, nhưng đảm bảo thời gian từ lúc cạo đến khi đến nhà máy chế biến không quá 7 tiếng. mủ trút xong cần đưa ngay đến điểm giao nhận mủ.

+ Giờ trút mủ đông: Sau khi cạo 1-3 nhát thì thu mủ đông 1 lần. Nên để mủ ráo 1-2 tiếng giao bán mủ. Lưu ý, khi thu mủ đông nên để lại một phần serum trong chén.

- Giao nhận mủ:

+ Đối với mủ nước: Khi đổ mủ từ thùng trút sang thùng chứa phải dùng rây lọc lọc mủ với kích thước lỗ 5 mm và cần phải có các biện pháp che, đậy (nắp đậy, màng phủ thùng,...) để tránh vật lạ, lá cây rơi vào mủ. Mủ nước tập hợp có đánh dấu lô, thùng chứa mủ.

+ Đối với mủ đông: thu gom, phân loại và vệ sinh – loại bỏ tạp chất có thể nhìn thấy như lá cây, vỏ cây, côn trùng, sợi bao PP, PVC, kim loại, đất cát và các loại tạp chất khác.

+ Tại điểm giao nhận mủ: mủ được cân đo theo thùng (có thể là bao), lô cao su, ghi đầy đủ số liệu vào phiếu theo dõi sản lượng, chất lượng mủ. Sau đó đưa mủ về nhà máy. Khi đổ mủ nước từ xe vào bồn phải có lưới lọc với kích thước lỗ 3 mm.



- Chất lượng mũ:

+ Mũ chén và mũ đông phải được cắt để kiểm tra chất lượng bên trong và để ráo trên sàn tối thiểu 01 giờ trước khi cân nghiệm thu, tách biệt từng lô cao su.

+ Mũ dây không được vo tròn, sau khi nhặt bỏ dăm cạo, tạp chất khác, được ngâm rửa sạch đất cát, vớt mũ để ráo trên sàn.

- Điều kiện điểm giao nhận mũ:

+ Điểm nhận mũ cần sạch sẽ, thoáng mát, có mái che hoặc bóng râm, tránh ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp vào nguyên liệu.

+ Các dụng cụ như thùng chứa, sàn để ráo mũ đông phải được vệ sinh sạch sẽ.

g. Dụng cụ cho người cạo mũ

- Dao cạo mũ: công nhân được trang bị ít nhất hai dao cạo mũ hoặc một dao cạo mũ lắp ghép có ít nhất một lưỡi thay thế khi cần. Sử dụng dao cạo chuyên dùng cho từng miệng cạo hoặc dao cạo cải tiến. Lưu ý dao cạo cải tiến dùng để cạo hai miệng cạo úp-ngửa chỉ sử dụng cho cạo úp ở vòng đầu tiên.

- Dụng cụ thu mũ:

+ Đối với thu mũ nước: rây lọc mũ, vét mũ, 1 lọ amonia, giỏ thùng đựng mũ tạp, thùng trút mũ 10 - 20 lít và một số thùng chứa 20 – 35 lít;

+ Đối với thu mũ đông: giỏ/thùng thu mũ đông từ 10 - 20 kg, một số thùng chứa 20 - 35 kg.

mài dao (đá nhám để mài thô và đá bùn để mài tinh), giẻ lau bằng vải,

- Dụng cụ khác: nạo vỏ, tuýp mỡ bôi cây (vaselin), hai viên đá mài dao, (đá nhám để mài thô và đá bùn để mài tinh), giẻ lau bằng vải.

- Yêu cầu kỹ thuật:

+ Dao cạo phải có chất lượng tốt, được mài thường xuyên sau khi thao tác xong phân cây và có dụng cụ bảo vệ lưỡi dao an toàn.

+ Các dụng cụ phải thật sạch sẽ, giỏ/thùng mũ phải có độ bền cao, dễ sử dụng, dễ dàng vệ sinh và không gây ảnh hưởng chất lượng mũ. Lưu ý không sử dụng các loại giẻ lau - rửa bằng chất liệu vải có sợi PP (polypropylene).

- Đầu phân cây cạo phải có cọc úp thùng hoặc dây treo thùng. Điều 116. Quy định bôi mỡ (vaselin) miệng cạo trước khi nghỉ cạo hàng năm.

h. Bảo quản mũ trong quá trình vận chuyển đến nhà máy

- Nguyên liệu mà nước chế biến cao su khối SVR và cao su tờ RSS: được bảo quản bằng dung dịch amonia (NH₃) Chỉ chôn đông khi mũ đang ổn định (mũ ở trạng thái lỏng tự nhiên, không bị đông cục bộ). Hàm lượng NH₃ cần chôn đông tùy theo thời gian thu gom, thời gian vận chuyển và các điều kiện cụ thể khác. Nguyên liệu mũ nước tiếp nhận tại nhà máy phải bảo đảm pH mũ nước ≤ 8 đơn vị và hàm lượng NH₃ do nhà máy tính toán và yêu cầu.

- Nguyên liệu mũ nước chế biến cao su ly tâm, bảo quản trữ nước bằng dung dịch NH₃ có nồng độ 10% với hàm lượng từ 0,3-0,4 % trên khối lượng mũ nước. Lượng NH₃ cần sử dụng do nhà máy tính toán và yêu cầu. Lượng dung dịch này (tương ứng với lượng mũ thu hoạch) được chia thành hai phần:



+ Phần 1: 70% lượng dung dịch NH₃ được cấp phát tại lô mỗi ngày cho mỗi người cạo để cho vào thùng chứa 35 lít. Phải đổ NH₃ vào thùng trước khi đổ mỡ nước vào. Việc bảo quản này rất quan trọng để không chế VFA tăng từ mỡ nước trong thùng thu mỡ.

+ Phần 2: 30% lượng dung dịch còn lại cho vào bồn chứa mỡ của xe vận chuyển. NH₃ phải được đổ vào bồn chứa trước khi đổ mỡ vào bồn.

- Nguyên liệu mỡ đông: không sử dụng bao PP, PVC làm dụng cụ chứa, che đậy, lót sàn mỡ trong quá trình bảo quản và vận chuyển. Khi tồn trữ, phải tách biệt từng loại để dễ dàng nhận diện loại mỡ và thời gian tiếp nhận, không lẫn lộn với nhau.

i. Bôi mỡ trước khi nghỉ cạo mỡ

- Áp dụng cho vườn cây nhóm I (tuổi cạo 10 năm hoặc bắt đầu cạo miệng úp).

- Tiến hành bôi mỡ bôi cây (vaselin) trên mặt vỏ tái sinh tiếp giáp miệng cạo với băng rộng 5 cm (d3), 4 cm (d4, d5) và bôi từ ranh hậu đến ranh tiền nhằm bảo vệ mặt cạo của toàn bộ cây cạo trên vườn cây kinh doanh trước tác động khắc nghiệt của điều kiện môi trường như rét hại, nắng nóng,...

- Thời điểm bôi: vào trước mùa nghỉ cạo, sau khi tận thu hết mỡ tạp, mỡ đất và làm vệ sinh phần cây.

5. Kích thích mỡ

a. Loại chất kích thích và nồng độ sử dụng

- Loại hóa chất kích thích mỡ được sử dụng có hoạt chất là ethephon (acid 2-chloroethyl phosphonic);

- Nồng độ hoạt chất sử dụng là 2,5% cho cây nhóm I và II, Nồng độ hoạt chất sử dụng là 2,5% cho cây nhóm I và II; vườn cây nhóm III và vườn cây cạo tận thu trước khi thu hoạch gỗ sử dụng nồng độ hoạt chất 5% hoặc có thể sử dụng nồng độ hoạt chất 2,5%. Nếu sử dụng nồng độ 2,5% cho phép tăng tối đa số lần bôi trong năm 1,5 lần so với nồng độ 5%.

b. Thời vụ áp dụng kích thích mỡ

- Đối với vùng có hai mùa mưa nắng rõ rệt (Đông Nam Bộ, Tây Nguyên...) sử dụng chất kích thích vào các tháng 5, 6, 7, 8, 10, 11 và 12,

- Bôi chất kích thích trước nhất cao kế tiếp từ 24 đến 48 tiếng.

- Không bôi khi mặt cạo còn ướt hoặc lúc trời sắp mưa

- Không được bôi khi thời tiết khô hạn, nhiệt độ không khí <15°C, mùa rụng lá qua đông.

c. Phương pháp bôi chất kích thích mỡ (Hình VIII.9)

- Phương pháp bôi trên vỏ tái sinh (Pa. Panel application) áp dụng trên miệng cạo ngửa: khuấy đều chất kích thích trước khi sử dụng, dùng cọ hoặc bàn chải bôi một băng rộng 1 cm, mỏng đều trên vỏ tái sinh tiếp giáp với miệng cạo,

- Phương pháp bôi trên miệng cạo không bóc lớp mỡ dây (La Lace application) áp dụng trên miệng cạo úp khuấy đều chất kích thích trước khi sử dụng, dùng cọ hoặc bàn chải bôi một lớp mỏng đều ngay trên miệng cạo. Nếu mỡ dây trên miệng cạo dây, phải gỡ mỡ dây trước khi bôi,

- Đối với vườn cây cạo úp ngoài tầm kiểm soát phải dùng dụng cụ bôi thuốc đặc biệt. Cho kích thích vào bình bơm có nổi dây dẫn với bàn chải để bôi lên miệng cạo. Về



nguyên tắc, vẫn áp dụng phương pháp La, tuy nhiên do độ cao khó kiểm soát nên cũng chấp nhận thuốc dính lên vỏ tái sinh.

- Dụng cụ bôi chất kích thích: cọ số 8 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 0,8 cm, dụng cụ bôi chất kích thích mũ trên cao (đối với miệng cạo úp ngoài tầm kiểm soát).

d. Liều lượng sử dụng, nhịp độ bôi chất kích thích

- Vườn cây nhóm I: tuổi cạo từ 1 - 5, bôi từ 0,5 - 1 gam/cây/lần theo phương pháp Pa;

- Vườn cây nhóm I: tuổi cao từ 6 - 10, bôi từ 0,75 - 1,5 gam/ cây lần theo phương pháp Pa,

- Vườn cây nhóm II, III: tuổi cạo trên 10, bôi từ 1 - 2 gam/cây/lần trên miệng cạo ngửa theo phương pháp Pa; từ 0,75 - 2 gam/cây/lần trên miệng cạo úp theo phương pháp La,

- Khoảng cách giữa 2 lần bôi ít nhất là 3 tuần.

e. Tiêu chuẩn cây được sử dụng chất kích thích

- Cây sinh trưởng bình thường, kỹ thuật cạo tốt,

- Không bôi chất kích thích cho những cây bị cụt ngọn, cây bị bệnh nặng, cây có dấu hiệu khô mặt cạo hoặc cây quá nhỏ.

f. Kiểm soát kỹ thuật trên vườn cây sử dụng chất kích thích mũ

- Nếu hàm lượng cao su khô (DRC) của vườn cây dưới 25% thì không sử dụng chất kích thích,

- Nếu tỷ lệ cây khô mặt cạo toàn phần cao hơn lần kiểm kê trước đó theo mức quy định sau thì không nên bôi chất kích thích

+ Vườn cây nhóm I: > 3%,

+ Vườn cây nhóm II: > 10%.

g. An toàn lao động khi sử dụng chất kích thích mũ

- Tránh để chất kích thích mũ tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp bị dính chất kích thích mũ vào da phải rửa ngay bằng xà phòng và nước ấm. Nếu bị dính chất kích thích mũ vào mắt phải rửa ngay nhiều lần bằng nước sạch và đưa đến cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu;

- Bao bì đựng chất kích thích mũ đã qua sử dụng phải được thu xử lý theo quy định,

- Khi bôi chất kích thích cho miệng cạo úp, phải mang kính phòng hộ để tránh chất kích thích mũ rơi vào mắt

- Tuyệt đối không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang bôi chất kích thích mũ.

h. Bảo quản chất kích thích mũ khi chưa sử dụng

- Sản phẩm phải luôn được giữ trong mát, tránh ánh nắng trực

- Tuân thủ hạn sử dụng ghi trên bao bì,

i. Kỹ thuật kích thích mũ bằng khí ethylen



- Là phương pháp kích thích mủ bằng khí ethylen (C₂H₄). Khí ethylen được bơm trực tiếp theo từng chu kỳ vào trong mô vỏ cây cao su thông qua các dụng cụ chứa khí được dán hoặc gắn ở vị trí gần miệng cạo,

- Phương pháp này được áp dụng khi kết hợp với miệng cạo ngắn và nhịp độ cạo (d3, d4, d5 và d6) trên các vườn cây nhóm II

- Tiêu chuẩn vườn cây

+ Vườn cây áp dụng kỹ thuật này cần đạt các điều kiện sau:

++ Vườn cây có tuổi cạo từ 15 năm trở lên,

++ Tán lá tốt và không bị nhiễm bệnh thân và mặt cạo nặng Vành thân ở độ cao 1,0 m > 60 cm,

++ Tỷ lệ cây đủ tiêu chuẩn áp dụng kỹ thuật này phải đạt trên 70% số cây cạo trên lô,

+ Những vườn cây không nên áp dụng kỹ thuật kích thích bằng khí ethylen:

++ Không áp dụng kỹ thuật này cho vườn cây đang cạo nhịp độ d2;

++ Vườn cây đã hết vỏ cạo hoặc vùng huy động mủ kém;

++ Đã áp dụng chế độ cạo hủy hoặc cạo không đúng kỹ thuật

- Chế độ thu hoạch mủ áp dụng cho kỹ thuật kích thích bằng khí ethylen

+ S/6U d3 6d/7 10m/12. ETG G/3;

+ S/4U d3 6d/7 10m/12. ETG G/3;

+ Đối với trường hợp thiếu lao động cạo mủ áp dụng nhịp độ cạo d4 (bốn ngày cạo một lần, bơm khí ethylen với chu kỳ 3 nhát cạo/1 lần); nhịp độ cạo d5 và d6 (năm và sáu ngày cạo một lần, bơm khí ethylen với chu kỳ 2 nhát cạo/1 lần).

6. Che mưa cho cạo mủ cao su

a. Thời vụ áp dụng các biện pháp che mưa

- Biện pháp che mưa phải được thực hiện ngay đầu mùa mưa

b. Đối tượng và kỹ thuật gắn máng chắn nước mưa, mái che mưa

- Tất cả các vườn cây cao su kinh doanh đều phải áp dụng biện pháp che mưa, trừ trường hợp vườn cây có vị trí bằng cạo quá cao không thể áp dụng được;

- Tùy theo phương pháp thu mủ và vùng miền mà áp dụng các biện pháp che mưa cho phù hợp,

+ Đối với phương pháp thu mủ nước áp dụng máng chắn nước mưa hoặc mái che mưa. Những vùng mưa và gió nhiều nên áp dụng mái che mưa cho mặt cạo (mái che mặt cạo), có thể kết hợp mái che chén hoặc màng phủ chén tùy điều kiện cụ thể.

+ Đối với phương pháp thu mủ đông tự nhiên tại lô nên áp dụng mái che mặt cạo kết hợp mái che chén hoặc màng phủ chén tùy điều kiện cụ thể.

QT 6. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA TĂNG TRƯỞNG RỪNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Mục đích	- Điều tra trữ lượng rừng trước khai thác - Giám sát tình hình sinh trưởng, phát triển, năng suất rừng trồng hàng năm phục vụ công tác dự báo sản lượng - Lập kế hoạch khai thác rừng lâu dài theo hướng bền vững
Điều tra ngoại nghiệp	- Bước 1: Lập ô đo đếm: ○ Diện tích ô tiêu chuẩn là 200m² ○ Ô đo đếm được lập ở giữ khu rừng, không sát với bìa rừng ○ Mỗi ô đại diện theo: mô hình thi công trồng rừng, tuổi cây, loài cây trồng. ○ Các OTC được bố trí ở các vị trí đại diện của từng lô và các ô được bố trí đều ở các loại lập địa tốt, xấu, trung bình, tránh phân bố ở các vị trí đầu lóp. - Bước 2: Điều tra sinh trưởng: Trên ô tiêu chuẩn đo toàn bộ $D_{1,3}$, H_{vn} và xác định cấp phẩm chất của cây: + Đường kính ($D_{1,3}$) được đo bằng thước kẹp hoặc đo chu vi bằng thước dây rồi tính ra đường kính. + Đo chiều cao vút ngọn (H_{vn}) bằng thước đo cao Blumleis hoặc ước tính dựa vào chiều cao người đứng đo chiều cao cây. + Tính thể tích từng cây (V_{TB}) và tổng trữ lượng của ô (M). Ghi chép số liệu chu vi ($C_{1,3}$, cm) và chiều cao (H, m) vào phiếu điều tra sinh trưởng và trữ lượng rừng (Biểu 9E)
Tính toán nội nghiệp	Trên cơ sở số liệu đã thu thập, tính toán để xác định trữ lượng và lượng tăng trưởng hàng năm của rừng: - Đối với rừng từ 6 tuổi trở lên, tính toán trữ lượng theo công thức: $M = G \times H \times f \times N \text{ (m}^3\text{/ha)}$ Trong đó: • G: Tiết diện ngang cây bình quân tại 1,3m • H: Chiều cao bình quân • f: Hình số thân cây tại vị trí 1,3m, lấy bằng 0,5 • N: mật độ bình quân của rừng * Ghi chú: Diện tích mỗi ô tiêu chuẩn 500m²

QT7. QUY TRÌNH KHAI THÁC TÁC ĐỘNG THẤP (GỖ)

1. Quy định chung

- Gỗ cao su cùng với mủ là sản phẩm chính của quá trình canh tác cây cao su, việc thu hoạch gỗ được thực hiện trên nguyên tắc tối ưu hiệu quả quá trình canh tác cây cao su, bảo đảm các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường và phù hợp với định hướng phát triển của chủ đầu tư,

- Điều kiện để thực hiện việc thu hoạch gỗ

+ Khi vườn cây cao su kết thúc chu kỳ thu hoạch mủ theo quy trình hoặc phương án quản lý rừng; kết thúc thời gian nghiên cứu, thí nghiệm theo đề tài,

+ Khi năng suất mủ của vườn cây không bảo đảm hiệu quả cho chủ đầu tư,

+ Khi mật độ vườn cây thấp, cần thiết phải thu hoạch gỗ để tái canh hoặc sử dụng vào mục đích khác,

+ Khi có một diện tích nhỏ nằm xen trong khu vực đã đến thời điểm thu hoạch gỗ, cần thiết phải thu hoạch gỗ để liền vùng, liền khoảnh thuận tiện trong tổ chức sản xuất,

+ Khi vườn cây bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh không có khả năng phục hồi hoặc có khả năng phục hồi nhưng dự đoán không còn hiệu quả cho thời gian còn lại,

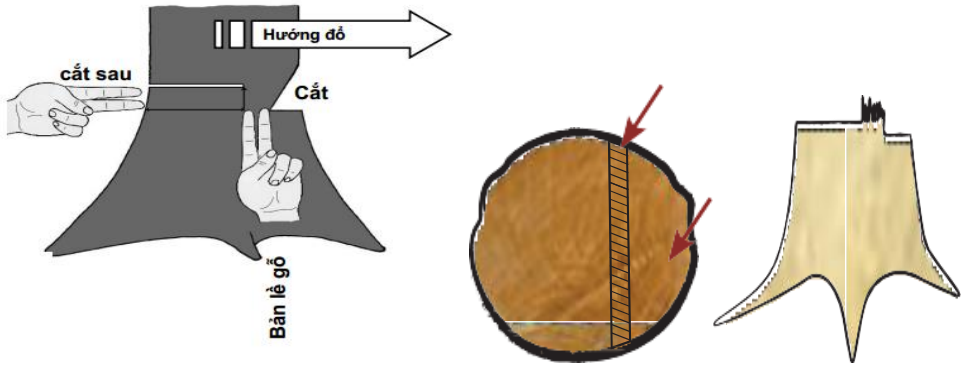
+ Khi việc thu hoạch gỗ được chứng minh là có hiệu quả cao hơn là tiếp tục duy trì thu hoạch mủ.

- Nhóm hộ chứng chỉ cao su FSC Thuận Lợi thống nhất quy định khi bán gỗ, Trưởng nhóm là người đại diện nhóm chứng chỉ liên hệ làm thủ tục cho toàn bộ quá trình khai thác, vận chuyển gỗ có chứng chỉ từ cao su đến đơn vị thu mua, tiêu thụ gỗ FSC. Trưởng nhóm còn có trách nhiệm giám sát các đơn vị nhà thầu, đơn vị khai thác, hộ thành viên trong các công đoạn đảm bảo tuân thủ nguyên tắc của quản lý cao su bền vững. Khai thác theo phương thức tác động thấp (Reduced Impact Logging – RIL).

2. Nội dung:

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Mục đích	- Đảm bảo tính an toàn lao động (tuân thủ theo ILO code Safety and Health in Forestry Works_1998. - Tối ưu hóa chất lượng gỗ do khai thác đúng kỹ thuật - Tận dụng tối đa các sản phẩm khai thác - Áp dụng kỹ thuật khai thác tác động thấp nhằm giảm thiểu tác động đến các yếu tố môi trường, sinh thái
1. Chuẩn bị trước khai thác	
Hình thức khai thác	- Khai thác trắng; chừa lại một số cây gỗ lớn bản địa, cây tái sinh tự nhiên trên rừng nếu có - Diện tích khai thác của một lô hoặc nhiều lô liền khoảnh không được vượt quá 15 ha trên địa hình dốc (độ dốc >25°).
Đánh giá tác động trước khai thác	- Trước khi khai thác phải đánh giá tác động môi trường, xã hội và những rủi ro tiềm ẩn của hoạt động khai thác (xem biểu phiếu đánh giá giám sát khai thác) - Dựa vào các điểm phát hiện được (ví dụ: xói mòn đất, đường vận chuyển...), cán bộ giám sát khai thác phải đề xuất các hoạt động để ngăn

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
	ngừa và giảm thiểu các thiệt hại đến môi trường và người lao động do khai thác rừng có thể gây ra. Đề xuất này được đưa vào phương án khai thác rừng, cần được Ban Đại diện nhóm CCR xác nhận và đại diện chủ sở hữu phê duyệt.
Thông báo khai thác	- Thông báo khai thác lên các thôn trưởng, trạm trưởng - Lấy mã số đăng ký khai thác do Ban Đại diện nhóm CCR huyện Con Cuông cấp (Mã số khai thác tương ứng với mã ký hiệu lô rừng)
Chẩn bị dụng cụ khai thác	- Các dụng cụ khai thác như cưa máy, dao, rìu,... phải đảm bảo an toàn theo quy định của nhà sản xuất - Dụng cụ bảo hộ lao động phải đầy đủ, đảm bảo đúng quy định về an toàn lao động cho hoạt động khai thác gỗ - Phương tiện hỗ trợ vận xuất gỗ (thủ công, vận xuất bằng xuồng, ghe, bằng máy,...) phải được chuẩn bị đầy đủ
Vệ sinh rừng và mở đường vận xuất trước khai thác	- Phát dọn thực bì, bụi rậm, dây leo quấn quanh cây trước khai thác. Tránh làm ảnh hưởng đến nơi ở hoặc tổ các loài sinh vật hoang dã, dọn dẹp thực bì lên mặt liếp gọn gàng. - Hệ thống đường vận xuất phải được hoàn thiện trước khi khai thác. - Tận dụng tối đa các đường vận xuất đã có, hạn chế mở đường vận xuất quá dày, dễ gây ảnh hưởng đến môi trường và xã hội - Sơn đánh dấu và cắt hạ những cây nằm trên tuyến đường vận xuất trước khi tiến hành khai thác (nếu có).
Lán trại cho công nhân	Hiện tại các nhà thầu khai thác không có hoạt động làm lán trại cho công nhân khai thác. Mỗi ngày sau khi khai thác xong công nhân ra khỏi khu vực khai thác. Khi có thực hiện hoạt động này, công ty sẽ thực hiện theo "quy định về bảo hộ lao động và lán trại" đã được ban hành.
Ký kết hợp đồng mua bán	- Thống nhất với bên mua về trữ lượng và thỏa thuận giá trị của lô rừng - Bên mua và bên bán phải thực hiện việc kê khai hồ sơ lâm sản và chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) theo quy định ở Phụ lục A-5 - Hợp đồng khai thác và hồ sơ lâm sản (CoC) phải được lưu thành hai bản, bên mua lưu một bản và chủ rừng lưu một bản để đưa vào hồ sơ của hộ gia đình và nộp lại cho hợp tác xã quản lý
2. Khai thác và vận chuyển	
Chọn hướng đổ	- Tùy thuộc và địa hình để xác định hướng đổ của cây, từ đó xác định vị trí bắt đầu khai thác - Trước khi cắt cần xem xét hướng nghiêng của cây để xác định hướng đổ an toàn nhất - Khi khai thác nên bắt đầu từ bìa rừng - Các cây được cắt lần lượt từ ngoài vào, do đó hướng đổ thường hướng ra ngoài khoảng trống nơi đã khai thác - Tránh chặt hạ cây đổ ngang dòng kênh, đường vận xuất, vận chuyển, giảm thiểu hư hại chi các cây bản địa tái sinh tự nhiên - Hướng đổ của cây phải thuận lợi cho công việc tiếp theo như cắt khúc, chặt cành ngọn, thao tác bóc vỏ và vận chuyển từ đường nhánh... - Đảm bảo không có người hoặc động vật nằm trong phạm vi hướng đổ
Kỹ thuật cắt cây	- Mở miệng: - o Miệng được mở theo hướng đổ - o Cắt mở miệng ở khoảng cách 5cm hoặc thấp hơn so với mặt đất

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
	○ Cắt nhát đầu tiên vuông góc với thân cây, sâu 1/3 đường kính thân ○ Góc cắt mở miệng, chéo từ trên xuống một góc khoảng 45°, gấp nhát cắt đầu ở điểm cuối (1/3 thân cây) tạo thành hình chữ “V”. Tùy theo cấp kính của cây có thể mở miệng bằng 1 hoặc 2 mạch cưa: đối với những cây có đường kính $d < 20$ cm không cần cắt mở miệng ○ Dùng búa hoặc tay để bẫy miếng gỗ hình chữ V nhằm mở miệng  - Cắt gáy: ○ Dùng cưa cắt gáy từ phía sau, hướng cắt vuông góc với góc cây ○ Vị trí mũi cắt gáy cao hơn vị trí của lát cắt đầu tiên khoảng 2-3 cm (đường kính cây ≤ 30 cm) hoặc 3-5 cm (đường kính cây > 30 cm) ○ Để hạn chế tốc độ đổ của cây gỗ cần để lại một phần lõi gỗ giữa mạch cắt mở miệng và mạch cắt gáy gọi là bản lề có chiều rộng 2 ÷ 4 (cm). ○ Cắt cho đến khi cây bắt đầu đổ thì rút cưa ra và tắt máy ○ Di chuyển ngay người ra hướng ngược với hướng đổ đã định sẵn để tránh cây bật gốc, đè lên người - Chiều cao gốc chặt: Khoảng cách từ mặt đất đến mặt cắt gáy ($h = 1/3d$). Nếu quá khó khăn do địa hình mà chiều cao gốc chặt (h) có thể cao hơn nhưng không quá $1/2$ đường kính cây. Chiều cao gốc chặt càng thấp càng tốt vì nó tạo điều kiện cho việc tái sinh chồi. - Cắt cành, cắt khúc: ○ Sau khi hạ cây, dùng cưa hoặc dao cắt toàn bộ cành nhánh của cây: - Đối với những cây có kích thước nhỏ, khi đổ cây gỗ thường nằm sát mặt đất tiến hành cắt từ gốc đến ngọn. - Đối với những cây gỗ lớn khi đổ thường nằm chênh vênh, cách mặt đất một khoảng rất cao, cần hạ độ cao của tán lá để cho thân gỗ rơi xuống sát đất. Tiến hành cắt từ phía ngoài vào phía trong cành ○ Cắt khúc thân cây theo quy cách sản phẩm đặt hàng ○ Khi cắt không được đứng lên thân cây, hoặc phía căng thớ của cây gỗ. ○ Cây nằm ngang dốc phải kê gỗ chắc chắn mới được tiến hành cắt và khi cắt mạch cuối phải đứng trên dốc.
Vận	- Trên địa hình bằng phẳng có thể sử dụng máy để vận chuyển - Nếu địa hình dốc ($> 20^\circ$) nên áp dụng biện pháp vận xuất thủ công để giảm thiểu tác động đến môi trường



Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
chuyển gỗ ra khỏi rừng	- Tận dụng tối đa kiến thức và kinh nghiệm của người dân địa phương trong việc vận chuyển gỗ để giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái - Bảo dưỡng đường vận xuất sau khai thác, tránh gây sỏi mòn đất, tắt nghẽn suối, kênh.
3. Vệ sinh rừng sau khai thác	
Vệ sinh rừng sau khai thác	- Vật liệu hữu cơ sau khai thác (cành nhánh, lá cây, vỏ cây,...) nên được chặt ngắn và rải đều trên lô để làm phân cho rừng - Hạn chế đốt thực bì sau khai thác - Nếu buộc phải đốt thực bì thì nên gom thành từng đồng nhỏ mới đốt - Kiểm soát cẩn thận khi đốt để không bị cháy lan sang lô rừng khác - Thu gom toàn bộ cành nhánh trong khu vực hành lang sông suối, ao hồ, ruộng vườn, đường xá xung quanh khu vực khai thác - Có giải pháp tu sửa, bảo vệ hoặc trồng cây khu vực đường vận xuất để giảm thiểu sỏi mòn sau khai thác

QT 8. QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI

1. Phân loại rác thải

Trong quá trình hoạt động sản xuất cao su, từ việc làm đất, sử dụng cây con trồng đến chăm sóc, khai thác đều phát sinh ra các loại rác thải. Khi tham gia vào quản lý cao su bền vững, từng thành viên trong nhóm đều phải có ý thức trong việc bảo vệ môi trường, các thành viên nhóm dần thay đổi thói quen xấu xả thải rác trực tiếp ra môi trường bằng việc thu gom, phân loại rác để xử lý.

Hoạt động xử lý rác sẽ do đơn vị chức năng thực hiện hoặc do các hộ thành viên nhóm chứng chỉ cao su FSC thực hiện đảm bảo phải an toàn, thân thiện với môi trường. Một số nguồn rác thải phát sinh trong hoạt động quản lý vườn cao su.

Phân loại theo nguồn phát sinh rác thải:

- Túi bao bì nilon, chai lọ nhựa đựng nước, quần áo cũ, giẻ lau.
- Vỏ thuốc diệt cỏ, thuốc BVTN.
- Rác thải sinh hoạt từ người dân bên ngoài (đổ ven đường, lô cao su, sông suối).
- Xăng, dầu nhớt trong khai thác mủ, gỗ cao su
- Vật liệu và thiết bị dính dầu và mỡ

Phân chia theo mức độ nguy hại chia ra:

- Rác thải sinh hoạt.
- Rác thải nguy hại.

2. Xử lý từng loại rác thải

Loại chất thải	Quy trình xử lý
Túi bao bì nilon, chai lọ nhựa	- Thu gom hàng ngày, tất cả gom lại đựng trong các thùng nhựa hoặc các bao tải lớn đảm bảo không rò rỉ nước thải ra môi trường. - Cuối ngày làm việc, đưa rác ra khỏi rừng đến nơi xử lý rác thải theo đúng quy định của nhà nước.
Rác thải sinh hoạt	- Khu vực bãi gom, lán trại công nhân ở trên rừng: Đào một hố cách bãi gom, lán trại 10 m (lưu ý đào cách suối) và đổ rác vào sau khi đã phân loại nhằm tránh chuột phá phách. Sau mỗi lần đổ rác, nên phủ trên bề mặt một lớp đất để giữ vệ sinh. - Đảm bảo không có túi ni long và các vật liệu khó phân hủy lẫn vào rác. - Đảm bảo mọi nhân viên đều sử dụng nhà vệ sinh đúng cách - Chuyển nhà vệ sinh đến một nơi khác nếu hố phân đã đầy hoặc lấy phân khỏi hố. - Nhà vệ sinh các lán trại, sông suối ít nhất 20m
Xăng, dầu nhớt trong khai thác	- Các loại máy móc thiết bị phục vụ khai thác sẽ được đổ xăng dầu bên ngoài khu vực khai thác. Xăng và nhớt được pha trộn ngay tại địa điểm bán, nhằm tránh rò rỉ ra môi trường. - Quá trình đổ xăng dầu phải được thực hiện trên ben xi măng hoạt lót tấm nilong kèm mùn cưa. Vị trí đổ phải bằng phẳng, cách xa khu vực sông suối, ao hồ. - Khi cần thiết phải đổ xăng, dầu trên rừng. Tiến hành lót 1 tấm nilong khoảng 1m² xuống dưới cùng, sau đó đổ mùn cưa trải lên trên.

Loại chất thải	Quy trình xử lý
	- Đặt cửa xăng, thiết bị máy móc lên trên để tiến hành đổ xăng dầu vào máy. Xăng dầu nếu rò rỉ sẽ được mùn cửa thấm, giữ lại. Gói túi nilong, mùn cửa cẩn thận, không làm rơi ra ngoài rừng. - Cuối ngày làm việc, mang túi mùn cửa đó đi xử lý đốt. * Khi tràn đổ, rò rỉ xăng, dầu nhớt ở mức nhỏ: - Tìm mọi cách để ngăn chặn nguồn xăng dầu tràn đổ, rò rỉ. Làm thông thoáng khu vực xảy ra sự cố. - Phong tỏa khu vực xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ. Cắt cử người trông coi và báo cho mọi người cùng biết khu vực đó. - Ngăn cấm mọi nguồn lửa và tia lửa khi xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ. - Không được cho xăng dầu chảy lan vào các khu vực HLVS, vùng đệm. - Trong trường hợp bị tràn đổ, rò rỉ xăng dầu ra đất thì sử dụng cát, giẻ lau, các vật liệu thấm xăng, dầu nhớt chuyên dụng để làm sạch khu vực xăng dầu rò rỉ càng nhanh càng tốt, sau đó thu gom vào thùng chứa chuyên dụng để tiêu hủy đúng cách theo qui định của cơ quan bảo vệ môi trường địa phương và phải áp dụng cách xử lý phù hợp. Chú ý, dán nhãn vào thùng chứa sau khi thu gom. - Trường hợp bị tràn đổ, rò rỉ xăng dầu vào các khu vực HLVS thì có thể dùng tre nứa kết thành phao ngăn, sau đó nhanh chóng thu gom bằng mọi cách, từ bơm hút cho đến vớt thủ công; có thể dùng rơm rạ hoặc các loại vật liệu xốp dễ ngấm dầu thả xuống nước cho dầu thấm vào, sau đó vớt lên gom giữ vào nơi an toàn. Và tiêu hủy theo đúng qui định. * Khi tràn đổ, rò rỉ lớn xăng, dầu nhớt ở diện rộng: - Cột lập khu vực xăng dầu tràn đổ, rò rỉ. Chuẩn bị các phương án phòng cháy và chữa cháy. - Phong tỏa khu vực xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ. Cắt cử người trông coi và báo cho mọi người cùng biết khu vực đó. - Ngăn cấm mọi nguồn lửa và tia lửa khi xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ. - Lên phương án bảo vệ khu vực sự cố, ngăn ngừa xăng dầu loang rộng và thực hiện biện pháp thu hồi xăng dầu tràn. - Thông báo cho chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng tại khu vực xảy ra sự cố để cùng tổ chức hỗ trợ ứng cứu.
Vật liệu và thiết bị đã dính dầu mỡ	- Gom dầu động cơ sau khi thay hoặc dầu rửa các bộ phận khác của máy móc, mùn cửa và găng tay cũng như các vật liệu dính dầu mỡ phải được thu gom đưa vào xô, thùng chứa.
Rác có thể tái chế, vật dụng đã hỏng	- Các vật dụng máy móc hỏng có khả năng tái chế được thu gom lại vận chuyển ra khu rừng để sửa chữa hoặc bán phế liệu.
Gỗ và mùn cửa	Các đầu gỗ thừa được thu gom làm chất đốt, mùn cửa được gom lại trong các bao bì tránh bị ướt được cất giữ tại lán trại, mang theo khi đổ xăng dầu trong quá trình khai thác.



QT 9. QUY TRÌNH QUẢN LÝ SÂU BỆNH, DỊCH HẠI TỔNG HỢP (IPM)

I. QUẢN LÝ SÂU BỆNH HẠI

Trong hoạt động lâm nghiệp, quá trình canh tác, chăm sóc rừng luôn phát hiện các loài sâu bệnh, các sinh vật gây hại đối với cây trồng. Đối với sâu bệnh hại nếu chỉ xuất hiện trên diện tích nhỏ, phân tán, sự tác động xấu đến cây rừng là không đáng kể thì hoạt động của nhà quản lý, chủ rừng chỉ ở mức độ giám sát, nên kế hoạch phòng trừ.

Khi các loài sâu bệnh hại gây hại trên diện tích lớn, ảnh hưởng tới sinh trưởng, phát triển của cây rừng, làm giảm giá trị kinh tế, lợi nhuận từ rừng cần có biện pháp phòng trừ tiêu diệt.

Kết hợp phòng trừ sâu bệnh, dịch hại bằng biện pháp hóa học kết hợp sinh học và thủ công. Đảm bảo hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường

II. QUY TRÌNH QUẢN LÝ DỊCH HẠI TỔNG HỢP

Khái niệm về IPM trong nông lâm nghiệp:

Là biện pháp kết hợp việc khống chế những sinh vật vô hại với lợi ích kinh tế và cân bằng sinh thái là phòng trừ tổng hợp IPM (*Integrated Pest Management*). Cụ thể là:

- Phải xuất phát từ nguyên lý sinh thái học. Xem xét toàn diện cân bằng sinh thái, an toàn xã hội và lợi ích kinh tế đề xuất những biện pháp phòng trừ hợp lý nhất, hiệu quả nhất.
- Không nhấn mạnh tiêu diệt triệt để vật gây hại mà phải coi trọng việc điều chỉnh số lượng không làm cho nó đạt đến ngưỡng gây hại kinh tế.
- Nhấn mạnh việc điều chỉnh và phối hợp nhiều phương pháp phòng trừ trên cơ sở khống chế tự nhiên. Cố gắng ít dùng hoặc tránh dùng thuốc hoá học.

Các bước nghiên cứu IPM

- Phân tích vị trí các vật gây hại trong hệ thống sinh thái và xác định ngưỡng kinh tế của một loại bệnh hại chủ yếu
- Lập phương án mức độ cân bằng sinh thái của loài bệnh hại chủ yếu.
- Tìm biện pháp phòng trừ ảnh hưởng ít nhất đến hệ sinh thái trong tình hình nguy cấp. Nếu phải dùng biện pháp hoá học để phòng trừ thì phải cân nhắc loại thuốc, liều lượng, nồng độ, thời gian và phạm vi sử dụng.
- Lập phương án kỹ thuật giám sát, khống chế bệnh hại trong khu vực phát sinh bệnh hại.

Nguyên tắc kinh tế học và chỉ tiêu phòng trừ của IPM

Nguyên tắc này chú ý đến việc khống chế và điều chỉnh mật độ hay mức độ bị hại nếu số lượng vật gây hại vượt quá giới hạn nhất định gây ra những tổn thất kinh tế thì mới áp dụng biện pháp phòng trừ cần thiết. Giới hạn trừ hay không trừ gọi là ngưỡng gây hại kinh tế ET (*Economic Threshold*)

$$ET = CF/E.Y .D.P.S$$

Trong đó:



C: Chi phí phòng trừ

F: Hệ số điều chỉnh ≥ 1

E: Hiệu quả phòng trừ

P: Đơn vị sản phẩm

S: Tỷ lệ sống sót hay tỷ lệ nảy mầm của bào tử sau khi phòng trừ

Y: Sản lượng khi không bị bệnh

D: Tỷ lệ tổn thất trên 1 đơn vị diện tích

Chỉ tiêu phòng trừ IPM là mức độ bị hại khi tiến hành phòng trừ, thực chất là ngưỡng kinh tế (*tuy vậy đối với từng loại bệnh ở từng vị trí khác nhau cũng có sự khác nhau*).

Điều kiện cơ bản của việc thực hiện IPM: Trước khi tiến hành biện pháp IPM, cần thực hiện các bước:

- Tìm hiểu động thái bệnh và nhân tố ảnh hưởng đến động thái đó
- Tìm hiểu quy luật sinh trưởng của cây rừng và động thái tổn thất của bệnh
- Tìm hiểu điều kiện kinh tế xã hội ở khu vực bị bệnh.

Phải có số liệu cụ thể của 3 điều kiện trên trong thời gian ngắn nhất, thông qua phân tích thống kê, xây dựng mô hình để tổng hợp, phân tích để rút ra biện pháp phòng trừ tối ưu. IPM phải được thực hiện trên cơ sở của cân bằng sinh thái và kinh tế ứng dụng các biện pháp dự phòng được xã hội tiếp thu có tính chất ức chế hoặc điều chỉnh làm cho nhân tố sinh vật phá hoại việc kinh doanh rừng duy trì ở mức có thể chịu đựng được.

Mục đích phòng trừ IPM trong lâm nghiệp cần phải đạt được 3 mục đích:

- Phải làm giảm hoặc tiêu diệt số lượng vật gây bệnh hoặc cắt đứt chuỗi xâm nhiễm.
- + Tăng cường sức đề kháng của cây chủ hoặc bảo vệ cây không cho vật gây bệnh xâm nhiễm.
- Cải thiện điều kiện môi trường

QT10. QUY TRÌNH PHÒNG CHỐNG CHÁY RỪNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Mục tiêu	Quy trình này hướng dẫn việc quản lý lửa rừng trong các hoạt động dọn dẹp thực bì để trồng rừng và các hướng dẫn phòng chống cháy rừng cũng như đối phó với các tình huống xảy ra cháy rừng
Nguyên nhân cháy rừng	- Do con người: Đốt thực bì, đốt ong, thắp hương, đốt vàng mã gần hoặc trong lô rừng, hút thuốc lá trong rừng, sử dụng chất nổ,... - Do tự nhiên: Sấm sét, nắng nóng, khô hạn,...
Thời điểm dễ xảy ra cháy	- Vào mùa khô hạn (tháng 4 -7 hàng năm) - Mùa thu hoạch lâm sản ngoài gỗ trong rừng trồng hoặc thủy sản ven kênh rạch trong rừng trồng. - Mùa khai thác rừng, vật liệu cháy nhiều, người dân đốt thực bì
Địa điểm dễ xảy ra cháy rừng	- Khu vực gần khu dân cư, người dân hay đốt rác; - Khu vực gần nghĩa trang, người dân thắp hương, đốt vàng mã - Khu vực sau khai thác rừng, người dân đốt thực bì để trồng lại rừng
Biện pháp phòng cháy chữa cháy	- Tạo băng cản lửa: ○ Lợi dụng các đường vận xuất gỗ để làm băng trắng cản lửa ○ Có thể dùng những loài cây bản địa có vỏ dày, chịu lửa tốt ở địa phương trồng quanh lô làm băng cản lửa ○ Tận dụng tối đa hệ thống hành lang sông suối, ao hồ, đường giao thông để làm băng cản lửa - Quản lý vật liệu cháy: ○ Những nơi có nguy cơ cháy cao có thể làm giảm vật liệu cháy bằng cách thu gom bớt cành nhánh để làm củi đun; ○ Sau khai thác nên chặt nhỏ cành nhánh rải đều trên rừng, không nên để dồn thành đống dễ xảy ra cháy lớn khó kiểm soát. - Phát hiện sớm nguy cơ cháy rừng: ○ Thường xuyên tuần tra, phát hiện sớm những nơi có nguy cơ cháy rừng cao để có biện pháp ngăn chặn ○ Tuyên truyền vận động người dân địa phương không sử dụng lửa trong và gần rừng, đặc biệt vào mùa khô hạn ○ Cắm mốc, biển cảnh báo nguy cơ cháy rừng ở những nơi có nguy cơ cháy rừng cao để người dân nâng cao ý thức phòng chống cháy - Dập đám cháy: ○ Khi xảy ra cháy, kêu gọi người dân địa phương tham gia dập lửa, ○ Sử dụng các phương tiện tại chỗ để dập lửa



	○ Liên lạc với kiểm lâm, chính quyền địa phương, và các cơ quan đoàn thể khác để tăng cường lực lượng tham gia chữa cháy ○ Đảm bảo an toàn tính mạng con người khi tham gia dập lửa - Sau khi xảy ra cháy rừng: ○ Tìm hiểu nguyên nhân cháy rừng, tiến hành thống kê thiệt hại ○ Báo cáo cơ quan quản lý để có giải pháp khắc phục ○ Lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến đám cháy để đưa vào báo cáo
Giải pháp thực hiện	- Phối hợp với kiểm lâm, chính quyền và người dân địa phương cùng tham gia phòng chống cháy rừng; - Thành lập các tổ bảo vệ rừng, tăng cường tuần tra phát hiện sớm nguy cơ cháy rừng; - Tạo bộ dụng cụ dập lửa tại chỗ để sử dụng khi xảy ra cháy rừng - Xây dựng phương án phòng chống cháy rừng hằng năm cho nhóm - Tập huấn phòng cháy chữa cháy cho chủ rừng và người dân xung quanh

**QT 11. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI****MỤC ĐÍCH:****1. Tại sao cần đánh giá tác động môi trường và xã hội?**

Đánh giá tác động xã hội và môi trường được thực hiện để xác định các hoạt động quản lý và trồng rừng đã có những ảnh hưởng như thế nào đến môi trường và tác động về xã hội trong khu vực rừng do Nhóm chủ rừng cao su Thuận Lợi quản lý từ đó đề ra các hoạt động để giảm thiểu các tác động tiêu cực. Đánh giá này được BAN ĐẠI DIỆN CC Cao su Thuận Lợi phối hợp với các BAN ĐẠI DIỆN CC thành viên các xã thực hiện định kỳ mỗi năm một lần.

2. Các bước đánh giá bao gồm?**Bước 1: Liệt kê các hoạt động dự kiến để đánh giá**

Ví dụ trong trường hợp trồng rừng cao su của các xã, các nhóm hoạt động cần được đánh giá tác động môi trường và xã hội gồm:

Bước 2: Thảo luận các tác động có thể có với các bên liên quan và người am hiểu ở địa phương

Quản lý rừng	Hoạt động trồng và chăm sóc rừng, bảo vệ chống chặt phá rừng, phòng trừ sâu bệnh, phòng cháy chữa cháy, quản lý rừng có giá trị bảo tồn cao
Sản xuất và thị trường	Khai thác và thu mua gỗ
Quản lý nhóm CC	Quản lý các thành viên trong nhóm, đáp ứng các phản hồi, tham gia các hoạt động hội họp, tập huấn...

Thảo luận với người am hiểu ở địa phương và các bên liên quan để xác định các tác động về môi trường và xã hội hiện có. Đồng thời cũng cần lập danh sách các bên liên quan để có thể tham vấn khi cần thiết.

Bước 3: Thảo luận các tác động tác động tiềm năng với các thành viên nhóm

Dựa vào các thông tin và kinh nghiệm của các thành viên, nhóm đánh giá cùng thảo luận với các thành viên của Ban Đại diện cấp xã và Quản lý nhóm để xác định các tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội của các hoạt động đã thực hiện và xác định ở bước 1.

Bước 4: Phát triển các giải pháp để hạn chế các tác động tiêu cực và phát huy các tác động tích cực.

Dựa trên các tác động đã được xác định ở các bước trên, cùng thảo luận với các bên liên quan và các thành viên trong nhóm để phát triển các giải pháp phù hợp nhằm khắc phục các tác động tiêu cực trong quá trình trồng rừng.

QT 12. QUY TRÌNH VỀ SỬ DỤNG BẢO HỘ LAO ĐỘNG

1. Định nghĩa:

Trang thiết bị bảo hộ lao động (*BHLĐ*) là những dụng cụ, phương tiện cần thiết mà người lao động phải được trang bị để sử dụng trong khi làm việc hoặc thực hiện nhiệm vụ (*khai thác rừng, trồng, chăm sóc rừng...*) trong điều kiện có các yếu tố nguy hiểm (*tai nạn, cháy, nhiễm độc, ..*) nhằm bảo vệ cho người lao động, gồm quần áo, giày, mũ, kính, mặt nạ, găng tay, bịt tai chống ồn...

2. Mục đích:

Thiết bị làm việc môi trường an toàn để bảo vệ nguồn lực là lương tâm trách nhiệm của tất cả mọi người trong nhóm. Trong đó trách nhiệm cao nhất thuộc về người được giao phụ trách về công tác an toàn lao động của Nhóm.

- Nhận biết và kiểm soát chặt chẽ mọi nguy cơ gây mất an toàn lao động là mục tiêu hàng đầu.

- Kiểm tra và cung ứng tài chính để duy trì có hiệu lực và hiệu quả của việc an toàn là làm việc thường xuyên, liên tục.

- Quy định này sẽ phổ biến tới tất cả các thành viên trong nhóm để mỗi người lao động là một an toàn viên của nhóm.

3. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

Đối tượng là tất cả công nhân cưa, công nhân hỗ trợ cưa, công nhân khai thác, vận chuyển gỗ ... và các thành viên nhóm xã, nhóm huyện.

4. Yêu cầu bắt buộc về sử dụng bảo hộ lao động cho các loại công việc:

4.1. Đối với hoạt động khai thác gỗ cao su

Tất cả các công nhân của tổ khai thác tác động thấp (*RIL*) bắt buộc phải được trang bị 8 loại thiết bị bảo hộ cá nhân sau, trước khi làm việc:

- Giày bảo hộ lao động (*đối với công nhân cưa và công nhân hỗ trợ cưa phải mang giày phải có mũi sắt*).

- Quần bảo hộ (*đối với công nhân cưa thì quần phải là quần chuyên dụng kháng đỡ vết cắt, theo đúng tiêu chuẩn của ILO*).

- Áo bảo hộ (*áo dài tay, chất liệu dày, thấm mồ hôi tốt*).

- Áo phản quang (*áp dụng cho công nhân cưa và công nhân hỗ trợ cưa*).

- Kính bảo hộ lao động, Mặt nạ (*áp dụng cho công nhân cưa và công nhân hỗ trợ cưa*).

- Găng tay (*đối với công nhân cưa và công nhân hỗ trợ cưa phải dùng găng tay chuyên dụng cho thợ cưa, với cá nhân khác có thể sử dụng găng tay sợi*).

- Mũ bảo hộ (*Cần có vỏ cứng*).

- Miếng mút bịt tai mềm để Bảo vệ tai (*áp dụng cho công nhân cưa và công nhân hỗ trợ cưa*).



Mũ bảo hộ vỏ cứng: Cần có vỏ cứng hoặc mũ bảo hiểm xe máy có thể sử dụng

Bảo vệ tai: Miếng nút bịt tai mềm có thể sử dụng

Mặt nạ: Mặt nạ mũ bảo hiểm xe máy có thể sử dụng

Áo phản quang: Áo khoác/áo phản quang của công nhân xây dựng/ công ty vệ sinh môi trường có thể sử dụng

Áo khoác bảo hộ lao động: Áo dài tay, dày để làm việc có thể sử dụng

Găng tay bảo hộ lao động: Găng tay vải cotton hay sợi tổng hợp có thể sử dụng

Quần lao động với kháng đỡ vết cắt: Quần chuyên dụng, chống việc cắt vào chân

Ủng bảo hộ: Giày có mũi sắt.

Hình 1: Phương tiện bảo hộ lao động bắt buộc cho thợ cưa xăng

Đối với công nhân hỗ trợ cho thợ cưa như khoan vác gỗ, bóc gỗ, hỗ trợ cắt khúc,...thì bảo hộ lao động thông thường (mũ cứng, quần áo, dày vải, găng tay bằng vải đủ dày).

Tổ khai thác rừng cần phải có túi sơ cứu với đầy đủ các loại dụng cụ như nẹp các kích cỡ, dây buộc nẹp, các loại thuốc như thuốc đau bụng, cồn, thuốc khử nhiễm trùng vết thương, gạc băng cuốn vết thương,...còn thời hạn sử dụng;

Cưa xăng cần đầy đủ các bộ phận đảm bảo các tính năng của cưa và ở trạng thái hoạt động tốt.

4.2. Hoạt động chăm sóc cao su hoặc phát quang thực bì (dùng máy cắt cỏ cầm tay):

Đối với hoạt động chăm sóc có dùng hoá chất BVTV hoặc làm cỏ trong quá trình chuẩn bị trồng rừng, trong quá trình cắt cỏ ở giai đoạn chăm sóc rừng, người dân thường dùng máy cắt cỏ cầm tay. Máy cắt cỏ có ưu điểm như nhanh, năng suất lao động cao. Tuy nhiên, máy cắt cỏ tiềm ẩn các nguy hiểm. Vì vậy, cần có yêu cầu về bảo hộ lao động đặc thù:



1. Mũ bảo hộ vỏ cứng: Cần có vỏ cứng với mặt lưới hoặc

2. Mặt nạ: Mặt nạ mũ bằng kính mica hoặc lưới dày che chống bắn đá, cành cây.

3. Áo, quần bảo hộ lao động: Áo dài tay, dày để làm việc có thể sử dụng

4. Găng tay bảo hộ lao động: Găng tay vải cotton hay sợi tổng hợp có thể sử dụng.

5. Ủng ống cao: Ủng ống cao bằng cao su, có tác dụng chống bắn đá và các vật cứng.

6. Khẩu trang (khi dùng BVTV): khẩu trang kín mũi, miệng để tránh hoá chất bay vào đường hô hấp miệng, mũi

5. Một số yêu cầu bắt buộc khi tác nghiệp tại hiện trường:

- Khi đi khai thác bắt buộc phải mang túi thuốc sơ cứu để khi xảy ra tai nạn có thể sơ cứu ngay người bị nạn trước khi đưa đi bệnh viện.

- Đóng biển cảnh báo Khu vực khai thác, khu vực nguy hiểm cấm lửa để người dân xung quanh biết có phương án phòng tránh.

6. Chế độ cấp phát bảo hộ lao động:

- Đối với thợ cưa gỗ: Thợ cưa tự trang bị với sự tư vấn của Ban quản lý Nhóm.

- Đối với công nhân phục vụ khai thác và người dân sử dụng máy cắt cỏ: Tự trang bị.

- Hàng năm, các bên cần rà soát, nếu thiếu hoặc hỏng thì phải mua sắm, bổ sung mới.

- người lao động, có xác nhận của trưởng nhóm thì người lao động sẽ được cấp lại.

7. Sử dụng và bảo quản bảo hộ lao động:

- Người phụ trách An toàn lao động phải có trách nhiệm hướng dẫn, tập huấn người lao động sử dụng thành thạo các phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp trước khi cấp phát và phải kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng.

- Người lao động khi được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân phải có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tốt các phương tiện dụng cụ bảo hộ lao động được cấp phát. Nếu không phụ trách công việc nữa thì người lao động phải trả lại những phương tiện, dụng cụ đã được cấp phát cho Nhóm.

- Khi giao cho người lao động bảo hộ lao động thì phải có trách nhiệm giữ gìn bảo quản tránh hư hỏng thiết bị.



8. Tổ chức thực hiện:

- Người phụ trách An toàn lao động lập sổ theo dõi và thống kê các phương tiện, dụng cụ bảo hộ lao động cấp phát cho các cá nhân.
- Nhóm giao cho Phó nhóm giám sát các thành viên đại diện, các thành viên đại diện giám sát các hoạt động tại thôn do cá nhân đó phụ trách, quản lý việc sử dụng lao động, an toàn lao động trong nhóm. Đề nghị có phương án kỷ luật những cá nhân, nhóm nào không chấp hành các quy định về an toàn lao động; đề nghị khen thưởng cá nhân, nhóm thực hiện tốt
- Phó Nhóm lập danh mục cấp phát bảo hộ lao động theo mục 4 và 5 và xây dựng dự trù, kinh phí mua bảo hộ và trình gửi đơn vị tài trợ xin hỗ trợ kinh phí mua.

QT 13. SƠ CẤP CỨU KHI XẢY RA TAI NẠN LAO ĐỘNG

I. MỤC ĐÍCH:

Tại sao cần sơ cứu khi xảy ra tai nạn lao động?

- Trong quá trình sử dụng lao động trong nghề rừng có thể do một yếu tố chủ quan hoặc khách quan nào đó để xảy ra tai nạn đáng tiếc (trồng rừng, khai thác, vận chuyển...).
- Nhằm giảm thiểu tối đa các thiệt hại về sức khỏe cũng như có thể đảm bảo tính mạng con người khi tai nạn xảy ra thì bước sơ, cấp cứu ban đầu là vô cùng quan trọng, nó có thể quyết định đến khả năng cấp cứu thành công ngay sau đó.



II. NỘI DUNG SƠ CỨU BAO GỒM:

1. Sơ cứu khi xảy ra tai nạn là gì?

Tất cả các hoạt động cần phải được thực hiện đảm bảo rằng nạn nhân không bị mất nhiều máu, nhanh chóng đưa nạn nhân ra khỏi tình trạng, khu vực nguy hiểm, kéo dài thời gian trước khi nạn nhân bị đuối sức và đến khi gặp bác sĩ cấp cứu. Toàn bộ công việc được tiến hành một cách phù hợp gọi là sơ cứu.



2. Những nguyên tắc khi tiến hành sơ cứu là gì?

Người sơ cứu không bao giờ phải tự đặt mình vào những tình huống nguy hiểm. Nhớ rằng, bạn không thể nào giúp một nạn nhân nếu bạn biến chính mình thành nạn nhân.

3. Các bước nên làm khi tiến hành sơ cứu là gì?

- Điều đầu tiên bạn nên làm trong bất cứ trường hợp nào mà cần đến sơ cứu đó là tuân theo quy tắc 3C: Coi và kiểm tra sơ, Cuộc gọi, Chăm sóc.

Coi và kiểm tra sơ bộ

- Để Coi và kiểm tra sơ nạn nhân, trước hết bạn nên khảo sát hiện trường xung quanh để đảm bảo sự an toàn. Bạn cần phải hết sức chú ý đến vị trí của nạn nhân khi bạn đến gần họ.
- Nếu trong quá trình giúp đỡ mà bạn làm cho nạn nhân đau hay có những triệu chứng tồi tệ hơn, thì dừng tiếp tục vì bạn có thể làm nạn nhân tồi tệ hơn.

Cuộc gọi khẩn cấp

- Sau khi kiểm tra nạn nhân, hãy chỉ định một người thực hiện Cuộc gọi cấp cứu. Nếu bạn là người duy nhất ở đó ngoài nạn nhân, thì bạn hãy là người gọi cấp cứu.
- Hãy nói thật rõ vị trí hiện tại của bạn, tình hình hiện tại, và mô tả bệnh nhân. Ngoài ra, nếu được, bạn hãy cung cấp hướng đi đến vị trí hiện tại của bạn một cách nhanh nhất. Trong bước này, việc giữ bình tĩnh là một trong những điều quan trọng nhất.

Chăm sóc nạn nhân nếu có thể

- Sau khi thực hiện Cuộc gọi, hãy Chăm sóc một cách thích hợp cho đến khi trung tâm cấp cứu đến và làm phần việc còn lại. Hãy đặc biệt lưu ý tới các dấu hiệu và triệu chứng sốc của nạn nhân, nếu có.

- Luôn luôn nhớ một nguyên tắc quan trọng rằng: Người sơ cứu không bao giờ phải tự đặt mình vào những tình huống nguy hiểm. Nhớ rằng, bạn không thể nào giúp một nạn nhân nếu bạn biến chính mình thành nạn nhân.



4. Những tình huống tai nạn lao động nào cần được sơ cứu?

Hầu hết các tai nạn xảy ra trong lao động cần tiến hành sơ cứu ban đầu. Ở đây chúng tôi xin trình bày một số vấn đề chính (tai nạn thường thấy) cần tiến hành sơ cấp cứu kịp thời để đảm bảo tính mạng và hạn chế di tật sau khi tai nạn xảy ra:

4.1. Vết thương bị chảy máu:

Đây là chấn thương thường gặp nhất khi bị tai nạn. Nguyên nhân là do va

đập hoặc bị vật sắc nhọn đâm vào da, xương gãy đâm ra ngoài làm rách da, đứt mạch máu, dập chi. Dấu hiệu có thể quan sát bằng mắt như dập nát hoặc rách da, thịt dẫn đến máu chảy. Nếu mất quá nhiều máu sẽ dẫn đến choáng, bất tỉnh, tử vong.

Cần làm gì khi sơ cứu vết thương chảy máu?

Trong trường hợp vết thương có dị vật, **Không nên rút dị vật ra vì có thể làm cho máu chảy ra nhiều hơn.**

➤ Cần xử trí theo các bước sau:

- Mang găng tay hoặc túi nilon sạch khi sơ cứu để tránh lây bệnh truyền nhiễm từ nạn nhân (nếu có).

- Dùng tay ép chặt mép vết thương. Chèn băng, gạc quanh dị vật cho cố định. Lưu ý không băng trùm lên dị vật. Chuyển nạn nhân tới cơ sở y tế.

➤ Với vết thương chảy máu dập nát hay đứt chi, cần:

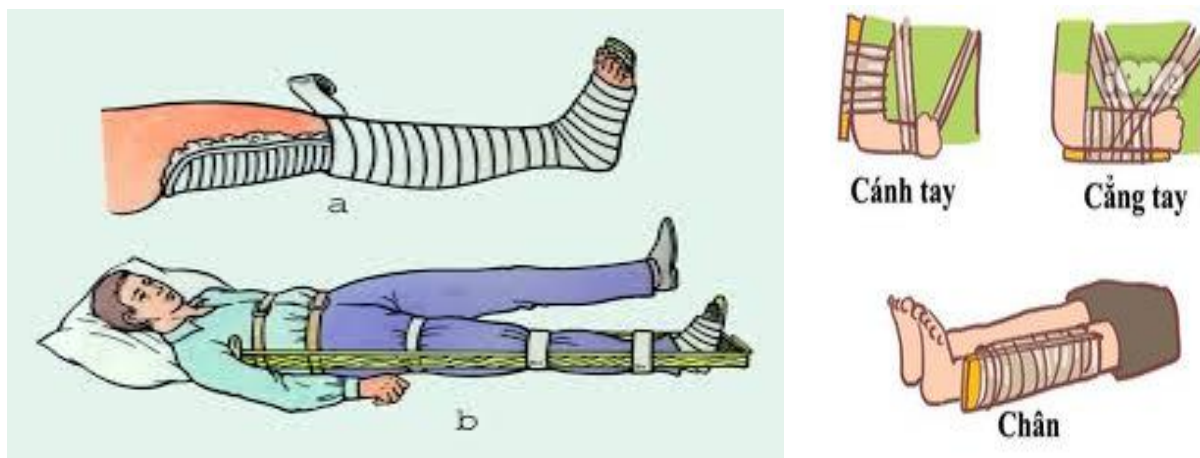
- Đeo găng tay. Làm garo cầm máu bằng cách cuộn quần thật chặt ở vị trí trên vết thương 3-5cm. Có thể dùng vải sạch làm garo nếu không có sẵn dụng cụ y tế.

- Xoắn garo từ từ cho đến khi máu hết chảy. Đưa đến bệnh viện.

4.2. Tai nạn làm gãy xương nạn nhân?



Khi xương bị gãy, dấu hiệu điển hình là đau ở vùng gãy, đau hơn khi sờ ấn hoặc cử động, giảm hoặc không thể cử động chỗ bị thương, kèm theo sưng nề, chảy máu. Trong một số trường hợp da bị bầm tím. Nếu gãy xương hở đầu, xương có thể đâm thủng da.



Việc đầu tiên cần làm là cố định tạm thời bộ phận bị gãy. Tránh làm xương dịch chuyển, không thể xảy ra thêm tổn thương về mạch máu, thần kinh, cơ. Có thể dùng các loại nẹp tự tạo từ gỗ, tre, đòn gánh để cố định vùng xương gãy.

Nếu gãy xương ở gần các khớp, phải cố định cả khớp; chẳng hạn gãy xương đùi cần cố định các khớp háng, khớp gối, khớp cổ chân. Với xương cẳng chân cần cố định khớp gối, khớp cổ chân; Gãy xương cẳng tay cần cố định khớp khuỷu và khớp cổ tay.

- Riêng khi gãy xương hở, không được rửa mà chỉ lau xung quanh vết thương, bôi thuốc sát trùng và băng ép vô khuẩn. Tuyệt đối không ấn đầu xương gãy vào trong.
- Sau đó nhanh chóng đưa bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị. Có thể dùng xe máy chở nạn nhân gãy xương chi ở tư thế ngồi. Tuy nhiên trong trường hợp gãy xương cột sống hay xương đùi cần vận chuyển trên cáng nằm.

4.3. Tai nạn làm chấn thương sọ não hoặc co giật?

- Khi quan sát thấy nạn nhân bị va đập ở vùng đầu, đừng tự ý di chuyển mà hãy nhờ sự giúp đỡ của những người khác. Nếu nạn nhân hôn mê, không nên cho uống bất kỳ loại nước nào vì dễ bị sặc.
- Nạn nhân chấn thương sọ não có thể bị vỡ sọ, vết thương xuyên thấu, dập não, xuất huyết trong hoặc phù não, co giật. Khi đó, nên đặt nạn nhân nằm ở nơi thoáng khí với tư thế chân kê cao hơn đầu khoảng 20 cm nếu không thấy chảy máu đầu cổ, không bị nhồi máu cơ tim. Cần ủ ấm cho bệnh nhân. Nếu nạn nhân ngưng tim, ngưng thở, nên ưu tiên hô hấp nhân tạo, xoa bóp lồng ngực ở vùng tim.
- Sau khi xử trí tổn thương ban đầu, gọi xe cấp cứu ngay. Nếu nghi ngờ nạn nhân bị tổn thương cột sống, phải thật cẩn trọng khi khiêng cáng ra khỏi hiện trường. Trong quá

trình di chuyển, cần cố định nạn nhân bằng cách chèn vải, chặn gối ở phần đầu, cổ và thân.

- Khi nạn nhân co giật: Cần đặt nạn nhân nằm trên vùng đất an toàn, nâng đỡ đầu, nới rộng quần áo, đặc biệt ở vùng cổ. Nếu có nôn ói, hãy xoay nạn nhân nằm nghiêng một bên để tránh hít chất nôn vào phổi. Sau đó gọi số 115 để được hỗ trợ.

4.4. Tai nạn làm bong gân, trật khớp?

Đối với bong gân: Hạn chế cử động vùng bị tổn thương. Băng, ép nhẹ vùng tổn thương và chườm đá. Nếu thấy các đầu chi có tái nhợt, nên nới băng lỏng.

Trật khớp: Không cử động khớp mà cần cố định khớp ở đúng vị trí sai lệch. Không thoa dầu nóng hay nắn khớp mà chỉ nên chườm lạnh vùng tổn thương.





QT 14. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG THUỐC BVTV

I. QUY TRÌNH SỬ DỤNG HÓA CHẤT BVTV

1. Yêu cầu khi sử dụng hóa chất.

+ Thuốc bảo vệ thực vật nên được chọn sử dụng một cách cân nhắc, các hoạt chất có tính độc cao không nên sử dụng như gốc chlor hữu cơ. Nên chuyển sang sử dụng các hoạt chất ít độc, có chu kỳ phân hủy ngắn trong môi trường.

+ Khi sâu bệnh hại xuất hiện, cán bộ kỹ thuật cần xác định rõ loại sâu hay bệnh giải pháp xử lý, ưu tiên các biện pháp thủ công và thuốc trừ sâu bằng chế phẩm sinh học.

+ Hạn chế sử dụng các loại phân bón hóa học, thuốc trừ sâu là hóa chất, cho dù được cho phép bởi các tổ chức và cơ quan hữu quan.

+ Sử dụng thuốc BVTV là một trong những phương pháp sau cùng khi mà sự tàn phá của dịch hại đã vượt qua ngưỡng nào đó.

+ Người sử dụng phải qua tập huấn, khi sử dụng phải tuân thủ mọi hướng dẫn, quy định của Nhà nước về môi trường.

+ Người sử dụng hóa chất phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn lao động và quy định của ILO về BHLĐ (quần, áo, găng tay, ủng, mặt nạ chống độc, kính chuyên dụng).

+ Chai lọ thuốc đã qua sử dụng nên được súc rửa trước khi vứt bỏ. Người dân có trách nhiệm thu gom và cất giữ bao bì, vỏ thuốc hợp lý sau khi sử dụng.

+ Sau khi sử dụng hóa chất, người sử dụng phải thu gom bao bì thuốc cẩn thận và tiến hành tiêu hủy theo quy định; cọ rửa dụng cụ và vệ sinh thân thể sạch sẽ sau khi tiếp xúc với thuốc.

+ Khoảng cách yêu cầu tối thiểu về sử dụng hóa chất ở ven suối nước và quanh lòng hồ, phạm vi cách suối tối thiểu là 10m, xung quanh hồ chứa là 30m.

+ Hóa chất sử dụng phải được mua hoặc cung cấp có nguồn gốc rõ ràng, có chứng từ xác minh, có lưu nhãn mác.

+ Tất cả các công đoạn từ mua sắm, vận chuyển, lưu kho, sử dụng hóa chất đều phải thực hiện đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật (Xem thêm: Thông tư 21/2015/TT-BNNVPTNT, của Bộ NN và PTNT ngày 8/6/2015 và Thông tư 03/2016 của Bộ NNPTNT ngày 21/4/2016 của Bộ NN&PTNT).

+ Nghiêm cấm sử dụng hóa chất trong danh mục cấm của tổ chức FSC, WHO và Thông tư 19/2022/TT-BNN&PTNT ngày 02/12/2022 của Bộ NN&PTNT.

+ Kiểm tra, giám sát thường xuyên trong suốt quá trình sử dụng thuốc và lập báo cáo kết quả xử lý sâu bệnh lên Trưởng nhóm.

Quan trọng nhất: Trong SXNN, cần hạn chế sử dụng hóa chất ở mức độ thấp nhất, ưu tiên sử dụng các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại bằng biện pháp thủ công và sinh học.

2. Danh mục các loại hóa chất bị cấm sử dụng



Các loại thuốc trừ sâu sau khi sử dụng có tính bền vững, độc hại hay để lại dư lượng có hoạt tính sinh học và tích tụ trong chuỗi thực phẩm, cũng như tất cả các loại thuốc trừ sâu bị cấm theo các thỏa thuận quốc tế".

+ Thuốc cấm theo quy định của Chính phủ Việt Nam: Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 02/12/2022 của Bộ NN&PTNT.

+ Pha chế thuốc: có đủ bảo hộ như trên, không ăn uống hay hút thuốc khi pha thuốc vào phun thuốc, pha đúng liều lượng, không dùng tay khuấy thuốc, phải dùng que.

+ Thời điểm phun: Buổi sáng phun thuốc su khi mặt trời mọc, lá cây đã khô sương hoặc phun vào buổi chiều khi chuẩn bị hết nắng để thuốc không bị phân hủy và phát huy tác dụng.

+ Hướng gió: Người phun thuốc phải phun theo chiều gió và đi giật lùi để tránh thuốc bay vào người làm ảnh hưởng đến sức khỏe.

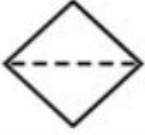
3. Thực hiện phòng trừ sâu bệnh hại

+ Pha chế thuốc: có đủ bảo hộ như trên, không ăn uống hay hút thuốc khi pha thuốc vào phun thuốc, pha đúng liều lượng, không dùng tay khuấy thuốc, phải dùng que.

+ Thời điểm phun: Buổi sáng phun thuốc su khi mặt trời mọc, lá cây đã khô sương hoặc phun vào buổi chiều khi chuẩn bị hết nắng để thuốc không bị phân hủy và phát huy tác dụng.

+ Hướng gió: Người phun thuốc phải phun theo chiều gió và đi giật lùi để tránh thuốc bay vào người làm ảnh hưởng đến sức khỏe.

Bảng phân nhóm hóa chất BVTV theo tính độc ở Việt Nam

Nhóm Ia, Ib	Rất độc		Hình tượng màu đen trên nền màu trắng
Nhóm II	Độc		Hình tượng màu đen trên nền màu trắng
Nhóm III	Nguy hiểm		Hình tượng màu đen trên nền màu trắng
Nhóm IV	Cẩn thận		Không có hình tượng chỉ có chữ cẩn thận

Nguồn: Tài liệu tập huấn khuyến nông 2015



***Sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng: Đúng thuốc - Đúng lúc - Đúng liều lượng, nồng độ - Đúng cách**

Đúng thuốc Căn cứ đối tượng dịch hại cần diệt trừ và cây trồng, nông sản cần được bảo vệ để chọn đúng loại thuốc và dạng thuốc cần sử dụng Chọn những thuốc phù hợp với trình độ sử dụng và điều kiện kỹ thuật ở địa phương. Nếu cửa hàng bán nhiều loại thuốc có tác dụng chọn lọc, ít độc với môi sinh, không gây hại cho cây trồng hiện tại và cây trồng vụ sau; hiệu quả cao. Không phun thuốc cấm, thuốc ngoài danh mục, thuốc kém chất lượng Cần hiểu rõ tác động của thuốc để có cách sử dụng đúng Lưu ý đến hiệu quả kinh tế khi dùng thuốc. Không nên sử dụng cùng một loại thuốc suốt vụ hoặc từ năm nay qua năm khác (<i>Nông nghiệp 1, 2015</i>).	Đúng lúc Chỉ sử dụng thuốc BVTV khi thực sự cần thiết. Nên sử dụng thuốc khi SV phát triển đến ngưỡng gây hại và vượt ngưỡng kinh tế, còn ở diện tích hẹp và các giai đoạn dễ mắc cảm với thuốc, thời kỳ sâu non, bệnh chớm xuất hiện, trước khi bùng phát thành dịch. Phun trễ sẽ kém hiệu quả và không kinh tế
Đúng liều lượng, nồng độ Nếu dùng nồng độ, liều lượng quá cao thì dịch hại chết nhanh nhưng làm tăng tính chịu đựng, tính kháng thuốc, tồn kém, ảnh hưởng đến môi trường và gây độc cho người sử dụng. Ngược lại, nếu dùng nồng độ, liều lượng quá thấp so với khuyến cáo sẽ không diệt được dịch hại à còn nhanh chóng gây kháng thuốc. Do vậy, cần đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trên nhãn thuốc để đảm bảo thuốc trải đều và tiếp xúc với dịch hại nhiều nhất, hiệu quả phòng trừ cao (<i>nông nghiệp 1, 2015</i>).	Đúng cách Pha chế thuốc đúng cách theo dạng chế phẩm và theo hướng dẫn ghi trên nhãn thuốc. Cần phun rải đều và đúng vào vị trí SV tập trung gây hại. Nên phun thuốc vào sáng sớm hoặc chiều mát. Không phun ngược hoặc ngang chiều gió. Ngoài ra, cần phải bảo hộ và an toàn lao động, giữ đúng thời gian cách ly; bảo quản, cất giữ thuốc, dụng cụ pha chế, phun, rải thuốc ở gia đình, xử lý thuốc thừa, mất phẩm chất và vỏ bao bì hết thuốc đúng cách (<i>nông nghiệp 1, 2015</i>).

***Các triệu chứng ngộ độc thường xảy ra với người khi phun thuốc BVTV**

- Mẩn ngứa
- Đau bụng, tiêu chảy
- Mệt mỏi, nôn mửa
- Đau đầu, chóng mặt

*** Lưu ý**



- Đối với người cần trang bị đầy đủ bảo hộ lao động trước khi sử dụng thuốc BVTV, có biện pháp canh tác, cải tạo đất tốt để hạn chế lượng thuốc sử dụng ít nhất, sử dụng thiên địch giúp tiêu diệt dịch hại.

- Thực hiện nguyên tắc 4 đúng trong sử dụng thuốc BVTV

- Nâng cao nhận thức trong việc xử lý bao bì, chai lọ và tráng rửa dụng cụ đúng cách sau khi sử dụng thuốc BVTV để đảm bảo sức khỏe và môi trường sống.

- Chú trọng việc thu gom và xử lý bao bì thuốc BVTV sau sử dụng. Hiện nay, tại các thôn, xã đã có hố/ bể chứa bao bì, vỏ thuốc BVTV nên vận động và tuyên truyền người dân bỏ vào.

4. Các loại bệnh, sâu thường xuất hiện trên cây cao su

Tác nhân	Bộ phận bị hại	Tác hại trên vườn kiến thiết cơ bản và vườn kinh doanh
Bệnh	Lá	1. Bệnh phấn trắng 2. Bệnh héo đen đầu lá 3. Rụng lá mùa mưa 4. Cory nespora 5. Bệnh rụng lá Pestalotiopsis 6. Cháy nắng 7. Rét hại
	Cành	1. Bệnh nấm hồng 2. Bệnh Botryodiplodia 3. Khô ngọn khô cành 4. Sét đánh 5. Rét hại
	Thân	1. Bệnh nấm hồng 2. Bệnh Botryodiplodia 3. Loét sọc mặt cạo 4. Thối vỏ Fusarium 5. Khô mặt cạo 6. Sét đánh 7. Cháy nắng 8. Rét hại
	Rễ	1. Rễ nâu 2. Lở cổ rễ
Sâu	Lá	1. Câu câu 2. Sâu róm



		3. Nhện đỏ, nhện vàng 4. Rệp sáp 5. Rệp vảy
	Vỏ cây	1. Sâu ăn vỏ
	Gốc và rễ	1. Mối 2. Sùng hại rễ

5. Đặc điểm bệnh lý và cách phòng trừ bệnh lá

5.1. Bệnh phấn trắng

- Tác nhân gây bệnh: Do nấm *Oidium heveae*.
- Phân bố: Ở khắp các vùng trồng cao su, tập trung vào mùa thay lá hàng năm.
- Tác hại:

Bệnh gây rụng lá non và hoa cao su trên mọi lứa tuổi.

- Triệu chứng:

Trên lá bị bệnh có nấm màu trắng ở 2 mặt lá.

- Xử lý:

+ Đối với vườn kiến thiết cơ bản: Sử dụng thuốc tubeconazole nồng độ 0,0125% (125ppm) hoặc Hexaconazole nồng độ 0,01% (100ppm). Pha với chất bám dính nồng độ 0,02% phun thuốc phủ đều chồi và lá non khi có 15% số cây có lá nhú chân chim, ngừng phun khi có 80% cây có tầng lá ổn định với chu kỳ 8-10 ngày/lần khi trời mát (sáng hoặc chiều tối).

+ Đối với vườn cây kinh doanh: Sử dụng thuốc tubeconazole nồng độ 0,0125% (125ppm) hoặc Hexaconazole nồng độ 0,01% (100ppm). Pha với chất bám dính nồng độ 0,02%. Liều lượng phun 400-700lit/ha, phun vào lúc trời mát, 2 lần, cách nhau 8-10 ngày. Thời điểm phun thuốc lần đầu cần đủ 2 yếu tố về tỉ lệ số cây trên vườn: (i) Có ít nhất 30% đang nhú mầm và (ii) Từ 15-20% có lá non giai đoạn chân chim, lá chưa nhiễm bệnh hoặc rất nhẹ (cấp 1);

Chỉ phun lần 3 khi thời tiết thuận lợi cho bệnh phát triển, tán lá chưa ổn định. Thời điểm phun lần 2 cách lần 1 8-10 ngày.

5.2. Bệnh héo đen đầu lá:

- Tác nhân do nấm: Do nấm *Collectotrichum gloeosporioides*.
- Phân bố: Xuất hiện vào mùa mưa
- Tác hại: Bệnh gây hại cho lá non, chồi non trên vườn cây kiến thiết cơ bản, có thể dẫn tới chết chồi và chết ngọn.

- Triệu chứng: Đầu lá bị héo đen, biến dạng; lá non dưới 15 ngày dễ bị rụng do bệnh, lá già không rụng thì biến dạng, mặt lá gồ ghề.

- Xử lý: Đối với vườn KTCB năm 1 và năm 2, sử dụng 1 trong các loại thuốc sau:

+ Hexaconazole nồng độ 0,01% (100ppm)

+ Tubeconazole nồng độ 0,0125% (125ppm)



+ Propiconazole nồng độ 0,0125% (125ppm)

+ Pyraclostrobin nồng độ 0,005% (50ppm)

Pha với chất bám dính nồng độ 0,2%.

- Thời điểm phun thuốc lần đầu khi có 15-20% số cây ra lá non giai đoạn nhú chân chim, phun thuốc trên chồi lá non. Ngừng phun khi có 80% cây có tầng lá ổn định, chu kỳ 7-10 ngày/lần khi trời mát.

5.3. Bệnh rụng lá mùa mưa

- Tác nhân: Do nấm *Phytophthora botryosa* và *P. palmivora*

- Phân bố: Bệnh xảy ra trong mùa mưa, nhất là giai đoạn mưa dầm kéo dài nhiều ngày.

- Tác hại: Bệnh gây rụng lá già, mức độ gây hại khác nhau tùy từng vùng và dòng vô tính.

- Triệu chứng: Biểu hiện của bệnh là trên cuống lá bị rụng có một hoặc nhiều cục màu trắng. Nấm cũng gây chết mắt ghép mới trồng. Trên vườn cây kinh doanh nấm cũng có thể gây ra bệnh loét sọc miệng cạo.

- Xử lý:

+ Đối với vườn KTCB cần phun trị ngay khi phát hiện bệnh, sử dụng thuốc Metalaxyl nồng độ 0,07% (700ppm). Nếu chồi non nhiễm bệnh phải cắt bỏ phần bị thối và bôi thuốc Metalaxyl nồng độ 0,35% (3500ppm) sau đó bôi vaselin.

+ Đối với vườn cây kinh doanh: Không phun trị. Khi xuất hiện bệnh thì bôi Metalaxyl nồng độ 0,35% (3500ppm) lên mặt cạo để phòng trừ bệnh loét sọc miệng cạo. Có thể bón phân đạm (50kg ure/ha) vào thời điểm hết rụng lá để thúc đẩy cây ra lá mới.

5.4. Bệnh *Cory nespora*

- Tác nhân: Do nấm *Corynespora cassiicola*

- Phân bố: Bệnh xuất hiện quanh năm và trên mọi giai đoạn sinh trưởng của cao su ở vùng có 2 cao điểm bệnh cuối tháng 5 đến đầu tháng 6 và cuối tháng 8 đến đầu tháng 9 hàng năm.

- Tác hại: Gây hại đặc biệt nghiêm trọng đến các giống cây mẫn cảm (RRIV 3, RRIV 4). Nấm tấn công lá và chồi làm chết cây KTCB. Bệnh có thể gây rụng lá hàng loạt, nhiều lần làm giảm sinh trưởng, năng suất, nếu kéo dài sẽ gây chết cây KTCB và kinh doanh.

- Triệu chứng: Xuất hiện trên lá, cuống lá và chồi với những triệu chứng khác nhau tùy thuộc vào tuổi, và tính mẫn cảm của từng dòng.

+ Trên lá vết bệnh có hình tròn màu xám đến nâu với viền vàng xung quanh, trung tâm vết bệnh đôi khi hình thành lỗ. Lá non bị hại xoắn lại biến dạng sau đó sẽ bị rụng. Ở một số dvt, lá bệnh có triệu chứng đặc trưng với vết màu đen dạng xương cá dọc theo gân lá. Nếu gặp điều kiện thuận lợi các vết lan rộng gây chết từng phần lá, sau đó lá đổi màu vàng - vàng cam và rụng từng lá một (Hình IX. 4);

+ Trên chồi và cuống lá: vết nứt dọc theo chồi và cuống lá dạng hình thoi, có mủ rỉ ra sau đó hóa đen, vết bệnh có thể phát triển dài đến 20 cm gây chết chồi, chết cả cây. Trên gỗ có sọc đen chạy dọc theo vết bệnh. Trên cuống lá có vết nứt màu đen chiều dài



0,5 - 3,0 mm. Nếu cuống lá bị hại, toàn bộ lá chết bị rụng khi còn xanh dù không có một triệu chứng nào xuất hiện trên phiến lá.

- Xử lý:

+ Sử dụng một trong các loại thuốc sau: Tebuconazole nồng độ 0,0125 - 0,0150% (125 - 150 ppm); Hexaconazole nồng độ 0,01% (100 ppm); Pyraclostrobin nồng độ 0,005% (50 ppm). Pha thuốc với chất bám dính nồng độ 0,2%;

+ Đối với vườn nhân, vườn ươm và vườn cây KTCB: Phun thuốc phủ đều chồi lá non, với chu kỳ 7 - 10 ngày/lần vào lúc trời mát (buổi sáng);

+ Đối với vườn kinh doanh: Phun thuốc trị khi phát hiện bệnh ở mức nhẹ (cấp 1 - 2) và có 3% - 5% lá non rụng do nhiễm bệnh. Tại vùng Đông Nam Bộ, với vườn cây dvt RRIV 3 và RRIV 4 có năng suất cao và thường xuyên nhiễm bệnh, thực hiện phun phòng vào giai đoạn tháng 5 - 6 hoặc tháng 8 - 9 hàng năm khi bệnh tái phát.

Nên xử lý tương tự với những lô liên kề trồng cùng giống. Phun ướt toàn bộ tán lá, chồi non. Phun vào buổi sáng sớm và ngưng khi trời bắt đầu nắng gắt (10:00 - 10:30), phun 2 - 3 lần, chu kỳ 7 - 10 ngày/ lần. Lượng dung dịch phun 600 - 700 lít/ha/lần. Trong trường hợp bệnh nặng phải giảm cường độ cao hoặc tạm ngừng thu hoạch mở Đảm bảo bón phân đầy đủ theo quy trình, những nơi có điều kiện có thể bón tăng lượng phân kali 25% so với quy trình để cây tăng sức chống chịu bệnh. Thường xuyên kiểm tra vườn cây, đặc biệt khi thời tiết chuyển từ mưa sang nắng hạn, vì đây là điều kiện thuận lợi để bệnh bùng phát. Đối với những vườn cây có tiền sử bệnh nặng nên gom thiêu hủy tàn dư mang mầm bệnh (lá, cành nhỏ) vào mùa rụng lá hàng năm.

5.5. Bệnh đốm mắt chim

- Tác nhân: do nấm *Drechslera heveae* (Petch) M.B. Ellis;

- Phân bố: bệnh thường xảy ra trên cây thực sinh trong vườn nhất là vùng đất trũng, xấu;

- Tác hại: bệnh gây hại cho lá non và chồi non làm cây sinh trưởng kém dẫn đến tỷ lệ sử dụng làm gốc ghép thấp;

- Triệu chứng: Vết bệnh đặc trưng như mắt chim, có kích thước 1 - 3 mm với màu trắng ở trung tâm và viền màu nâu rõ rệt bên ngoài, các vết luôn xuất hiện trên phiến lá. Trên lá non, nấm gây biến dạng và rụng từng lá chết một, trong khi trên lá già vết bệnh tồn tại trong suốt giai đoạn sinh trưởng của lá. Chồi cây bị nhiễm bệnh thường bị phù to so với chồi bình thường (Hình IX. 5);

- Xử lý:

+ Làm sạch cỏ tạo cho vườn cây thông thoáng giảm điều kiện lây lan;

+ Bón phân cân đối và đầy đủ;

+ Phòng trị bằng thuốc BVTV: sử dụng một trong các loại thuốc sau: Hexaconazole nồng độ 0,01% (100 ppm); Propiconazole nồng độ 0,0125% (125 ppm); Pyraclostrobin nồng độ 0,005% (50 ppm). Pha thuốc với chất bám dính nồng độ 0,2%. Chỉ xử lý trên vườn ươm. Thời điểm phun thuốc lần đầu khi có 15 - 20% số cây ra lá non giai đoạn nhú chồi chim, phun thuốc trên chồi lá non. Ngừng phun khi 80% cây có tầng lá ổn định. Chu kỳ 7 - 10 ngày/lần vào lúc trời mát (buổi sáng).

5.6. Bệnh rụng lá *Pestalotiopsis*



- Tác nhân: Do nấm *Pestalotiopsis* sp;
- Phân bố: Là loại bệnh mới trên cây cao su. Bệnh đã được ghi nhận tại Indonesia, Thái Lan, Malaysia và Sri Lanka. Chưa có báo cáo phát hiện bệnh này trên cây cao su ở Việt Nam.
- Tác hại: Bệnh gây hại trên lá, chồi, cành, quả và hạt nhưng chủ yếu là trên lá trưởng thành. Bệnh gây rụng lá dẫn đến sụt giảm sản lượng mủ;
- Triệu chứng: Trên lá bị bệnh ban đầu có những đốm nhỏ màu nâu sẫm với quang sáng màu vàng, sau đó vết bệnh mở rộng thành những đốm màu gỉ sắt hoặc nâu sáng có hình tròn hoặc như vảy cá. Các đốm khác nhau về kích thước, có thể nằm riêng lẻ hoặc kết hợp với nhau để tạo thành những đốm lớn hơn. Trên lá có một hoặc vài chục đốm bệnh (Hình IX. 6);
- Xử lý:
 - + Cần ngăn chặn, hạn chế sự xâm nhập của bệnh vào Việt Nam;
 - + Chăm sóc, bón phân, phòng trị tốt các loại bệnh khác để vườn cây tăng sức đề kháng;
 - + Thường xuyên theo dõi, nếu phát hiện bệnh, nhanh chóng báo cáo về Ban Quản lý Kỹ thuật Tập Đoàn và Phòng Nghiên cứu Bảo vệ Thực vật (Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam) để có biện pháp xử lý kịp thời.
 - + Các loại thuốc hexaconazole, propiconazole và chlorothalonil có khả năng khống chế bệnh.

6. Bệnh thân cành

6.1. Khô ngọn khô cành

- Tác nhân:
 - + Do hậu quả của các bệnh *Corynespora*, phấn trắng, héo đen đầu lá, rụng lá mùa mưa, *Botryodiplodia*, rệp,...;
 - + Do gió bão, rét, nắng hạn, sét đánh, thiếu phân bón, ủng nước,...;
- Tác hại: Có thể gây chết cây trong vườn nhân, vườn ươm và vườn KTCB. Với vườn cây kinh doanh, có thể gây chết một phần tán hay toàn bộ cây;
- Xử lý: Tùy theo nguyên nhân gây bệnh mà có biện pháp xử lý thích hợp như bón phân, chống rét, chống hạn. Xử lý các bệnh lá và côn trùng kịp thời. Khi cây, cành bị bệnh thì phải cưa nghiêng 45 độ dưới phần bị chết 10 - 20 cm sau đó bôi một lớp mỏng vaselin.

6.2. Bệnh nấm hồng

- Tác nhân: Do nấm *Corticium salmonicolor* Berk. & Br;
- Phân bố: Bệnh nặng ở vùng có hai mùa mưa nắng rõ rệt, cao trình < 300 m. Bệnh thường xảy ra trong mùa mưa;
- Tác hại: Bệnh gây hại cho cây cao su từ 3 - 12 năm tuổi và nặng nhất ở giai đoạn 4 - 8 tuổi làm chết cành, cắt ngọn;



- Triệu chứng: Vết bệnh xuất hiện trên thân và cành có vỏ đã hóa nâu. Ban đầu vết bệnh có tơ nấm dạng “mạng nhện” màu trắng kèm theo vết mũ chảy. Lúc bệnh nặng nấm chuyển sang màu hồng, mũ chảy nhiều và lan rộng. Khi cành chết, lá khô không rụng, phía dưới vết bệnh mọc ra nhiều chồi (Hình IX. 7),

- Xử lý:

+ Phát hiện bệnh sớm để xử lý kịp thời. Sử dụng thuốc validamycin nồng độ 0,060 – 0,075% (600 - 750 ppm) hoặc hexaconazole nồng độ 0,025% (250 ppm). Pha với chất bám dính nồng độ 1,0%;

+ Phun ướt đều phủ kín từ phía trên vết bệnh 20 cm xuống dưới vết bệnh 10 cm với chu kỳ 10 - 14 ngày/lần cho đến khi khỏi bệnh. Sau khi phun, phải kiểm tra, đánh dấu cây bệnh để xử lý lại nếu bệnh chưa khỏi;

+ Ngưng cạo mù những cây bị chết tán và cây bị bệnh nặng Vào mùa khô, tiến hành cưa cắt cây, cành bị chết và đưa ra bãi lộ để xử lý.

6.3. Bệnh *Botryodiplodia*

- Tác nhân: Do nấm *Botryodiplodia theobromae* Pat.

- Phân bố: Xuất hiện phổ biến tại các vùng trồng cao su tại Việt Nam và gây hại cho hầu hết các giai đoạn sinh trưởng của cây cao su. Nấm thường hoạt động chủ yếu tập trung vào mùa mưa, nếu gặp điều kiện môi trường bất lợi nấm sẽ sống tiềm sinh ở dạng hạch Nấm bệnh phát tán bằng bào tử và khuẩn ty, chủ yếu nhờ vào ẩm độ, nước tự do và gió. Ngoài cây cao su, nấm còn ký sinh gây hại cho gần 500 loài cây thuộc các họ khác nhau, chủ yếu là cây thân gỗ.

- Tác hại: Bệnh làm giảm tỷ lệ ghép sống, chết cây con, chậm sinh trưởng. Bệnh ở mức nặng (cấp 4 trở lên) sẽ làm giảm sản lượng đến 20 - 30% cho vườn cây kinh doanh. Bệnh nặng trong thời gian dài sẽ làm cây khô mặt cạo hoàn toàn.

- Triệu chứng: Vị trí gây hại chủ yếu trên chồi, cành và thân vỏ từ xanh đến hóa nâu. Triệu chứng thay đổi tùy giai đoạn vườn cây.

+ Vườn tum trận: trên gốc ghép xuất hiện những nốt mụn nhỏ sau đó liên kết lại với nhau làm vỏ sần sùi, ít nhựa và khó bóc vỏ khi ghép gây ảnh hưởng đến tỷ lệ sống (Hình IX. 8a). Bệnh xuất hiện tại vị trí mắt ghép, bắt đầu vào thời điểm băng, gây ra hiện tượng chết lại mặt ghép.

+ Tum bầu và vườn tái canh - trồng mới: bệnh xuất hiện trên chồi có triệu chứng ban đầu với vết lõm có màu sậm đen, sau đó lan rộng và chết khô toàn bộ, vỏ bị chết xuất hiện những đốm nhỏ màu đen chứa nhiều bào tử. Phần gỗ bị chết có màu trắng với những vân nhỏ màu nâu đen, vỏ chết khó tách khỏi gỗ.

+ Vườn nhân: xuất hiện những nốt mụn nhỏ trên vỏ xanh nâu, sau đó liên kết lại với nhau làm khó bóc vỏ khi ghép làm giảm tỷ lệ ghép sống (Hình IX.8b);

+ Vườn cây KTCB (1 - 2 năm tuổi trên vỏ xanh nâu): trên chồi xuất hiện vết nứt có dạng hình thoi sau đó phát triển theo hướng lên trên và xuống dưới. Tại vết bệnh có hiện tượng mũ rỉ ra sau đó bị hóa đen, phần vỏ và gỗ bị khô và xộp. Khi vết bệnh lan rộng, tán lá non sẽ khô và héo rũ nhưng không rụng, trên phần vỏ bị chết xuất hiện những đốm có màu nâu đen (Hình IX.8c). Bệnh thường xuất hiện vào thời điểm giao mùa. Mức độ gây hại rải rác hay tập trung 10 - 15 cây/điểm,



+ Vườn cây từ 3 năm tuổi trở lên (vỏ hóa nâu) và vườn cây kinh doanh: ban đầu xuất hiện những nốt mụn nhỏ 1 - 2 mm rải rác, sau đó các nốt mụn liên kết lại thành từng cụm với diện tích 4 - 5 cm hoặc lan ra toàn bộ thân cành. Cây bị nhiễm bệnh nặng làm biểu bì dày lên do nhiều lớp tạo thành, bong tróc ra khỏi vỏ (Hình IX.8d & e). Lớp vỏ cứng và vỏ mềm trở nên cứng và dày hơn, sau đó xuất hiện những vết nứt, đôi khi có mủ rỉ ra và bên dưới không có đệm mủ. Vết nứt trên vỏ cây cao su do bệnh diễn biến rất chậm, chủ yếu theo hướng từ ngoài vào trong. Cây chậm phát triển, vỏ nguyên sinh bị u lồi, bề mặt gỗ ghè nên không thể mở cạo hoặc có thể gây chết cây. Nấm bệnh cũng thường xâm nhập qua các vết nứt trên thân (do các nguyên nhân khác gây ra), tấn công vào bên trong phá hủy tượng tầng và làm thối vỏ gây ảnh hưởng đến sinh trưởng và sản lượng mủ (Hình IX. 8f).

- Xử lý: Nhận diện đúng bệnh để có biện pháp phòng trị chính xác, cần phân biệt rõ và tránh nhầm lẫn với hiện tượng nứt vỏ hoặc bong tróc vỏ do các nguyên nhân khác gây ra như khô mặt cạo sinh lý cháy nắng, sét đánh, rét hại hoặc khô hạn kéo dài, ...

Chú ý chỉ phun thuốc trị bệnh trong mùa mưa. Đối với vườn cây KTCB và vườn kinh doanh, chỉ phun thuốc trị cây bệnh khi vườn cây có trên 50% số cây nhiễm bệnh cấp 2 trở lên. Những cây bị bệnh cấp 4 trở lên khi phát hiện thì xử lý ngay.

+ Vườn cây KTCB (1 2 năm tuổi trên vỏ xanh nâu): sử dụng một trong các thuốc thuốc sau: hexaconazole nồng độ 0,015 - 0,025% (150 - 250 ppm); tebuconazole nồng độ 0,05% (500 ppm), pyraclostrobin nồng độ 0,01% (100 ppm). Pha với chất bám dính nồng độ 0,5%. Xử lý 2 - 3 lần với chu kỳ 10 - 15 ngày/lần. Khi chồi bị chết, cắt nghiêng 45° dưới vị trí chết 10 - 20 cm và dùng vaselin bôi một lớp mỏng tại vị trí cắt;

+ Vườn cây từ 3 năm tuổi trở lên (vỏ hóa nâu) và vườn cây kinh doanh: sử dụng thuốc hexaconazole nồng độ 0,025% (250 ppm), phối hợp với chất bám dính nồng độ 0,5 - 1,0%. Xử lý 2 - 3 lần với chu kỳ 10 - 15 ngày/lần. Phun phủ kín vết bệnh. Chú ý phun kỹ độ cao 0 - 3 m từ chân voi. Ngưng cạo cây bị bệnh nặng để điều trị khỏi bệnh.

6.4. Bệnh thối vỏ *Fusarium*

- Tác nhân: Do nấm *Fusarium equiseti*.

- Phân bố: Xuất hiện trên vườn KTCB và vườn kinh doanh. Nấm thường hoạt động chủ yếu tập trung vào mùa mưa.

- Tác hại: Bệnh gây hại cho hầu hết các bộ phận của cây, làm chậm sinh trưởng vườn cây KTCB, gây thối hỏng mặt cạo làm giảm sản lượng;

- Triệu chứng: Vỏ cây, mạch gỗ và libe phồng lên, hóa nâu và nứt ra, có mủ chảy ra từ các vết nứt. Trên cây trồng mới 1 - 2 năm tuổi, triệu chứng nặng có thể dẫn đến lá rụng, các cành non bị chết và cây ngừng phát triển. Trên cây cao su kinh doanh, triệu chứng bệnh xuất hiện trên miệng cạo, mặt cạo với nhiều vết thâm đen hoặc thối nhũn, phần vỏ bệnh nặng bị khô xốp, màu nâu và có xu hướng lan rộng, bên dưới vết bệnh có lớp đệm mủ, gỗ phía trong vết bệnh bị thâm đen. Vết rập ranh tiền, ranh hậu bị nứt và thâm đen phía trong (Hình IX. 9).

- Xử lý:

+ Vườn cây KTCB: Phun thuốc trị bệnh bằng hexaconazole nồng độ 0,015% (150 ppm) hoặc metalaxyl nồng độ 0,0525% (525 ppm). Phối hợp với chất bám dính nồng độ 0,3%. Phun 2 - 3 lần với chu kỳ 10 - 15 ngày/lần;



+ Vườn cây kinh doanh: Ngưng cạo các cây bị bệnh nặng, tiến hành bôi phòng trị trên miệng cạo bằng thuốc metalaxyl nồng độ 0,35% (3.500 ppm) pha với chất bám dính nồng độ 1,0% cho toàn bộ cây cạo trên lô bị nhiễm bệnh 2 - 3 lần với chu kỳ 10 - 15 ngày/ lần. Các lô liền kề cần phải bôi phòng bệnh cho toàn bộ cây cạo với chu kỳ 1 tháng/lần trong mùa mưa. Bôi thuốc đều trên miệng cạo và thành băng rộng 1 - 1,5 cm trên phần vỏ tái sinh sát miệng cạo. Lưu ý sát trùng dao bằng các loại thuốc nêu trên nhằm hạn chế bệnh lây lan qua dao cạo.

7. Bệnh mặt cạo

7.1. Bệnh loét sọc mặt cạo

- Tác nhân: Do nấm *Phytophthora palmivora* (Bult.) Bult và *P. botryosa* Chee;

- Phân bố: Bệnh xảy ra phổ biến ở vùng mưa nhiều và độ ẩm cao, nhiệt độ thấp;

- Tác hại: Khi cây bị nặng, vết bệnh phá hủy toàn bộ mặt cạo và phát triển lên mặt cạo tái sinh cũng như vỏ nguyên sinh, làm mất diện tích mặt cạo và khó khăn cho việc cạo mủ sau này. Nếu mặt cạo bị hại nặng có thể làm giảm sản lượng đến 100%,

- Triệu chứng: Vết bệnh ban đầu không rõ rệt với những sọc đứng nhỏ hơi lõm vào có màu nâu nhạt ngay trên đường cạo (Hình IX.10). Nếu không phòng trị các vết sẽ liên kết lại thành từng mảng lớn, lúc này vỏ bị thối nhũn và có mủ cũng như dịch màu vàng rỉ ra từ vết thương có mùi hôi thối. Dưới vết bệnh có đốm mủ và những sọc đen trên gỗ, tượng tầng bị hủy hoại và để lộ gỗ;

- Xử lý:

+ Gián tiếp:

Không cạo khi mặt cạo còn ướt và cạo phạm;

Cạo đúng kỹ thuật mang lại hiệu quả phòng bệnh tốt;

Một số vùng bị rụng lá mùa mưa và loét sọc mặt cạo nặng nên giảm cường độ cạo hoặc nghỉ cạo trong thời gian mưa dầm;

Dùng máng chắn mưa hoặc mái che mưa.

+ Trực tiếp:

Sử dụng thuốc metalaxyl nồng độ 0,35% (3.500 ppm) pha với chất bám dính nồng độ 1,0%. Thuốc được quét băng rộng 1 - 1,5 cm trên miệng cạo sau khi thu mủ. Bôi phòng định kỳ 1 lần/tháng vào Mùa mưa dầm ở khu vực có nguy cơ bị bệnh cao, giống mẫn cảm hoặc khi vườn cây bị rụng lá mùa mưa. Bôi trị với chu kỳ 10 ngày lần cho đến khi hết bệnh.

7.2. Bệnh khô mặt cạo

- Tác nhân không do vi sinh mà là hiện tượng sinh lý, hậu quả của việc cạo mủ quá cường độ trong thời gian dài cây bị thiếu dinh dưỡng hoặc do đặc tính sinh lý của cá thể;

- Phân bố xuất hiện trên tất cả các vườn cao su kinh doanh Đôi khi cũng xuất hiện trên cây chưa cạo mủ;

- Tác hại: làm mất sản lượng trước mắt và lâu dài trong suốt chu kỳ kinh tế,



- Triệu chứng: ban đầu một phần miệng cạo không có mũ, có hiện tượng đông mũ sớm trên miệng cạo. Phần trong vỏ có màu nâu nhạt đến đậm, hiện tượng này phát triển chủ yếu ở vùng dưới miệng cạo và lan nhanh. Nếu tiếp tục cạo mũ, bệnh sẽ phát triển làm toàn bộ mặt cạo bị khô, có màu nâu và vỏ cây bị nứt. Vết nứt thường xuất phát từ miệng cạo và lan dần xuống mặt cạo hoặc từ dưới gốc lên theo đường ống mũ. Cây bị khô mũ toàn phần, vẫn không có một dấu hiệu khác biệt nào trên tán lá và cây vẫn sinh trưởng bình thường. Có thể phân cây khô mặt cạo thành hai loại:

+ Khô toàn phần: Miệng cạo bị khô hoàn toàn, mặt cạo bị khô và xuất hiện các vết nứt trên vỏ cạo;

+ Khô từng phần miệng cạo bị khô từng đoạn ngắn. Nếu cho cây nghỉ cạo một thời gian thì cây có thể phục hồi và cho mũ bình thường.

- Xử lý:

+ Phòng: Cạo đúng chế độ cạo quy định. Chăm sóc, bón phân đầy đủ cho vườn cây, nhất là vườn có bồi chất kích thích mũ phải tuân thủ theo quy định đã nêu trong phần thu hoạch mũ;

+ Trị: Hiện nay, chưa có giải pháp nào trị bệnh có hiệu quả. Khi thấy cây cạo không có mũ trên 1/2 chiều dài miệng cạo phải nghỉ cạo - 2 tháng, sau đó kiểm tra tình trạng bệnh, nếu khỏi thì cạo lại với cường độ nhẹ hơn.

8. Bệnh rế

8.1. Bệnh rế nâu

- Tác nhân: Do nấm *Phellinus noxius* (Corner) G. H. Cunn Phân bố bệnh thường xuất hiện trên cây cao su trồng tại những vùng trước đây là rừng có nhiều cây thân gỗ hay vườn cây tái canh. Nếu hố trồng còn rế cây thì có nguy cơ nhiễm bệnh do nguồn nấm đã có sẵn lây qua cây cao su.

- Tác hại: Gây chết cây.

- Triệu chứng: Biểu hiện của bệnh xuất hiện trên tán lá và rế, 1 quan sát kết hợp hai phần để có xác định chính xác nhất (Hình IX.11).

+ Trên tán lá: Tán lá còi cọc, lá có màu xanh hơi vàng co rút và cụp xuống. Nhiều cành nhỏ ở phân dưới tán bị rụng lá. Sau đó, toàn bộ tán lá bị rụng và cây chết.

+ Trên rế rế bệnh mọc nhiều rế con chằng chịt, dính lớp đất dày 3 - 4 mm khó rửa sạch. Sau khi rửa sạch, mặt ngoài rế có màu vàng nâu, phần gỗ chết có những vân màu nâu đen và dễ bóp nát Quả thể thường xuất hiện trên thân gần mặt đất. Triệu chứng trên rế là dấu hiệu chính để xác định cây bị nhiễm bệnh.

- Xử lý:

+ Phòng: Khi khai hoang phải dọn sạch rế trong hố trồng để giảm nguồn lây nhiễm ban đầu. Trên vùng có nguy cơ xuất hiện bệnh, trộn 100 - 150 g bột lưu huỳnh vào hố 5 - ngày trước khi trồng, + Trị: với cây bị bệnh và những cây kế cận, dùng thuốc hexaconazole nồng độ 0,025% (250 ppm) pha trong nước tưới quanh gốc trong bán kính 0,5 m với liều lượng 3 - 5 lít/cây và phải xử lý 2 - 3 lần với chu kỳ 2 tháng/lần,

+ Với các cây bị chết: Cưa cách mặt đất 10 - 15 cm sau đó dùng triclopyr nồng độ 1,25% (12.500 ppm) trong dầu diesel quét lên vết cắt hoặc đào hết gốc rế để tiêu hủy nguồn bệnh.



8.2. Bệnh lở cổ rễ

- Tác nhân: do nấm *Pythium spp* kết hợp với *Phytophthora spp*.
- Phân bố: bệnh thường xảy ra trong giai đoạn mưa dầm có độ ẩm cao kết hợp với nhiệt độ thấp. Hiện nay, bệnh đã xuất hiện tại vùng miền núi phía Bắc.
- Tác hại: Nấm bệnh phá hủy vỏ vùng cổ rễ làm ảnh hưởng đến sinh trưởng. Bệnh nặng có thể gây chết cây;
- Triệu chứng: xuất hiện trên vùng cổ rễ cách mặt đất 0-10 cm, ban đầu vết bệnh hơi lõm có mũ rỉ ra. Gặp điều kiện thuận lợi, vết bệnh sẽ lan rộng, vỏ bị thối đen và vết thương có mùi hôi. Vỏ thối và lộ gỗ, là vị trí thuận lợi cho tác nhân khác xâm nhập làm chết cây (Hình IX. 12);
- Xử lý: Không gây vết thương cho cây trong thời gian chăm sóc (làm cỏ, bón phân,...). Kiểm tra phát hiện sớm cây bị nhiễm bệnh, đánh dấu để tiến hành xử lý. Loại bỏ phần vỏ chết ở vết bệnh sau đó dùng thuốc metalaxyl nồng độ 0,35% (3.500 ppm) pha với chất bám dính nồng độ 1,0% phun hoặc quét. Để thuốc khô rồi dùng vaselin quét một lớp mỏng kín vết bệnh. Sau 25 - 30 ngày, kiểm tra lại vết bệnh và xử lý lặp lại khi còn triệu chứng gây hại. Ngưng cạo cây bị nhiễm bệnh, chỉ mở cạo lại khi cây phục hồi hoàn toàn.

9. Những tác hại khác

9.1. Cháy nắng

- Tác nhân: do tác động của nhiệt độ cao. Một số trường hợp điển hình như sau:
 - + Do nhiệt độ thay đổi đột ngột khi chuyển cây non trong mát đưa ra trồng gặp nắng,
 - + Tưới không đủ ẩm, biên độ nhiệt độ trong ngày cao, + Tủ và làm bồn không kỹ gây bức xạ nhiệt, thường xảy ra ở vùng có đất kết von gần bề mặt hoặc vào mùa nắng nóng kéo dài,
- Phân bố: Xảy ra trên vườn cây KTCB, vườn nhân và vườn ươm. Thường xuất hiện phổ biến vào mùa khô
- Triệu chứng: Lá cháy loang lỗ hoặc từng phần với màu trắng bạc sau đó chuyển qua màu nâu, tiếp theo lá bị rụng hoặc héo rũ, chồi non chết do mất nước. Trên cây KTCB, phần thân hoá nâu gần mặt đất 0 - 20 cm xuất hiện vết lõm hình mũi mác có màu đậm và vỏ bị chết. Vết bệnh hướng cùng một phía phổ biến ở hướng Tây và Tây Nam (Hình IX.13),
- Xử lý: Vườn ươm, vườn nhân cần được tưới nước đầy đủ vào lúc trời mát. Với vườn cây KTCB, cần làm bồn, tủ gốc kỹ và cách xa gốc cây cao su 10 cm trong giai đoạn mùa khô. Quét vôi 5% trên thân cây ở vùng thường xuất hiện cháy nắng. Khi cây bị chết chồi, cưa nghiêng 45° dưới vết bệnh 10 - 20 cm và dùng vaselin bôi một lớp mỏng tại vị trí cắt.

9.2. Sét đánh

- Tác nhân: do tác động của dòng điện có cường độ cao.
- Phân bố: xuất hiện không theo quy luật và xảy ra trong mùa mưa, nhất là giao điểm giữa mùa khô và mùa mưa.



- Tác hại: có khả năng gây hại cho cây cao su KTCB và cây đang thu hoạch mủ. Có thể làm chết cành hay chết toàn bộ cây.

- Triệu chứng: xảy ra rất nhanh, trên tán lá bị héo như những nước sôi. Sau đó, lá bị rụng khi vẫn còn xanh. Vỏ bị khô và có màu nâu đậm, khi bẻ đôi mảnh vỏ có sợi tơ trắng do mủ bị khô. Phần gỗ bị hại tập trung thành từng điểm và rải rác trong lô. Sau 1 - 2 tuần, ngay sát tượng tầng bị khô và có những đám sọc màu đen. Các cây bị hại tập trung thành từng điểm và rải rác trong lô. Sau 1-2 tuần, phần gỗ và vỏ bị khô xuất hiện bột màu vàng nhạt do một xâm nhập (Hình IX.14);

- Xử lý: cần phát hiện sớm, cưa cắt dưới vị trí bị chết 20 - 30 cm và bôi vaselin. Dùng dung dịch với 5% quét lên phần thân cây bị hại. Với cây đang thu hoạch mủ, cho ngưng cạo những cây bị hại để có thời gian hồi phục.

9.3. Rét hại

- Tác nhân: Do tác động của nhiệt độ thấp (dưới 10°C) kéo dài,

- Phân bố: Xuất hiện vào mùa rét khi nhiệt độ thấp hơn 10°C kéo dài, thường bị nặng ở vùng sườn đồi phía Bắc và thung lũng, - Tác hại gây hại cho mọi giai đoạn sinh trưởng của cây làm chết chồi hay chết toàn bộ cây.

- Triệu chứng: lá non bị biến dạng sau đó héo chết, lá già bị héo khô. Đỉnh sinh trưởng bị chết và lan rộng xuống làm thân có màu đen. Trên thân xuất hiện vết nứt, ban đầu rỉ dịch vàng tiếp theo là mủ chảy thành vệt. Nếu nhiệt độ thấp kéo dài có thể gây chết cả cây (Hình IX.15)

- Xử lý:

+ Không sử dụng phân bón kích thích ra chồi, lá non vào mùa rét;

+ Làm bồn tủ gốc sẽ giúp cây chống chịu rét tốt hơn,

+ Trên vườn cây KTCB: Khi thân đã chết, cắt dưới vị trí bị chết 10 - 20 cm và bôi vaselin.

Trên thân cây: Nạo bỏ phần vỏ cây bị chết và bôi vaselin

9.4. Thiệt hại do bị gãy đổ

- Khi vườn cây bị gãy đổ do thiên tai (giông lốc, gió bão) thì đơn vị nhanh chóng thống kê thiệt hại, phân loại theo thiệt hại chi tiết và báo cáo nhanh về Tập đoàn;

- Biện pháp xử lý:

+ Kiểm kê phân loại các dạng (ngiêng long gốc, nghiêng không long gốc, gãy cành, gãy nhánh, gãy ngọn, gãy thân chính, bật gốc,...) tùy theo hiện trạng để xử lý (Bảng 18).

Bảng: Biện pháp xử lý cây gãy đổ

Tình trạng cây gãy đổ	Biện pháp xử lý
Vườn cây KTCB	
Cây bị long gốc	Lên đất chặt cho cây đứng vững.
Cây cong nghiêng khả năng Ưu tiên xử lý cây bị nặng trước, có phục hồi	Có thể cắt toàn bộ cành nhánh hoặc chỉ cắt cành hướng bị nghiêng như việc



	xử lý cân chỉnh tán. Có thể kéo dây, chống đỡ nếu có hiệu quả và khả thi.
Cây gãy ngang thân, tét thân	Cưa nghiêng 45° dưới phần gãy dập 20 cm, bôi vaselin. Khi cây nảy chồi, tỉa chồi cân đối tán.
Cây không có khả năng phục hồi: tróc gốc, nghiêng $\geq 45^\circ$ và đứt rễ cọc.	Cưa thanh lý phần thân bị gãy đổ.
Vườn cây kinh doanh	
Cây bị nghiêng $< 45^\circ$ và chưa đứt rễ cọc	Có thể cắt toàn bộ cành nhánh hoặc chỉ cắt cành hướng bị nghiêng để hạn chế gãy đổ tiếp tục nếu có hiệu quả. Có thể kéo dây, chống đỡ nếu có hiệu quả và khả thi.
Nhóm cây không có khả năng phục hồi: Tróc gốc, nghiêng $\geq 45^\circ$ và đứt rễ cọc hoặc gãy ngang thân, tét thân từ 2,0 m trở xuống.	Cưa thanh lý

+ Trong xử lý vườn cây gãy đổ cần lưu ý: (i) công tác an toàn lao động nhất là trên vườn cây kinh doanh, (ii) giải phóng sớm để chống cháy vườn cây và ổn định công tác sản xuất (1) các cây phải thanh lý được kiểm kê và đánh dấu trước khi cưa để khỏi nhầm lẫn với cây khác

9.5. Ngộ độc thuốc bảo vệ thực vật, phân bón

- Tác nhân: Do cây tiếp xúc với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón sử dụng ở nồng độ, cao vượt quá ngưỡng cho phép.

- Tác hại: Gây ngộ độc cho cây, ảnh hưởng đến sinh trưởng nhất là cây con trong vườn ươm vườn nhân và KTCB.

- Triệu chứng: Triệu chứng ngộ độc ở mức nhẹ là phiến lá gọn sóng biến dạng nhăn và bề mặt lá gồ ghề. Nặng hơn là những vết cháy loang lổ trên lá (mô lá bị chết) là chuyển sang màu vàng, mép lá quăn hướng lên, lá rụng cây bị chửa đọt chết chồi và phát sinh nhiều chồi đại (Hình IX 16),

- Xử lý: Tưới nước lên tán lá trong trường hợp cây bị nhiễm độc nhẹ do sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hoặc phân bón lá Tưới trận nhiều nước trong trường hợp nhiễm độc do bón phân. Trường hợp chết chồi, cắt nghiêng 45 dưới vết bệnh 10 - 20 cm và bôi vaselin lên vết cắt

10. Sâu hại

10.1. Câu cấu ăn lá (*Hypomeces squamosus*)

- Sâu thuộc bộ cánh cứng, cánh có màu ánh kim (Hình IX. 17) thường sống từng cụm 3 - 4 con, núp phía dưới mặt lá, giả chết khi rơi xuống đất, bay không xa, ăn gặm lá già chưa gân lá lại. Ấu trùng ăn rễ cao su;



- Xử lý: bắt câu cầu bằng vợt; phun thuốc cypermethrin nồng độ 0,02% (200 ppm) hoặc alpha-cypermethrin nồng độ 0,02% (200 ppm).

10.2. Sâu róm và sâu đo ăn lá (thuộc họ Noctuidae và Tortricidae)

Sâu ăn lá và chồi non cây cao su. Khi có dịch hại lớn thì phun thuốc abamectin nồng độ 0,0036 - 0,0072% (36 - 72 ppm) hoặc cypermethrin nồng độ 0,01 - 0,02% (100 - 200 ppm).

10.3. Nhện đỏ và nhện vàng

- Xuất hiện trong mùa ra lá mới cùng lúc với bệnh rụng lá phần trắng. Nhện thường gặp trên cây cao su ở vườn cây con và vườn cây KTCB, nằm ở mặt dưới lá. Lá bị nhện vàng gây hại thì có gợn sóng, hai mép lá không đối xứng nên dễ làm với triệu chứng thiếu kẽm (Zn). Lá bị nhện vàng hại thì hai bên mép lá co lại.

Xử lý: Chỉ phun thuốc khi dịch hại nặng, phun thuốc abamectin nồng độ 0,0036 - 0,0072% (36 cypermethrin nồng độ 0,01 - 0,02% (100 - 200 ppm).

10.4. Sâu ăn vỏ

- Gây hại cho vỏ nguyên sinh và tái sinh làm ảnh hưởng đến thu hoạch mủ cao su. Một số loài thường gặp là *Euproctis subnotata*, *Hemithe brachteigutta* và *Acanthopsyche snelleni*.

- Xử lý: Chỉ phun thuốc khi dịch hại nặng, phun thuốc cypermethrin nồng độ 0,02 % (200 ppm).

10.5. Mối gây hại cây cao su

- Do *Globitermes sulphureus* Haviland (Hình IX.18) và *Coptotermes curvignathus* Holmgren thuộc họ Termitidae, bộ Isoptera. Mối thường làm thành những đường bùn ướt nổi lên trên mặt đất, ăn rễ làm chết cây;

- Xử lý:

+ Không lấp rác, cỏ tươi xuống hố trồng. Tủ rác giữ ẩm phải xa gốc cao su, làm cỏ không gây vết thương cổ rễ,

+ Sử dụng thuốc imidacloprid nồng độ 0,02 - 0,04% (200 - 400 ppm) hoặc alpha-cypermethrin nồng độ 0,01 - 0,02% (100 - 200 ppm) tưới vào tổ mối với liều lượng 4 - 5 lít/tổ mối hoặc quanh gốc cây với liều lượng 0,5 - 1,0 lít/cây;

+ Tại những vùng có mối hay gây hại, khi chuẩn bị hỗn hợp phân bón tươi để hồ rễ tum cần pha thêm imidacloprid nồng độ 0,08% (800 ppm) hoặc alpha-cypermethrin nồng độ 0,04% (400 ppm). Với cây bầu, tưới, imidacloprid nồng độ 0,06 - 0,08% (600 - 800 ppm) hoặc alpha-cypermethrin nồng độ 0,03 - 0,04% (300 - 400 ppm) với liều lượng 50 ml/bầu vào thời điểm 2 - 3 ngày trước khi đem trồng.

10.6. Sùng hại rễ cây (họ Melolonthidae)

- Phân bố: Thường xuất hiện vùng đất xám, nhất là nơi sử dụng phân hữu cơ chưa hoại mục hay nơi có chăn thả trâu, bò;

- Tác nhân: sùng là tên gọi chung cho ấu trùng của các loài bọ rầy cánh cứng. ấu trùng màu trắng kem, thân cong chữ C (Hình IX.19), ăn rễ cây, gây chết cây hay gãy đổ;

- Xử lý:

+ Không chăn thả trâu bò trong vườn cao su;



- + Tuyệt đối không dùng phân hữu cơ chưa hoai mục để bón cho vườn cao su,
- + Sử dụng thuốc imidacloprid nồng độ 0,03 - 0,05% (300 - 500 ppm) tưới quanh gốc (với liều lượng 200 - 300 ml dung dịch/cây 1-2 năm tuổi). Trong vườn ươm, nơi thường có sùng thì phải xử lý đất trước khi đặt hạt cao su. Những vùng thường xuyên bị sùng gây hại nên sử dụng bẫy đèn để bắt bọ trưởng thành.

10.7. Rệp sáp (*Pinnaspis aspidistrae*); Rệp vảy (*Saissetia nigra* Nietn., *S. oleae* Olivier và *Lepidosaphes cocculi*)

Là côn trùng chích hút, gây hại cho lá, chồi non và cành trên cao su KTCB 1 - 4 năm tuổi; trên vườn nhân, vườn ươm làm rụng lá, sinh trưởng còi cọc hoặc gây chết cành (Hình IX.20). Ngoài cây cao su chúng còn gây hại cho cây trồng xen và cây thảm phủ;

- Xử lý: dùng thuốc imidacloprid nồng độ 0,01 - 0,02% (100 - 200 ppm) phun trên phần cây bị hại, 2 - 3 lần với chu kỳ 7 - 10 ngày/lần.

10.8. Bọ đen (*Mesomorphus villiger*)

Là côn trùng không gây hại trực tiếp cho cây cao su, thường sống trên thân cây, khi tập trung số lượng lớn trên mặt cao sẽ làm cản trở việc thu hoạch mủ, đôi khi là nguồn tập chất của mủ;

- Xử lý: chỉ phun thuốc khi dịch hại nặng, phun thuốc cypermethrin nồng độ 0,02 - 0,03% (200 300 ppm).

Điều 161. Bọ rùa (*Epilachna indica* và *Harmonia axyridis*)

Ấu trùng thường xuất hiện vào mùa thay lá, ăn hại phần thịt lá non gây vàng và biến dạng lá. Ngoài cây cao su chúng còn gây hại cho cây trồng xen và cây thảm phủ;

- Xử lý: chỉ phun thuốc khi dịch hại nặng, phun thuốc cypermethrin nồng độ 0,02 - 0,03% (200 - 300 ppm).

11. Kiểm soát, sử dụng, bảo quản và an toàn Thuốc bảo vệ thực vật

11.1. Quy định về quản lý và sử dụng thuốc BVTV

- Chỉ sử dụng các loại thuốc có trong danh mục quy định của Bộ NN&PTNT và đã được khảo nghiệm trên cây cao su. Trường hợp sử dụng thuốc ngoài danh mục yêu cầu thuốc phải qua khảo nghiệm trước trên cây cao su,

- Về chất lượng thuốc; phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, phải có chứng thực chất lượng hoặc chứng chỉ kiểm định của nhà sản xuất đối với lô hàng thuốc BVTV được cung cấp.

- Thực hiện mua, sử dụng thuốc theo lượng cần thực tế trong năm, tránh sử dụng thuốc cận ngày hết hạn sử dụng (dưới 1 tháng), quá hạn sử dụng làm giảm hoặc không có hiệu lực phòng trị,

- Khi thực hiện phun phòng trị bệnh phải có nhân viên kỹ thuật hướng dẫn cách pha và phun thuốc; có nhật ký phun thuốc ghi rõ thời gian, địa điểm, loại thuốc, người thực hiện, ghi nhận kỹ thuật thực hiện, có chữ ký của người thực hiện và giám sát kỹ thuật.

11.2. Sử dụng thuốc



Đề sử dụng thuốc có hiệu quả phải theo yêu cầu 4 đúng như sau:

- Đúng thuốc: mỗi thuốc chỉ dùng để phòng trừ cho đối tượng thích hợp. Chỉ sử dụng các loại thuốc có trong danh mục do Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn và của FSC, WHO cho phép;
- Đúng lúc: đúng giai đoạn phát sinh phát triển của tác nhân gây hại để thuốc có tác dụng diệt đạt hiệu quả cao;
- Đúng cách: mỗi loại thuốc có cách dùng khác nhau. Phải theo đúng đặc tính của thuốc và sự hướng dẫn trong quy trình,
- Đúng nồng độ, liều lượng: không tự ý tăng hoặc giảm nồng độ, liều lượng thuốc vì sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý hoặc có tác dụng ngược như gây hại cho người và cây cao su.

11.3. Sơ cứu người bị ngộ độc thuốc BVTV

Khi có người bị ngộ độc thuốc BVTV cần làm ngay các bước:

- Nhanh chóng chuyển nạn nhân ra khỏi vùng nhiễm thuốc,
- Nếu nạn nhân không còn thở, cần tiến hành hô hấp nhân tạo,
- Thay quần áo nhiễm thuốc, lau rửa cơ thể nạn nhân bằng xà phòng và nước sạch. Tránh gây vết thương trên da vì sẽ làm thuốc xâm nhập vào cơ thể nạn nhân nhanh hơn;
- Nếu mắt bị dính thuốc, phải rửa nhiều lần bằng nước sạch, ít nhất trong 15 phút,
- Nếu uống, nuốt phải thuốc không nên gây nôn mửa ngoại trừ có hướng dẫn trên nhãn thuốc. Chỉ dùng ngón tay hay lông gà móc họng làm nôn mửa. Không dùng nước muối và không bao giờ được dùng miệng tiếp xúc với nạn nhân,
- Cho nạn nhân uống dung dịch than hoạt tính (3 muỗng canh pha trong 200 ml nước) có tác dụng hấp thu chất độc trong đường tiêu hóa,
- Nếu nạn nhân bị co giật dùng gạc, lược, . . . răng để tránh nạn nhân cắn đứt lưỡi, chặn giữa hai hàm
- Giữ ấm, thoáng và yên tĩnh cho nạn nhân và nhanh chóng đưa ngay đến cơ sở y tế gần nhất cùng với thuốc gây ngộ độc.

11.4. Triệu chứng ngộ độc thuốc BVTV

- Tất cả thuốc BVTV đều gây độc cho người sử dụng. Triệu chứng có thể biểu hiện ngay sau khi bị ngộ độc, hoặc sau vài giờ hoặc vài ngày. Tùy thuộc vào độc tính, liều lượng, mức độ nhiễm và thời gian tiếp xúc với thuốc mà có biểu hiện khác nhau, gồm:

+ Ngộ độc nhẹ: Đau đầu, buồn nôn, chóng mặt, mệt mỏi, rát da (mắt, muic, họng), tiêu chảy, đỏ mề hôi, ăn không ngon do mất vị giác.

+ Ngộ độc trung bình: Nôn mửa, mờ mắt, đau bụng dữ dội, mạch đập nhanh, khó thở, co đồng tử mắt, đỏ mề hôi nhiều, cơ (bắp thịt) run rẩy, co giật,...

+ Ngộ độc nặng: Cơ bắp co giật, không thở được, mất tỉnh táo, mạch đập yếu (không bắt mạch được), có thể gây tử vong.

- Khi tai nạn xảy ra, nạn nhân bị mê ngay tức thì, chắc chắn đã bị ngộ độc thuốc, cần có biện pháp cấp cứu kịp thời. Lưu ý: Trường hợp ngộ độc nặng biểu hiện sau 12 giờ kể từ khi tiếp xúc là do nguyên nhân khác.



- Kiểu ngộ độc:

+ Ngộ độc cấp tính: là hậu quả của tai nạn hoặc tự tử.

+ Ngộ độc mạn tính: do tiếp xúc lặp đi lặp lại nhiều lần với một lượng thuốc đáng kể.

11.5. An toàn khi dùng thuốc BVTV

- Không ăn, hút thuốc trong khi đang phun thuốc. Không dùng thuốc vào mục đích khác như trị ghê, rệp, chí, muỗi,...;

- Cần có trang bị bảo hộ lao động khi pha chế và phun thuốc. Sau khi phun phải thay quần áo và giặt sạch. Thời gian tiếp xúc thuốc tối đa không quá 6 giờ trong ngày,

- Không sử dụng bình phun bị rò rỉ vì có thể gây ngộ độc. Rửa sạch bình sau khi phun và không đổ xuống ao, hồ hoặc nơi chặn tha gia súc,

- Không phun ngược chiều gió và tránh để thuốc tiếp xúc với tất cả các bộ phận của cơ thể. Nếu bị dính thuốc cần rửa ngay và rửa nhiều lần bằng nước sạch và xà phòng. Nếu cảm thấy mệt nên nghỉ ngơi và thay người khác;

- Không sử dụng bao bì đựng thuốc vào bất kỳ mục đích nào khác.

- Không sử dụng bao bì thực phẩm để đựng thuốc BVTV

- Không sử dụng trẻ em và phụ nữ có thai vào bất kỳ công việc gì có liên quan đến thuốc BVTV;

- Trong trường hợp bị ngộ độc, áp dụng tất cả phương tiện để cấp cứu và đưa đến cơ quan y tế gần nhất cùng với thuốc gây ngộ độc.

11.6. Bảo quản thuốc BVTV

- Thuốc cần có nhãn hiệu rõ ràng;

- Các loại thuốc phải xếp riêng theo đối tượng phòng trị và có tên riêng. Trong kho không để thuốc BVTV lẫn với phân bón,

- Khi nhận, phát thuốc phải ký nhận giữa bên giao và bên nhận để quản lý an toàn.

11.7. Xử lý bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng

- Bao gói thuốc BVTV sau khi sử dụng phải được thu gom về các thùng chứa theo quy định và sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng, năng lực để xử lý phù hợp theo quy định hiện hành;

- Thùng chứa phải đảm bảo các yêu cầu: đặt tại các vị trí thích hợp, dễ nhận biết, gần điểm pha chế thuốc, không làm ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt, khu dân cư, giao thông và mỹ quan nông thôn; làm bằng vật liệu bền chắc, không phản ứng hóa học với chất thải chứa bên trong; có khả năng chống thấm; đảm bảo không bị gió, nước làm xô dịch; có hình ống hoặc hình khối chữ nhật dung tích 0,5 - 1 m³, có nắp đậy kín; bên ngoài có ghi dòng chữ “Thùng chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng” và biểu tượng cảnh báo nguy hiểm. Tối thiểu phải có 01 thùng chứa tập trung tại mỗi đơn vị,

- Bao gói thuốc BVTV sau sử dụng lưu ở thùng chứa phải được chuyển đi xử lý trong vòng 12 tháng;

- Người sử dụng thuốc BVTV có trách nhiệm: thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng để vào thùng chứa theo quy định; để riêng không để chung với rác thải sinh



hoạt và rác vệ sinh đồng ruộng; không sử dụng vào các mục đích khác; không tự ý đốt hoặc đem chôn.



QT 15. QUY TRÌNH QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG VEN SUỐI

I. PHÂN CẤP HÀNH LANG VEN SUỐI

- Khoanh vùng khu vực vùng đệm và khu vực rừng bảo vệ hành lang ven suối, chống xói mòn, sạt lở cần đảm bảo tuân theo Nghị định số 43/2015/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 6/5/2015 và Quy định về khai thác tác động thấp (RIL), cụ thể:

+ Đối với vùng mặt nước: Đảm bảo hành lang ven hồ, mặt nước ≥ 50 mét;

+ Đối với hệ thống sông suối: Chiều rộng 2 bên vùng đệm ven suối tương ứng với chiều rộng mặt nước lòng suối như sau:

++ Chiều rộng của hành lang này ít nhất là 30m ở cả hai bên sông, suối với chiều rộng của lòng sông, suối > 20 m

++ Chiều rộng của hành lang này ít nhất là 20 m ở cả hai bên sông, suối với chiều rộng của lòng sông, suối 10-20 m

++ Chiều rộng của hành lang này ít nhất là 10 m đối với cả hai bên sông, suối với chiều rộng của lòng sông, suối 5-10m

++ Chiều rộng của hành lang này ít nhất là 5m ở cả hai bên suối với chiều rộng của suối 2-5 m.

++ Ngoài ra, các suối cạn, có nước theo mùa cũng được cân nhắc thiết lập vùng đệm nếu có nguy cơ xạc lở, xói mòn, bảo vệ đất.

- Tiến hành đi dọc các con suối để xác định hiện trạng hàng lang vùng đệm để chia ra các loại thảm thực bì, xác định chiều rộng, khoanh vẽ trên thực địa lên bản đồ.

II. QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG VEN SUỐI

2.1. Đối với đất đã trồng cao su:

Đất lịch sử đã trồng cao su cần tiến hành:

- Trao đổi với các chủ rừng, thống nhất biện pháp quản lý bảo vệ;
- Đánh dấu trên bản đồ và trên thực địa (những điểm thiết yếu – nếu có điều kiện);
- Quá trình chăm sóc và quản lý bảo vệ cao su cần chú ý không gây tác động đến đến thảm thực bì, cây tái sinh tự nhiên, không thải rác và các chất ô nhiễm.
- Không phá cây tự nhiên ven suối khi khai thác gỗ cao su.
- Thay thế cây bản địa đa mục đích ở những nơi phù hợp.

2.2. Đối với các diện tích đã có thực bì, cây bụi tự nhiên:

- Bảo vệ thảm thực vật, cây bụi, cây gỗ tái sinh tự nhiên.
- Trồng xúc tiến tái sinh cây bản địa ở những nơi có thể.

2.3. Quản lý chung

- Nghiêm cấm các hành vi chăn thả gia súc, chặt cây, đốt thảm cây tự nhiên.
- Giám sát thường xuyên.



QT16. QUY TRÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG NHÃN MÁC THEO TIÊU CHUẨN FSC-STD-500-01-V2-1

1. Yêu cầu đối với thiết kế và sử dụng nhãn FSC

Căn cứ vào yêu cầu nhãn mác của sản phẩm từ bộ phận kinh doanh của Nhóm hộ/Công ty hoặc từ phía khách hàng, nhân viên thiết kế tem nhãn sẽ lập ra hồ sơ kỹ thuật cho các loại nhãn mác khác nhau. Hồ sơ về tem nhãn phải mô tả được:

- Hình dạng thực tế với đầy đủ thông tin diễn giải kích thước tem nhãn, màu sắc, loại Font chữ, mã số chứng chỉ FSC;
- Chung loại tem nhãn (nhãn in, nhãn đề can, nhãn khắc laser...);
- Mô tả vị trí dính nhãn trên sản phẩm;
- Hình chụp mô tả;
- Hoặc mẫu minh họa.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ, nhân viên thiết kế trình Trưởng Nhóm xem xét, thẩm tra để xác định xem nó có phù hợp theo yêu cầu tiêu chuẩn FSC hay không.

Nếu hồ sơ thiết kế là của khách hàng, thì vẫn phải tuân thủ theo quy trình và trình tự xem xét, phê duyệt của Nhóm hộ Thuận Lợi. Nếu các thiết kế này không phù hợp với tiêu chuẩn thì Tổ FSC sẽ báo cáo với Trưởng nhóm để liên hệ và yêu cầu khách hàng chỉnh sửa lại cho đúng với yêu cầu tiêu chuẩn.

Nếu kết quả thẩm tra nội bộ của Nhóm hộ Thuận Lợi là “Đạt” thì toàn bộ hồ sơ kỹ thuật cùng với các minh họa sẽ phải được gửi tới tổ chức chứng nhận để xin phê duyệt cho sử dụng.

Sau khi nhận được phê duyệt chính thức bằng văn bản (Email, văn bản) từ tổ chức chứng nhận thì Nhóm Cao su Thuận Lợi mới được tiến hành in ấn đại trà và đưa vào sử dụng.

Nếu hai tổ chức được chứng nhận FSC tham gia vào một thỏa thuận theo đó nhà cung cấp dán nhãn sản phẩm bằng mã giấy phép nhãn hiệu FSC của người mua, thì các điều kiện sau đây phải được đáp ứng:

a) Sản phẩm được dán nhãn phải nằm trong phạm vi chứng nhận của cả hai tổ chức.

b) Cả hai bên phải thông báo cho các tổ chức chứng nhận của mình bằng văn bản về thỏa thuận. Thông tin này phải bao gồm định nghĩa về tổ chức chứng nhận hoặc chủ sở hữu chứng nhận có hệ thống quản lý sử dụng nhãn hiệu đã được phê duyệt, chịu trách nhiệm phê duyệt nhãn trên sản phẩm.

c) Nhà cung cấp có trách nhiệm đảm bảo rằng mã của người mua chỉ được sử dụng trên các sản phẩm đủ điều kiện được cung cấp cho người mua đó.

d) Nếu nhà cung cấp sử dụng nhà thầu, thì nhà cung cấp có trách nhiệm đảm bảo rằng nhà thầu chỉ sử dụng mã đó cho các sản phẩm đủ điều kiện được cung cấp cho



người mua.

e) Cả hai tổ chức phải giữ thỏa thuận dễ dàng để các tổ chức chứng đánh giá.

Trong tất cả các trường hợp khác, tất cả các hình thức sử dụng tem nhãn mà không có sự phê duyệt của tổ chức chứng nhận, hoặc không có văn bản chấp thuận chính thức thì được xem là vi phạm yêu cầu của tiêu chuẩn FSC. Nếu bị phát hiện thì chứng chỉ CoC có thể bị thu hồi.

Lưu ý đặc biệt:

Trường hợp sử dụng	Mã số chứng chỉ FSC	Số chứng nhận CoC
Trên sản phẩm	X	
Bảng quảng cáo	X	
Vật phẩm quảng cáo	X	
Phần chữ/câu, khẩu hiệu mô tả chứng nhận CoC của Công ty	X	
Trên hóa đơn cho mục đích quảng bá (trang trí)	X	
Trên hóa đơn cho mục đích nhận diện đến sản phẩm FSC ghi trong hóa đơn		X
Trên các chứng từ bán hàng và xuất hàng		X

2. Yêu cầu đối với nhân viên thiết kế nhãn FSC

- Nhân viên thiết kế nhãn FSC phải nắm rõ các yêu cầu của tiêu chuẩn FSC-STD-500-001 V2-1 và phải luôn cập nhật các yêu cầu về sự thay đổi của tiêu chuẩn này hàng năm;

- Nhân viên thiết kế phải tuân thủ hoàn toàn các họa tiết và yêu cầu kỹ thuật khi thiết kế nhãn mác FSC tại Nhóm Cao su Thuận Lợi. Ngoài ra cũng phải tuân thủ theo tiêu chuẩn FSC-STD-500-001 V2-1 về mã màu, font chữ, kích thước, nội dung và cách sắp đặt trên tem nhãn;

- Việc Nhóm hộ Cao su Thuận Lợi sử dụng nhãn mác và mã số chứng chỉ FSC cùng với nhãn mác và mã số chứng chỉ FSC của khách hàng bị coi là không hợp lệ;

- Lưu giữ hồ sơ kỹ thuật, mẫu thiết kế các nhãn sản phẩm, vật phẩm quảng cáo, xác nhận phê duyệt sử dụng tem nhãn FSC phải được lưu giữ ít nhất 5 năm và phải luôn sẵn có để chứng minh phù hợp khi được yêu cầu kiểm tra từ các bên liên quan.

3. Yêu cầu khi thiết kế tem nhãn FSC



1. Hình cây: FSC : chữ ® dạng Superscript

2. Chữ:  : chữ ® dạng Superscript

3. Chữ: Forest Stewardship Council®: chữ ® dạng Superscript.

4. Yêu cầu cụ thể về sử dụng logo FSC

4.1 Yêu cầu chung

Các logo FSC do Forest Stewardship Council A.C sở hữu:

- Forest Stewardship Council
- Biểu tượng logo FSC

*** Lưu ý:**

- Luôn sử dụng chữ ® đi kèm với 03 nhãn hiệu thương mại này trên nhãn mác sản phẩm và các vật phẩm, tài liệu quảng bá;

- Không dịch 03 nhãn hiệu thương mại trên sang tiếng Việt.

-Nhóm Chứng chỉ Thuận Lợi chỉ được sử dụng các nhãn thương mại của FSC® trên sản phẩm và tài liệu, vật phẩm quảng bá khi thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Đã ký kết thỏa thuận cấp phép thương hiệu với FSC;

+ Có chứng nhận FSC FM/CoC (sở hữu mã bản quyền FSC: FSC-CXXXXXX và FM/CoC mã xác nhận **BV-FM/CoC-YYYY**);

+ Sở hữu và sản xuất nguyên liệu có chứng nhận FSC (FSC 100%).

*** Lưu ý:**

Khi thỏa mãn điều kiện trên, Nhóm chứng chỉ Thuận Lợi có quyền quyết định sử dụng hoặc không sử dụng nhãn mác FSC trên sản phẩm và tài liệu quảng bá.

Sau khi có chứng nhận, Nhóm Chứng chỉ Thuận Lợi sẽ được FSC cung cấp tên truy cập (username) và mật khẩu (password) truy cập vào phần mềm Label generator trên <http://chportal.fsc.org/CHLogin> để tạo ra nhãn mác theo quy định của FSC với mã bản quyền FSC® của Nhóm Chứng chỉ Thuận Lợi. Truy cập vào phần mềm này để tạo nhãn mác. Thiết kế nhãn mác, biểu tượng trên vật phẩm quảng cáo phải được xây dựng dựa trên những nhãn mác tạo ra từ phần mềm Label generator của FSC

Không được sử dụng các nhãn thương mại FSC® trong tên nhãn sản phẩm, tên Công ty hoặc tên trang web.

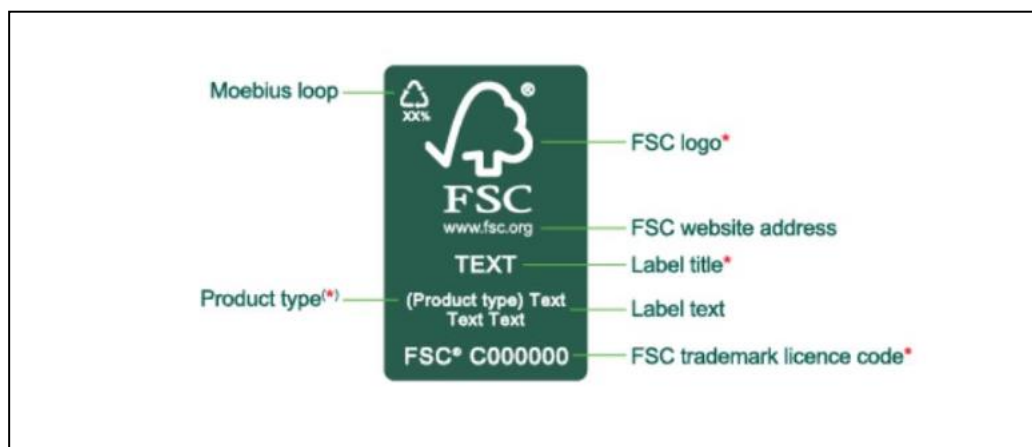
Ví dụ về đặt tên cho sản phẩm

“Golden FSC Timber” = NOT OK

“FSC™ certified Golden Timber” = OK

Hoặc “Golden Timber – FSC™ certified” = OK

Khi quảng bá bằng logo FSC, các yếu tố phải bao gồm như hình dưới



(*): Yếu tố bắt buộc

4.2 Sử dụng Nhãn FSC trên sản phẩm và logo FSC

a) Tại Nhóm Chứng chỉ nhãn mác FSC trên hóa đơn sẽ là nhãn **100%** cho sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu có chứng nhận FSC 100% → Trên nhãn mác sẽ ghi **“Wood from well-managed forests”**, dạng chuẩn.

b) Các thành phần của nhãn mác dạng chuẩn bao gồm:

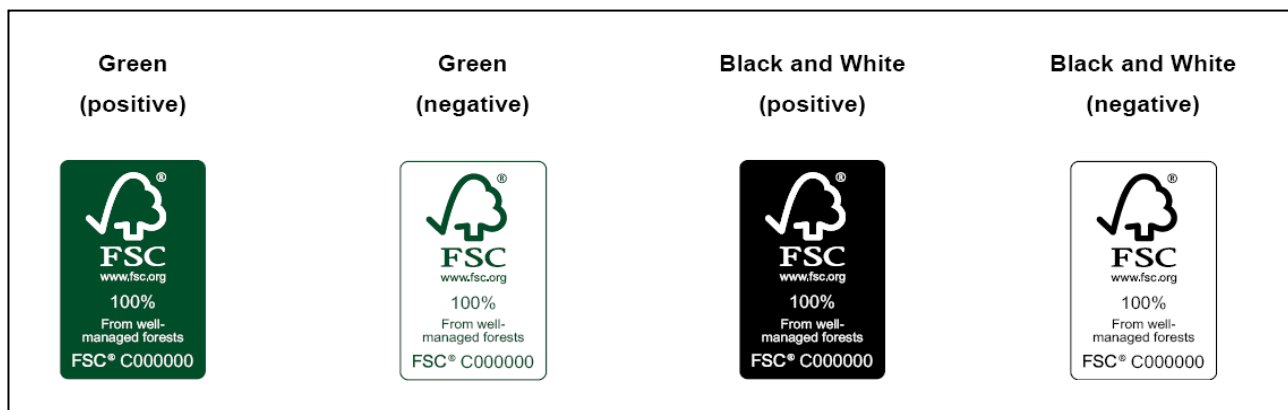
- Biểu tượng FSC: Logo FSC (biểu tượng cây);
- Trang web FSC (www.fsc.org);
- Tiêu đề nhãn: Label title (**100%**);
- Dòng chữ diễn giải (**Wood from well-managed forests**);
- Mã bản quyền FSC: FSC license code (**FSC C000000**).

*** Lưu ý:** Như vậy nhân viên chịu trách nhiệm về nhãn mác FSC khi dán nhãn FSC trên sản phẩm phải:

- Chỉ cho in ấn và cấp phát đủ số lượng nhãn mác FSC theo số lượng mà Giám đốc duyệt;

- Nội dung tiêu đề nhãn FSC (100% và dòng chữ diễn giải đi kèm) trên nhãn mác phải dựa trên yêu cầu về tình trạng môi trường sản phẩm và nguyên liệu đề cập trên lệnh sản xuất (FSC100%);

- Nếu khách hàng của Nhóm hộ thiết kế nhãn mác, phải kiểm tra thiết kế này có đảm bảo các yêu cầu của tiêu chuẩn FSC-STD 50 001 V2-1.



Phông chữ: Arial Unicode MS.

Màu: Pantone 626C



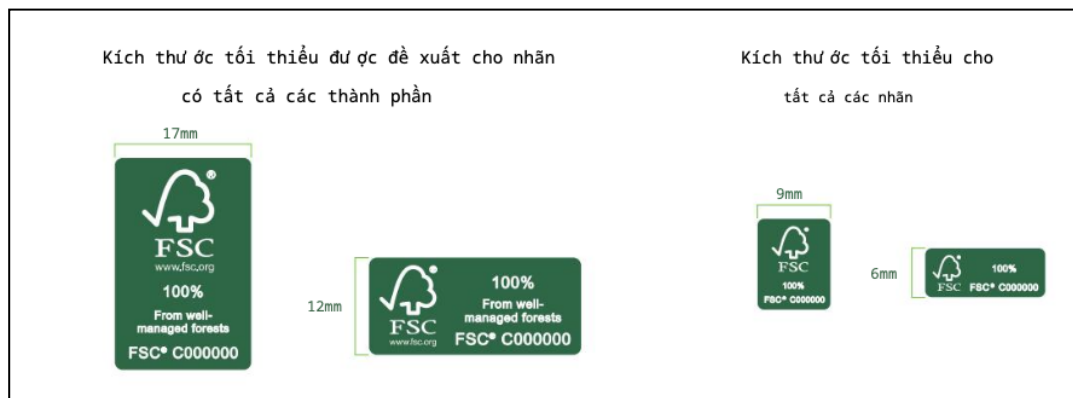
4.3 . Kích thước nhãn FSC trên sản phẩm.

a) Tại Nhóm Chứng chỉ Thuận Lợi, nhãn mác FSC trên sản phẩm sẽ là nhãn **100%** cho sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu có chứng nhận FSC 100%, dạng mini.

b) Các thành phần của nhãn mác dạng mini gồm:

- Biểu tượng FSC: Logo FSC (biểu tượng cây);
- Tiêu đề nhãn: Label title (**100%**);
- Mã bản quyền FSC: FSC license code (FSC® **C000000**).

Kích thước nhỏ nhãn được chọn theo 02 kích cỡ dưới đây



4.4 . Sử dụng FSC trên vật phẩm quảng cáo.

Cập nhật khi Nhóm Cao su Thuận Lợi có nhu cầu sử dụng

MẪU SỬ DỤNG NHÃN FSC TRÊN SẢN PHẨM

(Dùng búa đóng dấu chìm trên sản phẩm)



Quy trình này được phổ biến đến toàn bộ các thành viên Nhóm và các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có liên quan để khai thác sử dụng./.



QT 17. QUY TRÌNH MỞ ĐƯỜNG KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG

I. MỤC TIÊU

- Hướng dẫn mở đường và duy tu bảo dưỡng đường vận xuất, vận chuyển gỗ áp dụng cho rừng trồng sản xuất quy mô nhỏ nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và xã hội;
- Đảm bảo an toàn trong quá trình vận xuất, vận chuyển gỗ từ rừng ra bãi gỗ;
- Giảm thiểu những rủi ro, mất mát tiềm ẩn cũng như thiệt hại tài sản trong quá trình vận xuất, vận chuyển gỗ.

II. HƯỚNG DẪN MỞ ĐƯỜNG VẬN XUẤT, VẬN CHUYỂN

2.1. Quy định chung

- Chỉ mở đường vận xuất, vận chuyển khi thực sự cần thiết. Không mở quá nhiều đường vận xuất trên một lô rừng.
- Chỉ được mở đường vận xuất vào mùa khô. Tuyệt đối không mở đường hoặc tu sửa đường vào mùa mưa.
- Không được mở đường vận xuất chạy thẳng lên đỉnh đồi mà phải lợi dụng địa hình tự nhiên và mở đường theo đường đồng mức hoặc hình zic zắc.
- Phải có đánh giá tác động môi trường và xã hội trước khi mở mới đường vận xuất (Sử dụng mẫu giám sát lô rừng trước khai thác - **mẫu 4e-1**).
- Đường vận xuất, vận chuyển chỉ cần xây dựng đơn giản, một làn xe chạy với mặt đường tối đa 03m, không nên có khối lượng đào đắp lớn, chủ yếu lợi dụng những chỗ có địa hình cho phép và phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật như dọn sạch gốc cây, nếu gặp đá phải sửa cho phẳng, tại các vị trí đường vòng bán kính phải đủ rộng để xe vận xuất gỗ an toàn không bị vướng, chỗ lầy phải được lát đá chống lầy...

2.2. Yêu cầu kỹ thuật

- Mặt cắt ngang: đủ cho 1 làn xe chạy, bề rộng mặt đường không được vượt quá 03m, trừ trường hợp điểm chờ tránh xe hoặc điểm đường cong cần phải mở rộng hơn cho phù hợp để đảm bảo an toàn khi mở cửa cho xe vận xuất. Những chỗ đường tránh xe
- Đảm bảo tầm nhìn tối thiểu khi lái xe là 20m.
- Độ dốc ngang lề không được vượt quá 6% ($<4^\circ$).
- Nền đường:



- Phải đảm bảo ổn định, duy trì được kích thước hình học, có đủ cường độ để chịu được các tác động của tải trọng xe và của các yếu tố tự nhiên trong suốt quá trình khai thác sử dụng.
- Phải đảm bảo việc xây dựng nền đường ít phá hoại sự cân bằng tự nhiên vốn có và không tác động xấu đến môi trường, xã hội.
- Nền đường chủ yếu được hình thành trên cơ sở san gạt địa hình tự nhiên. Trường hợp phải đắp thì lấy đất tự nhiên ở khu vực lân cận. Không được đắp hỗn độn mà phải đắp thành từng lớp. Trước khi đắp phải xử lý hết lớp đất phong hóa để lớp đất mới có thể dính chặt vào nền đường. Nền đường phải chặt, không bị lún khi xe có tải trọng chạy qua.
- Mái đường đắp có tà luy $1:1,75 \div 1:2,00$.
- Mái đường đào có tà luy $1:1,5 \div 1:1,75$.
- Công trình thoát nước:
 - Thoát nước dọc (rãnh biên): Đối với đường vận xuất, vận chuyển cố định: rãnh biên phải có tiết diện hình thang (rãnh đất) hoặc tam giác (rãnh đá), chiều sâu tính từ mặt nền tối thiểu 0,3m, độ dốc lòng rãnh $\geq 0,5\%$. Tận dụng địa hình để tìm cách tháo nước từ rãnh dọc ra chỗ trũng (sông, suối, khe cạn,...) gần đường. Đoạn có dốc dọc từ 8%-12% thì rãnh phải có giải pháp gia cố để chống xói mòn.
 - Rãnh đỉnh: Khi cần thiết thì phải làm rãnh đỉnh để cắt nước không cho đổ trực tiếp vào nền và rãnh biên.
- Công trình vượt qua dòng chảy: Ở những điểm mở đường phải vượt qua dòng chảy thì có thể áp dụng phương án cống, đường ngầm hoặc đường tràn để không gây ảnh hưởng đến dòng chảy và lòng chảy của khe, suối.

III. HƯỚNG DẪN DUY TU BẢO DƯỠNG ĐƯỜNG KHAI THÁC

- Đối với những đường vận xuất tạm thời (chỉ sử dụng duy nhất vào thời điểm khai thác) thì sau khi hoàn thành việc khai thác có thể tiến hành trồng cây lên đường để hạn chế xói mòn, giúp bảo vệ đất. Những chỗ xuất hiện bị xói mòn hoặc đọng nước cần phải có biện pháp khắc phục như khơi rãnh ngang, đắp đất hoặc trồng cây keo dậu, cốt khí lên đường để giảm thiểu xói mòn. Đến thời kỳ khai thác rừng, tiến hành khai thác cây trên đường và duy tu, sửa chữa đường để sử dụng lại.
- Đối với các đường vận xuất, vận chuyển cố định (là đường sử dụng chung của



nhiều chủ rừng, trục đường chính,... thì hằng năm cần phải có giải pháp duy tu bảo dưỡng đường. Các yêu cầu kỹ thuật của việc duy tu bảo dưỡng đường vận xuất như sau:

- Công tác duy tu và bảo dưỡng đường phải được tiến hành thường xuyên để đảm bảo cho đường luôn ở trạng thái phục vụ cao nhất.
- Sau khi mùa mưa kết thúc công tác bảo dưỡng đường phải được tiến hành kịp thời. Tiến hành nạo vét và di chuyển các lớp bùn nhão trên bề mặt, di chuyển đất đá trượt từ trên sườn núi và mái taluy xuống, dung cành lá cây che lên bề mặt taluy để hạn chế xói mòn đất.
- Xẻ rãnh chéo thoát nước ngang đường khi có các hố nước đọng trên đường, khoảng cách các rãnh là 15-30m tùy thuộc vào độ dốc của đường. Khai thác vận chuyển gỗ, trồng rừng xong đóng cửa đường không sử dụng tới chu kỳ khai thác sau (đối với đường vận xuất tạm thời).
- Tất cả hệ thống thoát nước mặt, nước ngầm như rãnh biên, cống ngầm, cầu, đường tràn, đường thấm phải luôn được sửa chữa, bảo dưỡng và ở trạng thái làm việc bình thường nhất là thời kỳ mưa lũ.
- Đường lâm nghiệp thường là đường có chất lượng thấp và thường không xây dựng áo đường vì vậy công tác chăm sóc, bảo dưỡng phải được tiến hành thường xuyên để hạn chế nước chảy trên bề mặt và tạo vệt bánh xe, đảm bảo ổn định cho đường. Luôn luôn sửa sang nền, lề đường cho bằng phẳng, đắp phụ những chỗ trũng, vét hàn bánh xe gạt bỏ những chỗ cao luôn luôn đảm bảo độ dốc ngang mặt đường thoát nước.
- Bảo vệ mái dốc: Bảo vệ chăm sóc các lớp gia cố đã có của mái dốc, bổ sung, sửa chữa kịp thời những chỗ hư hỏng nhỏ (trồng thêm cỏ, lát cỏ...)
- Sửa chữa mái taluy nền đắp bị trượt, sạt: Có thể do nước xói mòn, do gió thổi hoặc do đá lăn, súc vật đi qua gây sạt, trượt mái taluy nền đắp. Đánh cấp chỗ trượt, sạt từ dưới lên. Dùng đất cùng loại để đắp - đắp thành lớp một từ dưới lên, đắp lớp nào đầm chặt lớp ấy.
- Sửa chữa mái taluy đào bị sạt, trượt do nước chảy và tác nhân ngoài gây ra bằng cách: gia cố lớp mặt, che phủ lớp bề mặt Taluy bằng các cành nhánh, lá cây Keo, nạo vét hệ thống thoát nước dọc, ngang để hạn chế tối đa xói mòn đất.
- Đối với một số tuyến đường cấp thấp về mùa mưa phải thực hiện việc cấm



đường để bảo vệ đường và đảm bảo việc thoát nước.